

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



HỒ SƠ TRÌNH CHÍNH PHỦ
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

HÀ NỘI, THÁNG 9 NĂM 2018

MỤC LỤC TÀI LIỆU

1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.
2. Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.
3. Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Nghị định và bản chụp ý kiến góp ý.
4. Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

Số: /TTr-BTNMT

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Về ban hành Nghị định quy định chi tiết
một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Quyết định số 851/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 5, Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan soạn thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. Sau khi nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn chỉnh Dự thảo Nghị định, trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định với những nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Luật Đo đạc và bản đồ đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV ngày 14 tháng 6 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Luật Đo đạc và Bản đồ gồm 9 chương, 61 điều. Để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật, Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết 13 nội dung, cụ thể như sau:

- Điều 12: Hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia;
- Điều 14: Dữ liệu ảnh viễn thám;
- Khoản 3 Điều 16: Cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia;
- Điều 36: Xây dựng, vận hành, bảo trì công trình hạ tầng đo đạc;
- Điều 38: Bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc;
- Điều 41: Lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ;
- Điều 44. Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia;
- Khoản 1 Điều 51: Danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép;

- Khoản 8 Điều 51: Thời hạn, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, bổ sung, cấp lại, cấp đổi, thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

- Điểm c khoản 1 Điều 52: Số lượng nhân viên kỹ thuật được đào tạo về đo đạc và bản đồ của tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

- Khoản 9 Điều 53: Danh mục hành nghề đo đạc và bản đồ; sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật; thời hạn, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ;

- Khoản 3 Điều 54: Nội dung, thời điểm đăng tải thông tin về tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ;

- Điểm p khoản 2, điểm g khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 57 và điểm h khoản 1 Điều 58: Báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ.

Tại Quyết định số 851/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 5, đã phân công Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng 02 Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ sẽ tập trung quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành 12/13 nội dung được giao tại Luật. Đối với nội dung liên quan đến dữ liệu ảnh viễn thám sẽ được quy định tại một Nghị định riêng.

2. Để xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để kế thừa những quy định còn phù hợp với Luật Đo đạc và bản đồ; sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp, bổ sung quy định mới đã được thực tiễn kiểm nghiệm, có tác dụng tích cực, hiệu quả, nhằm tăng khả năng thực thi của pháp luật về đo đạc và bản đồ.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quy định tại các điều, khoản của Luật Đo đạc và bản đồ giao Chính phủ quy định chi tiết để Luật có thể thi hành, áp dụng trong thực tiễn;

- Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về đo đạc và bản đồ.

2. Quan điểm

- Bám sát quan điểm chỉ đạo trong quá trình xây dựng Luật Đo đạc và bản đồ để soạn thảo Nghị định quy định chi tiết các nội dung được Luật giao.

- Bảo đảm tính phù hợp và thống nhất của Nghị định trong hệ thống pháp luật hiện nay; tính công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị định.

- Các quy định của Nghị định phải cụ thể, khả thi phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm triển khai thi hành ngay cùng thời điểm hiệu lực của Luật.

- Kế thừa các quy định của pháp luật hiện hành về đo đạc và bản đồ, không trái với quy định của Luật Đo đạc và bản đồ, bổ sung những quy định mới phù hợp với pháp luật, thực tiễn của Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai xây dựng dự thảo Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 với những hoạt động cơ bản sau đây:

1. Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Dự thảo Nghị định với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan tại Quyết định số 983/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2018;

2. Rà soát, đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đang có hiệu lực thi hành;

3. Xây dựng dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình; tổ chức đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Nghị định;

4. Tổ chức các cuộc họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập; các cuộc họp, hội thảo, hội nghị, khảo sát có sự tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan để tham vấn về các nội dung Dự thảo Nghị định;

5. Đăng tải dự thảo Nghị định lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định;

6. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan về dự thảo Nghị định. Đến ngày 10 tháng 9 năm 2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được 12 ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 36 ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị định trước khi trình Bộ Tư pháp thẩm định.

7. Ngày tháng 9 năm 2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số/BTNMT-ĐĐBĐVN gửi hồ sơ dự thảo Nghị định đề

ngợi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định. Ngày tháng... năm 2018, Bộ Tư pháp có Báo cáo số/BTP-PLSHC báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định; xây dựng Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm có 9 chương, 56 điều, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung (gồm 4 điều, từ Điều 1 đến Điều 4).
- Chương II. Hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia (gồm 5 điều từ Điều 5 đến Điều 9).
- Chương III. Cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia (gồm 02 điều từ Điều 10 đến Điều 11).
- Chương IV. Xây dựng, vận hành, bảo trì và bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc (gồm 06 điều từ Điều 12 đến Điều 17).
- Chương V. Lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (gồm 05 điều từ Điều 18 đến Điều 22).
- Chương VI. Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia (gồm 06 điều từ Điều 23 đến Điều 28)..
- Chương VII. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (gồm 13 điều từ Điều 29 đến Điều 41).
- Chương VIII. Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (gồm 12 điều từ Điều 42 đến Điều 53).

Chương IX. Điều khoản thi hành (gồm 03 điều từ Điều 54 đến Điều 56).

Kèm theo dự thảo Nghị định là 02 Phụ lục, trong đó Phụ lục số 01 quy định 19 biểu mẫu phục vụ cho công tác xây dựng các báo cáo liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ; các biên bản bàn giao mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa, thông tin, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ; các mẫu đơn đề nghị cấp/gia hạn/cấp lại/cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; mẫu giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; mẫu chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.....; Phụ lục số 02 quy định về ký hiệu cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ...

2. Những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Chương I: Những quy định chung

a) Về phạm vi điều chỉnh

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết 12 nội dung được giao trong Luật về hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia; cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia; xây dựng, vận hành, bảo trì và bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.

b) Về giải thích từ ngữ: Dự thảo Nghị định giải thích một số từ ngữ có tính chuyên ngành đo đạc và bản đồ nhằm giúp cho việc hiểu và vận dụng thống nhất trong quá trình thi hành Luật như: *Trạm tham chiếu cơ sở hoạt động liên tục, Trạm tham chiếu hoạt động liên tục, Điểm đo đạc quốc gia. Mô hình geoid...*

2.2. Chương II: Hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia

Chương này quy định về: Số liệu các mạng lưới tọa độ quốc gia (Điều 5); số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia (Điều 6); Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia (Điều 7); số liệu của mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia (Điều 8); công bố số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia (Điều 9).

Nội dung Chương này được xây dựng dựa trên quy định của Luật Đo đạc và bản đồ, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 11:2008/BTNMT Quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao, QCVN 04:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ; quy định về mạng lưới trọng lực quốc gia và trên cơ sở thực tế phân tích, đánh giá thực trạng các mạng lưới đo đạc quốc gia của Việt Nam và tham khảo một số nước trên thế giới để xác định lại các mạng lưới đo đạc quốc gia phù hợp với yêu cầu sử dụng và sự phát triển của khoa học và công nghệ.

Căn cứ vào mật độ và độ chính xác xác định giá trị, mạng lưới tọa độ quốc gia được chia thành lưới tọa độ cấp 0, lưới tọa độ hạng I, lưới tọa độ hạng II, lưới tọa độ hạng III; mạng lưới độ cao quốc gia được chia thành lưới độ cao hạng I, lưới độ cao hạng II, lưới độ cao hạng III; mạng lưới trọng lực quốc gia bao gồm mạng lưới điểm trọng lực cơ sở, mạng lưới trọng lực hạng I và hạng II.

Số liệu của mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia bao gồm giá trị tọa độ, độ cao, trọng lực của các trạm định vị vệ tinh quốc gia được thiết lập trong quá trình xây dựng mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia, được sử dụng để xây dựng hệ tọa độ quốc gia, hệ tọa độ quốc gia động, liên kết hệ tọa độ quốc gia với hệ tọa độ quốc tế, phục vụ nghiên cứu khoa học, phục vụ cho hoạt động đo đạc và bản đồ, dẫn đường và các hoạt động khác.

Do ý nghĩa quan trọng và cần thiết của mạng lưới đo đạc quốc gia, Dự thảo Nghị định quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia trong thời hạn 3 năm kể từ ngày Luật Đo đạc và bản đồ có hiệu lực để công bố sử dụng thống nhất trong toàn quốc.

2.3. Chương III: Cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia

Chương này quy định về: Nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia (Điều 10), cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia (Điều 11).

Nội dung Chương này được xây dựng dựa trên quy định của Luật Đo đạc và bản đồ, QCVN 42:2012/BTNMT Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở; Thông tư số 10/2013/TT-BTNMT ngày 28/05/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 và 1:10.000; Thông tư số 20/2014/TT-BTNMT ngày 24/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý 1:50.000; Thông tư số 21/2014/TT-BTNMT ngày 24/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý 1:10.000 và một số quy định kỹ thuật về thành lập, hiện chỉnh bản đồ địa hình do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Thuật ngữ *cập nhật* được thống nhất trong Dự thảo này theo quy định của Luật Đo đạc và bản đồ thay thế thuật ngữ *hiện chỉnh* thường sử dụng trước đây để đảm bảo sự chính xác, phù hợp và thống nhất với quốc tế (Update), đồng thời phù hợp với quy định đối với cơ sở dữ liệu địa lý hiện nay.

Việc cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia là yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm dữ liệu và bản đồ luôn phù hợp với hiện trạng; đảm bảo yêu cầu đầy đủ, chính xác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; đảm bảo kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương; phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai. Khi cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia được cập nhật, bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ tương ứng được cập nhật đồng thời.

Chu kỳ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia được quy định phù hợp với yêu cầu sử dụng và đặc thù của các lớp dữ liệu, trong đó:

- Dữ liệu giao thông, dữ liệu dân cư được cập nhật định kỳ hàng năm;
- Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia cập nhật định kỳ không quá 05 năm/lần;

- Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ trung bình và tỷ lệ nhỏ vùng biển Việt Nam được cập nhật định kỳ không quá 07 năm/lần.

2.4. Chương IV: Xây dựng, vận hành, bảo trì và bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc

Chương này quy định về xây dựng công trình hạ tầng đo đạc (Điều 12); vận hành, bảo trì công trình hạ tầng đo đạc (Điều 13); tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành, bảo trì, khai thác công trình hạ tầng đo đạc (Điều 14); hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc (Điều 15); trách nhiệm bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc (Điều 16); di dời, phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc (Điều 17).

Nội dung Chương này quy định chi tiết Điều 36, Điều 38 của Luật Đo đạc và bản đồ, kế thừa một số quy định của Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ, Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc. So với Nghị định số 45, Luật Đo đạc và bản đồ đã mở rộng khái niệm và làm chính xác hóa về công trình xây dựng đo đạc, phân biệt rõ hơn giữa công trình hạ tầng đo đạc với công trình xây dựng và quy định phù hợp với sự phát triển của công nghệ mới.

Nhằm tăng cường xã hội hóa trong đầu tư xây dựng công trình hạ tầng đo đạc, dự thảo Nghị định đã quy định về việc tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành, bảo trì, khai thác trạm định vị vệ tinh quốc gia, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành; tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành, bảo trì, khai thác trạm thu dữ liệu viễn thám nhằm huy động các nguồn lực của xã hội để phát triển mạng lưới các trạm định vị vệ tinh, trạm thu dữ liệu viễn thám của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu cấp bách về đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại nhằm tạo sự đột phá trong thu nhận, xử lý dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Ngoài việc quy định về bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc, dự thảo Nghị định quy định cụ thể phạm vi hành lang bảo vệ cho từng loại công trình hạ tầng đo đạc để đảm bảo sự ổn định của công trình trong quá trình sử dụng theo đúng quy định kỹ thuật. Dự thảo còn quy định việc di dời và trách nhiệm di dời công trình hạ tầng đo đạc trong một số trường hợp cụ thể nhằm đảm bảo đảm việc bảo vệ và duy trì các công trình hạ tầng đo đạc, tránh việc làm mất, làm hỏng như hiện nay, gây khó khăn, tốn kém trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

2.5. Chương V: Lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

Chương này quy định về lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (Điều 18); bảo mật thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (Điều

19); cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cho tổ chức, cá nhân trong nước (Điều 20); trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ với tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân nước ngoài (Điều 21); khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (Điều 22).

Nội dung Chương này quy định chi tiết Điều 41 của Luật Đo đạc và bản đồ, kế thừa một số quy định tại các Thông tư số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ, Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Dự thảo Nghị định quy định rõ: Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được chủ đầu tư dự án, đề án giao nộp để lưu trữ theo quy định; quy định cụ thể các loại thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản và chuyên ngành lưu trữ tại Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Các điểm mới là Dự thảo đã quy định cụ thể thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản được lưu trữ lịch sử; quy định về việc cung cấp lại thông tin liên quan cho cơ quan, tổ chức cung cấp nếu phát hiện sai sót, không phù hợp với thực tế, không tồn tại ở thực địa nhằm kịp thời chỉnh sửa, cập nhật các thông tin thể hiện trong thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

2.6. Chương VI: Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia

Chương này quy định về xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch triển khai thực hiện hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia (Điều 23); chỉ đạo, điều phối việc xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia (Điều 24); chính sách, nguồn lực để xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia (Điều 25); công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia (Điều 26); xây dựng, tích hợp dữ liệu không gian địa lý (Điều 27); xây dựng, vận hành Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam (Điều 28).

Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia (NSDI) là nội dung tương đối mới với Việt Nam và lần đầu tiên được đưa vào một văn bản luật.

Cũng như hầu hết các quốc gia trên thế giới, việc triển khai thực hiện NSDI trải qua từng giai đoạn, mỗi giai đoạn đều có mục tiêu cụ thể và được thể hiện trong chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia. Để việc triển khai NSDI được hiệu quả, cần thiết phải thành lập Ủy ban điều phối NSDI do Thủ tướng làm Chủ tịch, các thành viên của Ủy ban gồm đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban Điều phối xây dựng hạ tầng dữ liệu

không gian địa lý quốc gia làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, theo quy chế làm việc do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Với chức năng là cơ quan tổ chức xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu không gian địa lý quốc gia, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối trong xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ định cơ quan đầu mối trực thuộc xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia thuộc trách nhiệm tổ chức triển khai của mình; Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia thuộc trách nhiệm tổ chức triển khai của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Việc phân công trách nhiệm của các cơ quan, địa phương của Dự thảo dựa trên cơ sở quy định tại Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ.

2.7. Chương VII: Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Chương này quy định về danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép (Điều 29); giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 30); điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 31); hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 32); trình tự thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 33); cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 34); gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 35); cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 36); cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 37); phí, lệ phí cấp, gia hạn, bổ sung, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 38); lưu trữ hồ sơ cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 39); thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 40); nội dung, thời điểm đăng tải thông tin về tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 41).

Nội dung Chương này quy định chi tiết khoản 8 Điều 51 của Luật Đo đạc và bản đồ về thời hạn, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, bổ sung, cấp lại, cấp đổi, thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. Các quy định thuộc Chương này kế thừa một số quy định Thông tư số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ, điều chỉnh và quy định bổ sung một số nội dung như:

- Danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép;
- Thủ tục cấp, gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đối với nhà thầu nước ngoài;
- Hình thức nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

- Đăng tải thông tin về tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Quy định về nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến nhằm tạo điều kiện cho việc giải quyết thủ tục cấp giấy phép được nhanh chóng, thuận lợi, giúp cho việc lưu trữ hồ sơ cấp giấy phép đầy đủ, dễ dàng; đồng thời cũng là việc bước đầu xây dựng chính quyền điện tử theo chương trình của Chính phủ. Việc đăng tải thông tin của các tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trên Cổng thông tin điện tử sẽ giúp cho việc quản lý, kiểm tra tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ được thuận lợi.

2.8. Chương VIII: Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

Chương này quy định về danh mục hành nghề đo đạc và bản đồ (Điều 42); thời hạn, nội dung cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Điều 43); hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, nội dung sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề (Điều 44); bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ (Điều 45); hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Điều 46); trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Điều 47); gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Điều 48); cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Điều 49); thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Điều 50); lệ phí cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Điều 51); lưu trữ hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Điều 52); nội dung, thời điểm đăng tải thông tin của cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Điều 53).

Nội dung Chương này quy định chi tiết khoản 9 Điều 53 của Luật Đo đạc và bản đồ. Đây là nội dung hoàn toàn mới nhằm phục vụ công tác quản lý năng lực hoạt động của cá nhân, trách nhiệm của các cá nhân trước pháp luật đối với chất lượng sản phẩm, dịch vụ do mình thực hiện; góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ độc lập nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đặt ra.

Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gồm hai hạng: Hạng I và Hạng II, cấp cho cá nhân thực hiện các nội dung hành nghề một cách độc lập. Để được cấp chứng chỉ hành nghề, phải trải qua quá trình bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ, tham dự sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật.

Quy định về nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến nhằm tạo điều kiện cho việc giải quyết thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề được nhanh chóng, thuận lợi, giúp cho việc lưu trữ hồ sơ cấp chứng chỉ đầy đủ, dễ dàng. Việc đăng tải thông tin của các cá nhân hành nghề đo đạc và bản đồ trên Cổng thông tin điện tử sẽ giúp cho việc quản lý, kiểm tra cá nhân hành nghề đo đạc và bản đồ được thuận lợi.

2.9. Chương IX. Điều khoản thi hành

Chương này quy định về hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

1. Chu kỳ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia.

2. Thành lập Ủy ban Điều phối để giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối, tổ chức triển khai thực hiện xây dựng, phát triển Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo Bộ TNMT;
- Lưu VT, PC, ĐDBĐVN.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,
Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo
đạc và bản đồ.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ về hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia; cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia; xây dựng, vận hành, bảo trì và bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; hoặc hoạt động khác có liên quan đến đo đạc và bản đồ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trạm tham chiếu cơ sở hoạt động liên tục* là trạm định vị vệ tinh phục vụ xây dựng hệ tọa độ quốc gia, hệ tọa độ quốc gia động, liên kết hệ tọa độ quốc gia với hệ tọa độ quốc tế phục vụ nghiên cứu khoa học, cung cấp số cải chính giá trị tọa độ, độ cao cho hoạt động đo đạc và bản đồ, dẫn đường.

2. *Trạm tham chiếu hoạt động liên tục* là trạm định vị vệ tinh cung cấp số cải chính giá trị tọa độ, độ cao cho hoạt động đo đạc và bản đồ, dẫn đường.

3. *Điểm đo đạc quốc gia* là điểm gắn với mốc đo đạc quốc gia, có ít nhất một trong các giá trị tọa độ, độ cao, trọng lực, được thiết lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

4. *Mô hình geoid* là mô hình mặt trọng trường Trái Đất, trên đó thế trọng trường ở mọi điểm có giá trị bằng nhau. Mô hình geoid trùng với bề mặt nước biển trung bình trên các đại dương, giả định kéo dài qua các lục địa; được sử dụng trong xác định độ cao và nghiên cứu khoa học về Trái Đất.

5. *Phương pháp đo đạc và bản đồ* là cách thức thu nhận, xử lý thông tin, dữ liệu về vị trí, hình dạng, kích thước và thông tin thuộc tính của đối tượng địa lý để xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu địa lý và thành lập bản đồ.

Điều 4. Báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Đối tượng lập báo cáo hàng năm về hoạt động đo đạc và bản đồ gồm bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức có hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Báo cáo được gửi bằng văn bản điện tử có chữ ký số của người có thẩm quyền hoặc văn bản giấy do người có thẩm quyền ký và đóng dấu.

4. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ

a) Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ gửi cơ quan chủ quản trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo. Nội dung báo cáo lập theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo lập theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo. Nội dung báo cáo lập theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ trên phạm vi cả nước trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ký, gửi Chính phủ trong thời hạn 45 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo.

5. Ngoài việc thực hiện báo cáo định kỳ, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ thì cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ theo yêu cầu.

6. Cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ của mình.

Chương II

HỆ THỐNG SỐ LIỆU CÁC MẠNG LƯỚI ĐO ĐẠC QUỐC GIA

Điều 5. Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia

1. Mạng lưới tọa độ quốc gia là hệ thống điểm đo đạc quốc gia có giá trị tọa độ không gian được liên kết tạo thành mạng lưới thống nhất, phủ trùm trên toàn quốc, được thiết lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, theo mốc thời gian để xác định và truyền hệ tọa độ quốc gia. Căn cứ vào mật độ và độ chính xác xác định giá trị tọa độ, mạng lưới tọa độ quốc gia được chia thành lưới tọa độ cấp 0, lưới tọa độ hạng I, lưới tọa độ hạng II, lưới tọa độ hạng III.

2. Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia là tập hợp giá trị tọa độ không gian của các điểm đo đạc quốc gia được thiết lập trong quá trình xây dựng mạng lưới tọa độ quốc gia, được sử dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc phục vụ cho hoạt động đo đạc và bản đồ và nghiên cứu khoa học.

3. Tọa độ của điểm trong lưới tọa độ cấp 0 được tính trong hệ tọa độ quốc gia và hệ tọa độ quốc tế.

4. Khi thay đổi hệ tọa độ quốc gia, số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia phải được thiết lập lại.

Điều 6. Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia

1. Mạng lưới độ cao quốc gia là hệ thống điểm đo đạc quốc gia có giá trị độ cao được liên kết tạo thành mạng lưới thống nhất, phủ trùm trên toàn quốc, được thiết lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, theo mốc thời gian để xác định và truyền hệ độ cao quốc gia. Căn cứ vào mật độ và độ chính xác xác định giá trị độ cao, mạng lưới độ cao quốc gia được chia thành lưới độ cao hạng I, lưới độ cao hạng II, lưới độ cao hạng III.

2. Lưới độ cao hạng I và lưới độ cao hạng II được đo lập theo chu kỳ 19 năm. Đối với các điểm trong mạng lưới độ cao quốc gia ở những khu vực có nền đất yếu, chịu nhiều ảnh hưởng của phát triển kinh tế - xã hội, chu kỳ đo lập được rút ngắn tùy theo mức độ ảnh hưởng và do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Mô hình geoid sử dụng cho lãnh thổ Việt Nam được xây dựng trên cơ sở chỉnh lý mô hình geoid toàn cầu theo số liệu trọng lực trên lãnh thổ Việt Nam để phục vụ việc xác định độ cao và nghiên cứu khoa học về Trái Đất.

4. Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia gồm tập hợp giá trị độ cao của các điểm độ cao quốc gia được thiết lập trong quá trình xây dựng mạng lưới độ cao quốc gia được sử dụng thống nhất trong phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động đo đạc và bản đồ và nghiên cứu khoa học.

Điều 7. Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia

1. Mạng lưới trọng lực quốc gia là hệ thống điểm đo đạc quốc gia có giá trị gia tốc lực trọng trường được liên kết tạo thành mạng lưới thống nhất, phủ trùm trên toàn quốc, được thiết lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, theo mốc thời gian để xác định và truyền hệ trọng lực quốc gia. Căn cứ vào mật độ và độ chính xác xác định giá trị gia tốc lực trọng trường, mạng lưới trọng lực quốc gia bao gồm mạng lưới điểm trọng lực cơ sở, mạng lưới trọng lực hạng I và hạng II.

2. Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia là tập hợp giá trị gia tốc lực trọng trường của các điểm trọng lực quốc gia được thiết lập trong quá trình xây dựng mạng lưới trọng lực quốc gia, được sử dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc phục vụ cho hoạt động đo đạc và bản đồ và nghiên cứu khoa học.

3. Lưới trọng lực cơ sở, lưới trọng lực hạng I được đo lập theo chu kỳ 10 năm.

4. Khi có sự biến động trong hệ thống trọng lực quốc gia thì số liệu của mạng lưới hệ thống trọng lực quốc gia phải được thiết lập lại.

Điều 8. Số liệu của mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia

1. Mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia là hệ thống các trạm định vị vệ tinh quốc gia được liên kết thành mạng lưới thống nhất, phủ trùm trên toàn quốc trong hệ tọa độ quốc gia; được xây dựng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia bao gồm hệ thống trạm tham chiếu cơ sở hoạt động liên tục và hệ thống trạm tham chiếu hoạt động liên tục.

2. Số liệu của mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia bao gồm giá trị tọa độ, độ cao, trọng lực của các trạm định vị vệ tinh quốc gia được thiết lập trong quá trình xây dựng mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia, được sử dụng để

xây dựng hệ tọa độ quốc gia, hệ tọa độ quốc gia động, liên kết hệ tọa độ quốc gia với hệ tọa độ quốc tế, phục vụ nghiên cứu khoa học, phục vụ cho hoạt động đo đạc và bản đồ, dẫn đường và các hoạt động khác.

Điều 9. Công bố số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia trong thời hạn 3 năm kể từ ngày Luật Đo đạc và bản đồ có hiệu lực để công bố sử dụng thống nhất trong toàn quốc.

2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia trong thời hạn 30 ngày sau khi phê duyệt hoàn thành.

3. Nội dung công bố số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia bao gồm:

a) Số lượng điểm, sơ đồ và độ chính xác của các mạng lưới đo đạc quốc gia, mô hình geoid áp dụng cho lãnh thổ Việt Nam;

b) Hướng dẫn sử dụng số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia.

Chương III

CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU NỀN ĐỊA LÝ QUỐC GIA VÀ HỆ THỐNG BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH QUỐC GIA

Điều 10. Nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia

1. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia là tập hợp dữ liệu nền địa lý được xây dựng trong hệ tọa độ quốc gia, hệ độ cao quốc gia theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để sử dụng thống nhất trong cả nước, gồm các dữ liệu thành phần sau đây:

a) Dữ liệu cơ sở đo đạc là dữ liệu về các điểm tọa độ, độ cao sử dụng trong quá trình đo đạc, thu nhận, xử lý dữ liệu địa lý;

b) Dữ liệu địa hình là dữ liệu độ cao, độ sâu mô tả hình dạng, đặc trưng của bề mặt Trái Đất bao gồm điểm độ cao, điểm độ sâu, đường đồng mức nối các điểm có cùng giá trị độ cao, đường mô tả đặc trưng địa hình và các dạng địa hình đặc biệt;

c) Dữ liệu thủy văn là dữ liệu về hệ thống sông, suối, kênh, mương, biển, hồ, ao, đầm, phá, nguồn nước, đường bờ nước, các đối tượng thủy văn khác;

d) Dữ liệu dân cư là dữ liệu về các khu dân cư và các công trình liên quan đến dân cư, gồm khu dân cư đô thị, khu dân cư nông thôn, khu công nghiệp, khu

chức năng đặc thù, khu dân cư khác, các công trình dân sinh, cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội khác;

đ) Dữ liệu giao thông là dữ liệu về mạng lưới giao thông và các công trình có liên quan đến giao thông, gồm hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy, cầu, hầm giao thông, bến cảng, nhà ga, các công trình giao thông khác;

e) Dữ liệu biên giới quốc gia, địa giới hành chính bao gồm dữ liệu biên giới quốc gia và dữ liệu địa giới hành chính.

Dữ liệu biên giới quốc gia là dữ liệu về đường biên giới quốc gia và hệ thống mốc quốc giới; dữ liệu về đường cơ sở và hệ thống điểm cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam; dữ liệu về các đối tượng địa lý liên quan đến việc thể hiện đường biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển.

Dữ liệu địa giới hành chính là dữ liệu về đường địa giới hành chính các cấp, hệ thống mốc địa giới hành chính; dữ liệu về các đối tượng địa lý liên quan đến việc thể hiện đường địa giới hành chính các cấp;

g) Dữ liệu lớp phủ bề mặt là dữ liệu về hiện trạng che phủ của bề mặt Trái Đất, bao gồm lớp phủ thực vật, lớp sử dụng đất, lớp mặt nước, các lớp phủ khác.

2. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ lớn được thành lập từ các kết quả đo đạc, điều tra thu nhận thông tin của đối tượng địa lý; cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ trung bình và tỷ lệ nhỏ được thành lập từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ lớn hơn.

3. Bản đồ địa hình quốc gia được thành lập từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình. Nội dung bản đồ địa hình quốc gia được chia thành các nhóm lớp dữ liệu sau:

a) Nhóm lớp cơ sở toán học bao gồm các nội dung về lưới chiếu bản đồ, phiên hiệu mảnh, tỷ lệ bản đồ, lưới tọa độ, điểm tọa độ và điểm độ cao trong phạm vi mảnh bản đồ, các nội dung trình bày ngoài khung mảnh bản đồ;

b) Nhóm lớp dữ liệu địa hình;

c) Nhóm lớp dữ liệu thủy văn;

d) Nhóm lớp dữ liệu dân cư;

đ) Nhóm lớp dữ liệu giao thông;

e) Nhóm lớp dữ liệu biên giới quốc gia, địa giới hành chính;

g) Nhóm lớp dữ liệu về thực vật.

4. Các nhóm lớp dữ liệu được quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 3 Điều này được thành lập từ dữ liệu nền địa lý tương ứng tại các điểm b, c, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều này.

Điều 11. Cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia

1. Yêu cầu cập nhật

Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia phải được cập nhật đầy đủ, chính xác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, đảm bảo kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương; phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai.

2. Phương thức cập nhật như sau:

a) Việc cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 được thực hiện thông qua việc chỉnh lý, bổ sung các đối tượng địa lý có biến động bằng các phương pháp đo đạc và bản đồ;

b) Việc cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và tỷ lệ nhỏ hơn được thực hiện bằng phương pháp biên tập từ các đối tượng biến động được cập nhật từ cơ sở dữ liệu nền địa lý ở tỷ lệ lớn hơn, phiên bản mới hoặc thông qua việc chỉnh lý, bổ sung các đối tượng địa lý có biến động bằng các phương pháp đo đạc và bản đồ;

c) Tùy thuộc vào mức độ biến động, việc cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia được thực hiện theo từng dữ liệu thành phần, nhóm dữ liệu thành phần hoặc theo khu vực. Trường hợp trên 40% đối tượng địa lý trên phạm vi khu vực bị biến động thì thành lập mới cơ sở dữ liệu nền địa lý cho toàn bộ khu vực;

d) Khi cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia được cập nhật, bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ tương ứng được cập nhật đồng thời.

3. Nội dung cập nhật bao gồm:

a) Đối với cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, nội dung cập nhật gồm việc bổ sung, chỉnh lý các biến động về vị trí không gian và thuộc tính của các đối tượng địa lý thuộc các dữ liệu thành phần quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 10 của Nghị định này;

b) Đối với bản đồ địa hình quốc gia, nội dung cập nhật bao gồm việc bổ sung, chỉnh lý các đối tượng địa lý biến động thuộc các nhóm lớp nội dung bản đồ quy định tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định này.

4. Chu kỳ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia là khoảng thời gian tối đa giữa hai lần cập nhật dữ liệu theo quy định như sau:

- a) Trong thời gian không quá 05 năm, cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phải được cập nhật định kỳ. Đối với cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ trung bình và tỷ lệ nhỏ vùng biển Việt Nam được cập nhật định kỳ không quá 07 năm;
- b) Dữ liệu giao thông, dữ liệu dân cư được cập nhật định kỳ hàng năm;
- c) Trong chu kỳ cập nhật, trường hợp dữ liệu thành phần có mức độ biến động lớn hơn 20% thì thực hiện cập nhật cho dữ liệu thành phần đó;
- d) Cập nhật tức thời đối với dữ liệu biên giới quốc gia, địa giới hành chính được thực hiện khi có sự thay đổi;
- đ) Cập nhật tức thời đối với khu vực có sự thay đổi bất thường phục vụ phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;
- e) Cập nhật tức thời đối với khu vực theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV

XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐO ĐẠC

Điều 12. Xây dựng công trình hạ tầng đo đạc

1. Công trình hạ tầng đo đạc xây dựng bằng ngân sách nhà nước phải thực hiện theo đề án, dự án, nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định như sau:

- a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc xây dựng trạm thu dữ liệu viễn thám theo quy định tại Nghị định về hoạt động viễn thám;
- b) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và tổ chức triển khai đề án, dự án, nhiệm vụ xây dựng trạm định vị vệ tinh quốc gia, điểm gốc đo đạc quốc gia, mốc đo đạc quốc gia của mạng lưới đo đạc quốc gia;
- c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai đề án, dự án, nhiệm vụ xây dựng trạm định vị vệ tinh chuyên ngành, mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành của mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Khi xây dựng công trình hạ tầng đo đạc, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục để được giao đất, cho thuê đất hoặc sử dụng công trình kiến trúc đã có để xây dựng công trình hạ tầng đo đạc, xác định hành lang bảo vệ công trình hạ

tầng đo đạc theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Sau khi hoàn thành xây dựng mốc đo đạc, chủ đầu tư làm biên bản bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa cho Ủy ban nhân dân cấp xã với sự có mặt của chủ sử dụng đất có liên quan theo Mẫu số 03, kèm theo sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này; bàn giao danh sách kèm theo sơ đồ vị trí mốc đo đạc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này. Đồng thời, chủ đầu tư bàn giao hồ sơ, kết quả xây dựng mốc đo đạc theo quy định của đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

Điều 13. Vận hành, bảo trì công trình hạ tầng đo đạc

1. Công trình hạ tầng đo đạc phải xây dựng quy trình vận hành bao gồm:

- a) Trạm định vị vệ tinh quốc gia;
- b) Trạm thu dữ liệu viễn thám quốc gia;
- c) Trạm định vị vệ tinh chuyên ngành;
- d) Trạm thu dữ liệu viễn thám chuyên ngành.

2. Việc vận hành công trình hạ tầng đo đạc được quy định như sau:

a) Chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng đo đạc phải lập quy trình vận hành trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi đưa vào khai thác, sử dụng;

b) Đối với công trình hạ tầng đo đạc đang khai thác, sử dụng mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức được giao vận hành công trình hạ tầng đo đạc có trách nhiệm lập quy trình vận hành trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bảo trì công trình hạ tầng đo đạc là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự hoạt động bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình hạ tầng đo đạc bao gồm một hoặc một số hoặc toàn bộ các công việc gồm kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình. Mỗi loại công trình hạ tầng đo đạc phải có quy trình bảo trì quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình hạ tầng đo đạc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức vận hành, bảo trì công trình hạ tầng đo đạc thuộc phạm vi quản lý.

5. Tổ chức, cá nhân được giao vận hành, bảo trì các công trình hạ tầng đo đạc phải thực hiện đúng quy trình về vận hành, bảo trì đảm bảo công trình hạ tầng đo đạc luôn hoạt động bình thường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thiết kế khi xây dựng.

6. Việc vận hành, bảo trì trạm thu dữ liệu viễn thám quốc gia, trạm thu dữ liệu viễn thám chuyên ngành theo quy định của Nghị định về hoạt động viễn thám.

Điều 14. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành, bảo trì, khai thác công trình hạ tầng đo đạc

1. Tổ chức, cá nhân được tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành, bảo trì, khai thác trạm định vị vệ tinh quốc gia, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành; việc tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành, bảo trì, khai thác trạm thu dữ liệu viễn thám theo quy định của Nghị định về hoạt động viễn thám.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường lựa chọn dự án đầu tư để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng trạm định vị vệ tinh quốc gia, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý theo hình thức trực tiếp đầu tư hoặc đầu tư theo hình thức đối tác công tư; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư; lựa chọn nội dung về quản lý vận hành, bảo trì, khai thác công trình hạ tầng đo đạc để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đấu thầu thực hiện.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn dự án đầu tư để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư dự án xây dựng trạm định vị vệ tinh chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư; lựa chọn nội dung về quản lý vận hành, bảo trì, khai thác công trình hạ tầng đo đạc để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đấu thầu thực hiện.

4. Dự án đầu tư khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng phải đảm bảo theo quy định của pháp luật về đầu tư; đảm bảo quyền lợi của nhà nước và tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

5. Việc đấu thầu về quản lý vận hành, bảo trì, khai thác công trình hạ tầng đo đạc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; đảm bảo hiệu quả đầu

tư và khai thác, sử dụng công trình hạ tầng đo đạc; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Điều 15. Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc

1. Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc là hành lang an toàn được xác lập để đảm bảo công trình hạ tầng đo đạc luôn ổn định, hoạt động theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thông số kỹ thuật khi xây dựng công trình hạ tầng đo đạc.

2. Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc phải được xác lập trong quá trình xây dựng công trình hạ tầng đo đạc. Việc cắm mốc giới để xác định và công bố công khai ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc được xác định trên bản đồ địa chính có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Căn cứ vào từng loại công trình hạ tầng đo đạc, hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc được xác lập như sau:

a) Đối với mốc đo đạc trong mạng lưới tọa độ quốc gia, mạng lưới tọa độ cơ sở chuyên ngành, hành lang bảo vệ có bán kính là 50 mét tính từ tâm mốc;

b) Đối với mốc đo đạc trong mạng lưới độ cao quốc gia, mạng lưới độ cao cơ sở chuyên ngành, hành lang bảo vệ có bán kính là 20 mét tính từ tâm mốc;

c) Đối với mốc đo đạc trong mạng lưới trọng lực quốc gia, mạng lưới trọng lực cơ sở chuyên ngành, hành lang bảo vệ có bán kính là 10 mét tính từ tâm mốc;

d) Đối với trạm định vị vệ tinh có bán kính là 50 mét tính từ tâm ăng ten thu tín hiệu vệ tinh;

đ) Đối với trạm thu dữ liệu viễn thám theo quy định tại Nghị định về hoạt động viễn thám.

4. Bảo vệ hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc

a) Trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc khi xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc thì chủ sở hữu công trình kiến trúc, chủ sử dụng đất phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình hạ tầng đo đạc. Nội dung báo cáo phải thể hiện rõ quy mô, chiều cao, độ sâu của công trình kiến trúc; khoảng cách gần nhất từ công trình kiến trúc đến công trình hạ tầng đo đạc. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra nội dung báo cáo và thực trạng hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo

đạc, gửi báo cáo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đo đạc và bản đồ. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật của từng công trình hạ tầng đo đạc và quy định của pháp luật có liên quan trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã bằng văn bản để thông báo cho chủ sở hữu công trình kiến trúc, chủ sử dụng đất có liên quan.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan xác định ranh giới và bảo vệ hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc thuộc phạm vi quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc

1. Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã công bố công khai mốc giới, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc, chịu trách nhiệm về việc bảo vệ an toàn công trình hạ tầng đo đạc; trường hợp hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc bị lấn, chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo và yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hành lang bảo vệ bị lấn, chiếm, sử dụng trái phép để xử lý; định kỳ hàng năm báo cáo tình trạng công trình hạ tầng đo đạc theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có công trình hạ tầng đo đạc có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức trực tiếp bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật có liên quan đến bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; công bố công khai mốc giới, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; kịp thời xử lý những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc.

Điều 17. Di dời, phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc

1. Điểm gốc đo đạc quốc gia không được di dời, phá dỡ.

2. Việc di dời, phá dỡ trạm thu dữ liệu viễn thám thực hiện theo quy định của Nghị định về hoạt động viễn thám.

3. Việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc, trạm định vị vệ tinh được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh mà công trình hạ tầng đo đạc không thể tiếp tục duy trì sự tồn tại hoặc không hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) Do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thiên tai làm mất, hư hỏng và tác động ngoại cảnh khác làm mất, hư hỏng, thay đổi vị trí;

c) Hết hạn sử dụng, không còn giá trị sử dụng hoặc đã có công trình hạ tầng đo đạc khác thay thế.

4. Việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức gửi văn bản về việc yêu cầu di dời mốc đo đạc tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định về việc di dời đối với mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của mình. Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xem xét, giải quyết;

b) Khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường lập thiết kế kỹ thuật - dự toán về việc di dời mốc đo đạc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thiết kế kỹ thuật - dự toán tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

c) Cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc có trách nhiệm chuyển kinh phí đã được phê duyệt theo thiết kế kỹ thuật - dự toán cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc;

d) Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này. Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả di dời mốc đo đạc tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

5. Việc di dời mốc đo đạc khi giao đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ quan có thẩm quyền giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai có trách nhiệm tổ chức rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc có trên diện tích đất dự kiến giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để làm căn cứ lập thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Dự toán kinh phí di dời mốc đo đạc được phê duyệt là căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân chi trả bồi thường cho việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất dự kiến sẽ giao;

c) Việc tổ chức thực hiện di dời mốc đo đạc, bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc thực hiện theo quy định tại điểm c và d khoản 4 Điều này.

6. Việc di dời mốc đo đạc do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thiên tai, và tác động ngoại cảnh khác làm mất, hư hỏng, thay đổi vị trí được thực hiện như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của mình, tổ chức triển khai thực hiện việc di dời sau khi được phê duyệt;

b) Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của mình, tổ chức triển khai thực hiện việc di dời sau khi được phê duyệt.

7. Việc di dời trạm định vị vệ tinh thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan đến trạm định vị vệ tinh cần di dời về yêu cầu phải di dời trạm định vị vệ tinh kèm theo quyết định phê duyệt dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh có liên quan;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thỏa thuận, lựa chọn địa điểm mới để di dời trạm định vị vệ tinh;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập dự án di dời trạm định vị vệ tinh quốc gia, gửi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xem xét, cho ý kiến trước khi phê duyệt dự án;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam tổ chức việc di dời trạm định vị vệ tinh quốc gia;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc di dời trạm định vị vệ tinh chuyên ngành.

8. Việc phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc do hết hạn sử dụng, không còn giá trị sử dụng hoặc đã có công trình hạ tầng đo đạc khác thay thế do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công.

Chương V

LƯU TRỮ, BẢO MẬT, CUNG CẤP, TRAO ĐỔI, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 18. Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được chủ đầu tư dự án, đề án giao nộp để lưu trữ theo quy định. Thời hạn giao nộp không quá 30 ngày kể từ ngày thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được nghiệm thu cấp chủ đầu tư.

2. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản giao nộp 01 bộ dữ liệu số và 01 bộ gốc in trên giấy để lưu trữ tại Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường bao gồm:

a) Đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán; báo cáo tổng kết hoàn thành dự án, đề án, thiết kế kỹ thuật - dự toán;

b) Thông tin, dữ liệu về hệ thống các điểm gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia bao gồm sơ đồ mạng lưới, ghi chú điểm, sổ đo, thành quả tính toán bình sai, biên bản bàn giao mốc đo đạc tại thực địa;

c) Dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản bao gồm dữ liệu ảnh gốc, dữ liệu định vị ảnh, dữ liệu ảnh đã xử lý;

d) Dữ liệu nền địa lý quốc gia gồm dữ liệu nền địa lý quốc gia kèm theo siêu dữ liệu, dữ liệu độ cao, dữ liệu tầng dày không chế ảnh;

đ) Dữ liệu, sản phẩm bản đồ địa hình quốc gia gồm bản đồ địa hình quốc gia gốc dạng số kèm lý lịch bản đồ, sản phẩm bản đồ được xuất bản;

e) Dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ về biên giới quốc gia gồm Hiệp ước về hoạch định biên giới trên đất liền kèm theo bản đồ hoạch định biên giới, Nghị định thư về phân giới, cắm mốc trên đất liền kèm bộ bản đồ biên giới quốc gia;

hồ sơ về phân giới, cắm mốc; Hiệp định về phân định ranh giới trên biển; bộ bản đồ chuẩn biên giới quốc gia;

g) Dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính gồm hồ sơ kèm theo bản đồ địa giới hành chính các cấp;

h) Dữ liệu, danh mục địa danh gồm danh mục địa danh ở dạng in trên giấy và dạng số;

i) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm khác theo quy định của dự án, đề án, thiết kế kỹ thuật - dự toán về đo đạc và bản đồ cơ bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành giao nộp để lưu trữ tại Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường bao gồm:

a) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm thành lập bản đồ hành chính gồm thông tin, dữ liệu thành lập bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ hành chính cấp tỉnh, bản đồ hành chính cấp huyện;

b) Thông tin, dữ liệu liên quan đến dữ liệu địa hình, thủy văn, giao thông, dân cư, phủ thực vật, địa danh do các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cập nhật trong quá trình sử dụng dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia.

4. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản giao nộp để lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm danh mục quy định tại các điểm a, c, d, đ và i khoản 2 Điều này thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành giao nộp để lưu trữ tại cơ quan, tổ chức lưu trữ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

6. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm giao nộp để lưu trữ phải được Thủ trưởng cơ quan chủ đầu tư, Thủ trưởng đơn vị thi công hoặc nhà thầu, Thủ trưởng đơn vị kiểm tra chất lượng sản phẩm và các cấp có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan ký tên, đóng dấu xác nhận.

7. Việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ vào lưu trữ quy định như sau:

a) Cơ quan, tổ chức giao nộp thông báo cho cơ quan, tổ chức lưu trữ về việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tiếp nhận và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, đảm bảo đủ cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị phục vụ việc lưu trữ, bảo quản an toàn, thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

9. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản được lưu trữ lịch sử bao gồm các dữ liệu quy định tại các điểm b, d, đ, e, g và điểm h khoản 2 Điều này; Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành được lưu trữ lịch sử theo quy định của pháp luật có liên quan.

10. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ là tài sản công thuộc lưu trữ cơ quan được tiêu hủy khi đã lưu trữ ít nhất là 10 năm, đã có thông tin, dữ liệu, sản phẩm mới thay thế và không còn giá trị sử dụng.

11. Việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc lưu trữ cơ quan quy định như sau:

a) Hàng năm cơ quan, tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ lập danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị sử dụng đề nghị tiêu hủy, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (cấp cục, cấp sở hoặc tương đương);

b) Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp lập tờ trình kèm theo danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị sử dụng gửi cơ quan chủ quản (bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) đề nghị tiêu hủy;

c) Sau khi nhận được ý kiến chấp thuận của cơ quan chủ quản về việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, cơ quan quản lý cấp cục, cấp sở hoặc tương đương thành lập Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

12. Hồ sơ tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã hết giá trị sử dụng bao gồm:

a) Văn bản đề nghị tiêu hủy của cơ quan, tổ chức trực tiếp lưu trữ có tài liệu hết giá trị;

b) Tờ trình đề nghị tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị sử dụng của cơ quan quản lý cấp cục hoặc cấp sở;

c) Văn bản chấp thuận về việc tiêu hủy của cơ quan cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

đ) Biên bản xác định giá trị thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

e) Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị gửi cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lưu trữ cùng cấp thẩm định thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị cần tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

g) Văn bản thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ;

h) Quyết định tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị của cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cấp cục, cấp sở hoặc tương đương;

i) Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ để tiêu hủy;

k) Biên bản tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị.

Điều 19. Bảo mật thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc danh mục bí mật nhà nước khi cung cấp, trao đổi qua mạng Internet phải mã hóa theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo mật thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 20. Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cho tổ chức, cá nhân trong nước

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ là tài sản công được cung cấp, khai thác, sử dụng dưới dạng bản sao hoặc xuất bản phẩm. Tổ chức,

cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trách nhiệm xác nhận nguồn gốc của bản sao theo Mẫu số 07 kèm theo Nghị định này.

2. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 41 của Luật Đo đạc và bản đồ được công bố và cung cấp rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nhu cầu sử dụng.

3. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật chỉ được cung cấp khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan, tổ chức do Cục trưởng (hoặc tương đương) thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Giám đốc Sở (hoặc tương đương) thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật chỉ được cung cấp khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, người đứng đầu các cơ quan của Quốc hội, người đứng đầu các cơ quan của Trung ương Đảng, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

5. Cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải xuất trình thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu/giấy chứng minh nhân dân); người đại diện cơ quan, tổ chức đến giao dịch yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải xuất trình thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu/giấy chứng minh nhân dân) và giấy giới thiệu hoặc công văn của cơ quan, tổ chức; phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cho tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 08 hoặc Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Trường hợp cung cấp qua mạng internet thì bên yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải gửi kèm các bản chụp các giấy tờ như quy định tại khoản 5 Điều này và ký bằng chữ ký số; trường hợp không có chữ ký số thì bên yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải xuất trình thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu/giấy chứng minh nhân dân) khi làm thủ tục mở tài khoản giao dịch trực tuyến, đồng thời cung cấp số điện thoại di động để bên cung cấp gửi mã xác nhận giao dịch.

7. Khi nhận đủ hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định, cơ quan, tổ chức được giao cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trách nhiệm cung cấp ngay trong ngày làm việc hoặc theo thỏa thuận về thời gian cung cấp. Trường hợp từ chối cung cấp

thông tin, dữ liệu, sản phẩm cơ quan, tổ chức được giao cung cấp phải trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân lý do không cung cấp.

Điều 21. Trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ với tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân nước ngoài

1. Việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ không thuộc danh mục bí mật nhà nước với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 5 và khoản 7 Điều 20 của Nghị định này.

2. Việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc danh mục bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài trong trường hợp chưa có điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật đến Bộ Công an theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định này; trong thời hạn 15 ngày làm việc, Bộ Công an trả lời bằng văn bản về yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật đến Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này; trong thời hạn 15 ngày làm việc, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản về yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

c) Khi nhận đủ hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định, tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm có trách nhiệm cung cấp ngay trong ngày làm việc hoặc theo thỏa thuận về thời gian cung cấp.

Điều 22. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ chỉ được sử dụng đúng mục đích như đã ghi trong phiếu yêu cầu cung cấp thông tin và không được cung cấp để sử dụng vào mục đích khác.

2. Tổ chức, cá nhân trong quá trình khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ nếu phát hiện sai sót, không phù hợp với thực tế,

không tồn tại ở thực địa thì thông báo, cung cấp lại thông tin liên quan cho cơ quan, tổ chức cung cấp.

3. Cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận thông tin do tổ chức, cá nhân thông báo, cung cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều này để có biện pháp xử lý, cập nhật kịp thời.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ là tài sản công phải trả phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí; sử dụng sản phẩm là xuất bản phẩm bản đồ phải trả chi phí theo quy định của pháp luật về giá.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về phí, lệ phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ là tài sản công quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều 39 của Luật Đo đạc và bản đồ; quy định về miễn, giảm phí, lệ phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai.

Chương VI

XÂY DỰNG HẠ TẦNG DỮ LIỆU KHÔNG GIAN ĐỊA LÝ QUỐC GIA

Điều 23. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch triển khai thực hiện hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia

1. Nguyên tắc, kỳ lập chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia như sau:

a) Nguyên tắc lập chiến lược: Phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo xây dựng và phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; thuận lợi cho cung cấp các dịch vụ công; bảo đảm khả năng kết nối liên thông với hạ tầng dữ liệu không gian địa lý giữa các bộ, ngành, địa phương.

b) Chiến lược xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia được lập cho giai đoạn 10 năm và được lập đồng thời với chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ.

2. Chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu;

- b) Chính sách xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia;
- c) Nhiệm vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia gồm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; lựa chọn, phát triển công nghệ; xây dựng và tích hợp dữ liệu không gian địa lý; sử dụng dữ liệu không gian địa lý;
- d) Nguồn lực xây dựng và phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia;
- đ) Giải pháp thực hiện chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia;
- e) Phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và trách nhiệm được phân công trong chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch 05 năm, hàng năm phù hợp với kế hoạch tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều này, đảm bảo hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia được vận hành đồng bộ trước năm 2025.

Điều 24. Chỉ đạo, điều phối việc xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ủy ban Điều phối xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia giúp Thủ tướng chỉ đạo, điều phối, tổ chức triển khai thực hiện xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

2. Thành phần của Ủy ban Điều phối xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia gồm Chủ tịch Ủy ban là Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Ủy ban là Phó Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên thường trực Ủy ban là Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, các thành viên của Ủy ban gồm đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban Điều phối xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia

làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, theo quy chế làm việc do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

3. Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ định cơ quan đầu mối trực thuộc xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia thuộc trách nhiệm tổ chức triển khai của mình; Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia thuộc trách nhiệm tổ chức triển khai của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 25. Chính sách, nguồn lực để xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia

1. Chính sách phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia như sau:

a) Nhà nước đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh;

b) Khuyến khích sự tham gia của tổ chức, cá nhân và cộng đồng vào việc xây dựng và phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận và sử dụng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia;

c) Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia phải được sử dụng trong quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, trong Chính phủ điện tử; trước mắt trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường, quản lý đất đai;

d) Thúc đẩy sự tham gia của hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia vào mạng lưới hạ tầng dữ liệu không gian địa lý khu vực và toàn cầu.

3. Nguồn lực để xây dựng và phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia bao gồm:

a) Nguồn lực về tài chính: Nhà nước tập trung đầu tư kinh phí để nhanh chóng hoàn thiện việc xây dựng dữ liệu khung, dữ liệu chuyên ngành quy định tại Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ; huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia;

b) Nguồn nhân lực: Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; phổ cập kiến thức, môn học về hạ tầng dữ liệu không gian địa lý trong các trường đại học có liên quan đến lĩnh vực đo đạc và bản đồ, công nghệ thông tin; nâng cao nhận thức về hạ

tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đối với cán bộ quản lý trong các cơ quan nhà nước, tổ chức liên quan tới quản lý, lưu trữ, cung cấp dữ liệu không gian địa lý; phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng, tham gia xây dựng, cập nhật hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia;

c) Nguồn lực về khoa học và công nghệ: Tập trung nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong thu nhận, xử lý, xây dựng dữ liệu không gian địa lý phù hợp với sự phát triển của hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; nghiên cứu, phát triển công nghệ phần mềm mã nguồn mở, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo bằng nguồn nhân lực trong nước.

Điều 26. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia

1. Việc phát triển và ứng dụng công nghệ của hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Phát triển, hoàn thiện ứng dụng công nghệ hiện đại trong thu nhận, cập nhật, xử lý dữ liệu không gian địa lý gồm công nghệ định vị vệ tinh, công nghệ viễn thám, công nghệ đo sâu đáy biển đảm bảo việc thu nhận, cập nhật, xử lý dữ liệu nhanh chóng, kịp thời, chính xác, hiệu quả;

b) Ứng dụng công nghệ mạng, xây dựng kiến trúc hệ thống của hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đảm bảo khả năng kết nối hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia với Chính phủ điện tử; đảm bảo tiếp cận nhanh, đơn giản, dễ dàng tới dữ liệu không gian địa lý; đảm bảo an toàn dữ liệu;

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dữ liệu, dịch vụ dữ liệu không gian địa lý.

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia phải được xây dựng đồng bộ, đảm bảo độ chính xác của dữ liệu không gian địa lý quốc gia, thuận lợi cho việc kết nối, tích hợp, truy cập, an toàn dữ liệu, bao gồm:

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu không gian địa lý, siêu dữ liệu;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiến trúc hệ thống của hạ tầng dữ liệu không gian địa lý gồm các tiêu chuẩn về kiến trúc mạng, hạ tầng thông tin mạng;

c) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ hiển thị, chia sẻ, chuyển đổi, tích hợp, tra cứu và tải dữ liệu không gian địa lý.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xác định danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng thống nhất trong xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia

gia; thống nhất phân công trách nhiệm tổ chức xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo danh mục đã xác định.

Điều 27. Xây dựng, tích hợp dữ liệu không gian địa lý

1. Nguyên tắc xây dựng dữ liệu không gian địa lý quốc gia: Mỗi loại dữ liệu không gian địa lý chỉ do một cơ quan tổ chức triển khai thu nhận, cập nhật và được lưu giữ ở nơi có thể duy trì hiệu quả nhất.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung sau:

a) Xây dựng dữ liệu khung quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

b) Xây dựng dữ liệu bản đồ chuyên ngành quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ; dữ liệu bản đồ chuyên ngành về khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu quy định tại điểm k khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

c) Xây dựng dữ liệu bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng thuộc phạm vi quản lý;

d) Tích hợp dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức xây dựng:

a) Dữ liệu bản đồ chuyên ngành quy định tại điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ, dữ liệu bản đồ chuyên ngành về phòng chống thiên tai quy định tại điểm k khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

b) Dữ liệu bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng thuộc phạm vi quản lý.

4. Bộ Xây dựng có trách nhiệm tổ chức xây dựng:

a) Dữ liệu bản đồ quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm m khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

b) Dữ liệu bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng thuộc phạm vi quản lý.

5. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức xây dựng:

a) Dữ liệu bản đồ chuyên ngành quy định tại điểm h và điểm l khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

b) Dữ liệu hải đồ vùng nước cảng biển và luồng, tuyến hàng hải quy định tại điểm i khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

c) Dữ liệu bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng thuộc phạm vi quản lý.

6. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tổ chức xây dựng dữ liệu hải đồ vùng biển theo quy định tại điểm i, dữ liệu bản đồ cứu hộ, cứu nạn trên biển thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm k khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ không thuộc quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều này có trách nhiệm tổ chức xây dựng dữ liệu bản đồ quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm m khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức xây dựng:

a) Dữ liệu bản đồ quy định tại các điểm a, b và điểm g khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

b) Dữ liệu bản đồ về cứu hộ, cứu nạn thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm k khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ;

c) Dữ liệu bản đồ quy hoạch tỉnh, dữ liệu bản đồ quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm m khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ.

9. Tổ chức, cá nhân được tham gia xây dựng, cập nhật dữ liệu không gian địa lý quy định tại Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ; khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng, cung cấp, chia sẻ dữ liệu của mình để hoàn thiện dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

Điều 28. Xây dựng, vận hành Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam

1. Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản lý, vận hành Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 48 của Luật Đo đạc và bản đồ và phù hợp với quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam bao gồm thiết bị phần cứng, phần mềm quản lý hệ thống, phần mềm ứng dụng, mạng viễn thông; danh mục dữ liệu và dữ liệu khung, danh mục dữ liệu chuyên ngành, siêu dữ liệu, dịch vụ dữ liệu; các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo vận hành liên tục, an toàn.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đảm bảo dữ liệu không gian địa lý được giao trách nhiệm tổ chức xây dựng quy định tại Điều 27 của Nghị định này được kết nối, tích hợp với Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam.

4. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế quản lý, vận hành Công thông tin không gian địa lý Việt Nam.

Chương VII

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 29. Danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép

1. Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành.
2. Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành.
3. Xây dựng mạng lưới tọa độ, độ cao, trọng lực.
4. Thu nhận dữ liệu ảnh hàng không.
5. Xử lý dữ liệu ảnh viễn thám.
6. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý.
7. Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình.
8. Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển.
9. Đo đạc, thành lập bản đồ địa giới hành chính.
10. Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính.
11. Thành lập bản đồ hành chính.
12. Đo đạc, thành lập hải đồ.
13. Đo đạc, thành lập bản đồ hàng không dân dụng.
14. Đo đạc, thành lập bản đồ công trình ngầm.
15. Đo đạc công trình.
16. Kiểm định phương tiện đo sử dụng trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 30. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp cho tổ chức được thực hiện theo quy định tại Điều 51 của Luật Đo đạc và bản đồ. Giấy phép có thời hạn là 05 năm, mỗi lần gia hạn là 05 năm.

Giấy phép cấp cho nhà thầu nước ngoài phải thể hiện địa bàn hoạt động, có thời hạn theo thời gian thực hiện nội dung về đo đạc và bản đồ trong gói thầu. Giấy phép được gia hạn theo thời gian gia hạn để thực hiện nội dung về đo đạc và bản đồ trong gói thầu.

2. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định này, gồm các thông tin chính về tên, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại liên hệ, fax, Email, website, số quyết định thành lập tổ chức hoặc mã số doanh nghiệp, danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép, ngày cấp, thời hạn giấy phép, phạm vi hoạt động, danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ cấp bổ sung, người ký giấy phép.

Điều 31. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 52 của Luật Đo đạc và bản đồ, trong đó có số lượng tối thiểu là 04 nhân viên kỹ thuật có trình độ trung cấp trở lên được đào tạo về đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung đề nghị cấp giấy phép.

Điều 32. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hồ sơ của tổ chức trong nước đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành về đo đạc và bản đồ, bản khai hoặc tệp tin bản khai quá trình công tác của người phụ trách kỹ thuật theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định này hoặc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ Hạng I, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm của người phụ trách kỹ thuật;

d) Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ;

đ) Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ.

2. Hồ sơ của nhà thầu nước ngoài đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính quyết định trúng thầu (hoặc quyết định được chọn thầu) của chủ đầu tư, trong đó có nội dung về đo đạc và bản đồ thuộc danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép;

c) Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam đối với nhân viên kỹ thuật là người nước ngoài; hoặc văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ là người Việt Nam phù hợp với số lượng và trình độ chuyên môn trong hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu;

d) Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu.

Điều 33. Trình tự thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Nộp hồ sơ

Tổ chức đề nghị cấp giấy phép gửi hồ sơ tới Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường; hoặc gửi 01 bộ hồ sơ giấy kèm theo tệp tin chứa hồ sơ đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam theo hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Tiếp nhận hồ sơ

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép về việc hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định

3. Trách nhiệm thẩm định hồ sơ

a) Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thẩm định hồ sơ của các tổ chức do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập; tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc tổ chức trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có pháp nhân và hạch toán độc lập; tổ chức có pháp nhân và hạch toán độc lập trực thuộc

Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc cơ quan trung ương của tổ chức xã hội - nghề nghiệp; nhà thầu nước ngoài;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ của tổ chức không thuộc quy định tại điểm a Khoản này, nơi tổ chức có trụ sở chính;

c) Cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thành lập Tổ thẩm định với thành phần không quá 03 người để thẩm định hồ sơ tại trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Tổ thẩm định có trách nhiệm thẩm định sự phù hợp của nhân lực, phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, xác định năng lực của tổ chức trong việc thực hiện các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp giấy phép, lập biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam tổ chức thẩm định hồ sơ, lập biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ của tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này đến Sở Tài nguyên và Môi trường qua dịch vụ bưu chính hoặc chuyển hồ sơ trực tuyến qua mạng Internet. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, gửi biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ về Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;

c) Trường hợp tổ chức không đạt điều kiện cấp giấy phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo, nêu rõ lý do không cấp giấy phép và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

5. Cấp giấy phép

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam xem xét, cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức;

b) Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam trả giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, gửi tệp tin chứa

bản chụp giấy phép cho Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp quản lý đối với các tổ chức do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

Điều 34. Cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính đơn đề nghị cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ được bổ sung;

c) Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ được bổ sung;

d) Bản gốc giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

2. Trình tự thủ tục cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ

a) Việc nộp hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thẩm định hồ sơ cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện như quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 33 của Nghị định này. Biên bản thẩm định cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Việc cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ vào giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, trả giấy phép cho tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33;

c) Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam xem xét, cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ vào giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp. Thời hạn của giấy phép giữ nguyên như thời hạn ghi trên giấy phép đã được cấp.

Điều 35. Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Trong thời hạn 60 ngày trước khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết hạn, nếu tổ chức có nhu cầu gia hạn giấy phép đã được cấp thì gửi hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam để làm thủ tục gia hạn. Giấy phép không được gia hạn sau ngày giấy phép hết hạn.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản gốc giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

3. Trình tự thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ như sau:

a) Tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gửi Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị gia hạn, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra thông tin về giấy phép đã cấp, hoàn thành việc gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, gửi giấy phép được gia hạn cho tổ chức, gửi tệp tin chứa bản chụp giấy phép được gia hạn cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các tổ chức do Sở thẩm định khi cấp giấy phép.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ về việc hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

4. Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của nhà thầu nước ngoài

a) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của nhà thầu nước ngoài được gia hạn khi được chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện gói thầu;

b) Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của nhà thầu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều này và kèm theo bản sao có xác thực các văn bản của chủ đầu tư về việc gia hạn thời gian thực hiện gói thầu;

c) Trình tự thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của nhà thầu nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Thời gian gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của nhà thầu nước ngoài theo thời gian được gia hạn để thực hiện gói thầu.

Điều 36. Cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi bị mất gửi đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 14 cho Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra thông tin về giấy phép đã cấp, hoàn thành việc cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, trả giấy phép được cấp lại

cho tổ chức, gửi tệp tin chứa bản chụp giấy phép được cấp lại cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các tổ chức do Sở thẩm định khi cấp giấy phép.

Số giấy phép, nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép và thời hạn của giấy phép cấp lại giữ nguyên như giấy phép đã cấp.

Điều 37. Cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp đổi khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức yêu cầu do thay đổi địa chỉ trụ sở chính và các thông tin liên quan ghi trên giấy phép.

b) Giấy phép bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

3. Trình tự thủ tục đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ như sau:

a) Tổ chức đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gửi Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam hoàn thành việc cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, trả giấy phép được cấp đổi cho tổ chức, gửi tệp tin chứa bản chụp giấy phép được cấp đổi cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các tổ chức do Sở thẩm định khi cấp giấy phép.

Điều 38. Phí thẩm định hồ sơ cấp, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Tổ chức đề nghị cấp, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phải trả phí thẩm định hồ sơ cấp, cấp bổ sung, phí thẩm định hồ sơ phải nộp cho cơ quan thẩm định trước khi thẩm định.

Điều 39. Lưu trữ hồ sơ cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam lưu trữ biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép, biên bản thẩm định cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ, bản sao giấy phép; hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp giấy phép do Cục thẩm định; tệp tin chứa hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp giấy phép do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường lưu trữ biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép, biên bản thẩm định cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ và hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp giấy phép do Sở thẩm định.

Điều 40. Thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ bị thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi vi phạm một trong các trường hợp quy định khoản 6 Điều 51 của Luật Đo đạc và bản đồ.

2. Sau khi nhận được văn bản kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật về việc thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, đăng tải công khai danh sách tổ chức bị thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; xóa tên khỏi danh sách công khai tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, gửi bản sao quyết định thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ tới cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Tổ chức bị thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phải chấm dứt kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành; chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho các cơ quan, tổ chức liên quan do việc thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gây ra.

4. Tổ chức bị thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ chỉ được xem xét, cấp giấy phép mới sau 12 tháng kể từ ngày giấy phép bị thu hồi sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến việc thu hồi giấy phép cũ.

Điều 41. Nội dung, thời điểm đăng tải thông tin về tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Nội dung thông tin đăng tải về tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm tên của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật; người phụ trách kỹ thuật; số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, số của giấy phép, ngày cấp, ngày hết hạn, danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép; thông tin về thay đổi liên quan đến giấy phép, thu hồi giấy phép.

2. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày cấp, gia hạn, bổ sung, cấp lại, cấp đổi, thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc nhận được thông tin thay đổi liên quan đến giấy phép của tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm

đăng tải nội dung thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương VIII

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 42. Danh mục hành nghề đo đạc và bản đồ

1. Danh mục hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I bao gồm:
 - a) Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ;
 - b) Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;
 - c) Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám;
 - d) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý;
 - đ) Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp;
 - e) Đo đạc công trình;
 - g) Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ.
2. Danh mục hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II bao gồm:
 - a) Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ;
 - b) Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám;
 - c) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý;
 - d) Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp;
 - đ) Đo đạc công trình;
 - e) Thành lập bản đồ chuyên ngành.

Điều 43. Thời hạn, nội dung cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

1. Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ có thời hạn là 05 năm; mỗi lần gia hạn là 05 năm.
2. Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được làm theo Mẫu số 19 ban hành kèm theo Nghị định này gồm các thông tin chính như sau:
 - a) Số chứng chỉ hành nghề gồm hai nhóm, nhóm thứ nhất gồm 03 ký tự thể hiện nơi cấp gồm Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, 63 Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định này, nhóm thứ hai là mã số chứng chỉ gồm 05 chữ số bắt đầu từ 00001;

b) Thông tin của cá nhân được cấp chứng chỉ gồm họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước công dân (hoặc chứng minh thư nhân dân), ảnh cỡ 4x6 cm, địa chỉ thường trú;

c) Trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo, cơ sở đào tạo;

d) Nội dung hành nghề, hạng và thời hạn của chứng chỉ;

đ) Thủ tướng cơ quan cấp ký tên và đóng dấu.

3. Cá nhân khi đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 53 của Luật Đo đạc và bản đồ được cấp chứng chỉ hành nghề để thực hiện một hoặc một số nội dung thuộc Danh mục hành nghề đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 42 của Nghị định này.

4. Mỗi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ cấp cho một hoặc một số nội dung hành nghề theo Danh mục hành nghề đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 42 của Nghị định này.

Điều 44. Sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, nội dung sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề

1. Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ quy định như sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề được quy định tại khoản 5 Điều 53 của Luật Đo đạc và bản đồ thành lập Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ để tổ chức đánh giá hồ sơ, tổ chức sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật của cá nhân đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề;

b) Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề quyết định thành phần; của Hội đồng, trong đó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề, Ủy viên thường trực là công chức, viên chức của cơ quan này. Các ủy viên khác tham gia Hội đồng là công chức, viên chức có trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung xét cấp chứng chỉ hành nghề và chuyên gia có trình độ chuyên môn thuộc nội dung xét cấp chứng chỉ hành nghề do Chủ tịch Hội đồng mời. Hội đồng có số lượng thành viên là 5 người;

c) Hội đồng cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hoạt động làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, theo Quy chế làm việc do Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ ban hành.

2. Nội dung sát hạch bao gồm:

a) Sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật;

b) Việc sát hạch thực hiện theo hình thức thi trắc nghiệm trong thời gian 45 phút;

c) Đề thi sát hạch gồm 40 câu hỏi, trong đó có 24 câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và 16 câu hỏi về kiến thức pháp luật có liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; các câu hỏi được lấy ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam xây dựng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cục;

d) Số điểm tối đa cho mỗi đề sát hạch là 100 điểm, trong đó điểm tối đa cho phần kinh nghiệm nghề nghiệp là 60 điểm, điểm tối đa cho phần kiến thức pháp luật là 40 điểm. Cá nhân có kết quả sát hạch từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu để xem xét cấp chứng chỉ hành nghề.

Trường hợp cá nhân được miễn sát hạch một trong hai phần sát hạch thì kết quả sát hạch phần còn lại phải đạt 80% trở lên số điểm tối đa của phần sát hạch;

đ) Việc sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp thực hiện cho từng nội dung hành nghề theo Danh mục hành nghề đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 42 Nghị định này.

e) Việc sát hạch kiến thức pháp luật chỉ thực hiện một lần trong kỳ sát hạch.

3. Các cá nhân được miễn sát hạch bao gồm:

a) Miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp đối với đo đạc bản đồ viên hạng II hoặc tương đương trở lên;

b) Miễn sát hạch kiến thức pháp luật về đo đạc và bản đồ đối với cá nhân có trình độ đại học trở lên chuyên ngành luật; cá nhân là Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký Ban soạn thảo, Tổ biên tập của ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội hoặc Chính phủ.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ tổ chức xét cấp chứng chỉ không quá ba lần trong một năm, thời gian tổ chức sát hạch, xét cấp chứng chỉ được thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình trước 30 ngày tổ chức sát hạch, xét cấp chứng chỉ.

Điều 45. Bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Cơ sở đào tạo được tổ chức bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đủ năng lực, kinh nghiệm đào tạo, bồi dưỡng về đo đạc và bản đồ.

2. Cơ sở đào tạo tổ chức bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giảng viên có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm nghề nghiệp từ 07 năm trở lên về nội dung tham gia bồi dưỡng kiến thức.

3. Nội dung tài liệu bồi dưỡng kiến thức phù hợp với chương trình khung theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất cơ sở bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 46. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 17 ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo 01 ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng;

b) Văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp; giấy chứng nhận đủ sức khỏe hành nghề do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế cấp.

c) Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp theo Mẫu số 18 ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Chứng nhận đã hoàn thành lớp bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ.

đ) Giấy tờ chứng minh là người được miễn sát hạch kiến thức chuyên môn, kiến thức pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gửi đến cơ quan cấp chứng chỉ theo một trong các hình thức sau:

a) Trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Gửi 01 bộ hồ sơ giấy kèm theo tệp tin chứa hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Điều 47. Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

1. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 46 của Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

a) Gửi đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hạng I;

b) Gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cá nhân cư trú đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hạng II;

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

3. Trước thời gian tổ chức sát hạch 10 ngày, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề thông báo bằng văn bản và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp chứng chỉ thông tin về thời gian, địa điểm tổ chức và mã số dự sát hạch của từng cá nhân.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tổ chức sát hạch, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổng hợp, trình Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề.

5. Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ phát hành chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.

6. Trường hợp cá nhân không đạt điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo, nêu rõ lý do không cấp chứng chỉ cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ.

Điều 48. Gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

1. Trong thời hạn 30 ngày trước khi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hết hạn, nếu cá nhân có yêu cầu gia hạn chứng chỉ hành nghề đã được cấp và đã hoàn thành lớp bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ thì gửi hồ sơ đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đến cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề để làm thủ tục gia hạn. Chứng chỉ hành nghề không được gia hạn sau ngày chứng chỉ hết hạn.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 17 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản khai tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc chứng nhận liên quan đến việc cập nhật kiến thức liên quan đến nội dung hành nghề trong khoảng thời gian 03 năm trước thời điểm chứng chỉ hết hạn;

c) Bản sao chứng nhận đã hoàn thành lớp bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế cấp;

đ) Bản gốc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp.

3. Trình tự thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ như sau:

a) Cá nhân đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm kiểm tra thông tin về chứng chỉ hành nghề đã cấp, hoàn thành việc gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, trả chứng chỉ được gia hạn cho cá nhân đề nghị gia hạn chứng chỉ.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

Điều 49. Cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

1. Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được cấp lại trong trường hợp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ bị mất.

2. Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được cấp đổi trong các trường hợp chứng chỉ hành nghề bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được hoặc khi cá nhân có yêu cầu thay đổi thông tin trong chứng chỉ.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 17 ban hành kèm theo Nghị định này, đơn đề nghị cấp đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 17 ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng;

b) Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp đổi với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trình tự thủ tục cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ như sau:

a) Cá nhân đề nghị cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề hoàn thành việc cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, trả chứng chỉ được cấp lại, cấp đổi cho cá nhân đề nghị cấp lại, cấp đổi chứng chỉ.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

Nội dung hành nghề đo đạc và bản đồ được cấp chứng chỉ và thời hạn của chứng chỉ cấp lại, cấp đổi được giữ nguyên như chứng chỉ đã cấp.

Điều 50. Thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

1. Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ bị thu hồi trong các trường hợp cá nhân được cấp chứng chỉ vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đo đạc và bản đồ được quy định tại Điều 6 của Luật Đo đạc và bản đồ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sau khi nhận được văn bản kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật về việc thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ của cá nhân, cơ quan cấp chứng chỉ có trách nhiệm ra quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, đăng tải công khai danh sách cá nhân bị thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ; xóa tên khỏi danh sách công khai cá nhân hành nghề đo đạc và bản đồ trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp chứng chỉ, gửi bản sao quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ tới cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ phải chấm dứt hành nghề đo đạc và bản đồ kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành; chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho các cơ quan, tổ chức liên quan do việc thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gây ra.

Điều 51. Lệ phí cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

Cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính; chi phí sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

Điều 52. Lưu trữ hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ lưu trữ hồ sơ cấp, cấp lại, cấp đổi, gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do mình thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường gửi tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do mình cấp đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

Điều 53. Nội dung, thời điểm đăng tải thông tin của cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

1. Nội dung đăng tải thông tin về chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ bao gồm họ và tên, năm sinh, địa chỉ thường trú, trình độ chuyên môn, số chứng chỉ, hạng và nội dung hành nghề, ngày cấp, ngày hết hạn chứng chỉ.

2. Thời điểm đăng tải thông tin quy định như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày cấp chứng chỉ hành nghề, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục thông tin về cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp;

b) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày cấp chứng chỉ hành nghề, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở và đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thông tin về cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ trên.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 55. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết theo thủ tục hành chính về đo đạc và bản đồ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được xem xét, giải quyết theo quy định tại Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Trường hợp hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 mà thời hạn hoàn thành việc xử lý sau ngày 31 tháng 12 năm 2018, thì việc cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 56. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTXH (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ)

Mẫu số 01: Báo cáo hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...., ngày.....tháng..... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Năm

Kính gửi:

I. Thông tin chung

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
Điện thoại:.....Fax:..... Email:.....
- Số giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ:Ngày cấp:

II. Các nội dung đo đạc và bản đồ đã thực hiện

STT	Nội dung đo đạc và bản đồ	Chủ đầu tư	Giá trị (triệu đồng)

III. Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ

STT	Chuyên ngành	Tổng số	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng/trung cấp	Công nhân kỹ thuật

IV. Năng lực thiết bị, công nghệ

STT	Tên thiết bị, công nghệ	Số lượng	Tình trạng thiết bị

V. Khó khăn vướng mắc, kiến nghị

THỦ TRƯỞNG
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02: Báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh

(CƠ QUAN BÁO CÁO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

....., ngày.....tháng..... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Năm

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

1. Khái quát tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ của bộ/UBND cấp tỉnh....

Nêu các nội dung cơ bản trong hoạt động đo đạc và bản đồ của bộ/UBND cấp tỉnh trong năm.

2. Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ trong năm...

STT	Loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1	2	3	4
1	Văn bản QPPL về đo đạc và bản đồ ban hành theo thẩm quyền.		
2	Các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia đã xây dựng và công bố		

3. Tình hình tổ chức triển khai nhiệm vụ đo đạc và bản đồ

3.1. Kết quả triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ (do Thủ tướng/bộ/UBND cấp tỉnh phê duyệt và thực hiện bằng ngân sách nhà nước, vốn ODA)

Yêu cầu từng đề án, dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ phải thể hiện được các nội dung cơ bản sau đây:

- Tên đề án, dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ;
- Phạm vi của đề án, dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ;
- Cơ quan chủ trì, tổ chức thực hiện;
- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm chính của đề án, dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ;
- Kết quả thực hiện trong năm;
- Nơi lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm.

3.2. Kết quả xây dựng dữ liệu địa lý thuộc trách nhiệm được giao tại Điều 27 Nghị định này

Yêu cầu nêu rõ kết quả thực hiện của từng loại dữ liệu, phạm vi, diện tích, khối lượng, tỷ lệ bản đồ, chất lượng, siêu dữ liệu, nơi lưu trữ và các thông tin liên quan đến dữ liệu...

4. Tổng hợp tình hình mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý

STT	Loại mốc	Số lượng mốc đang quản lý	Tình trạng mốc		
			Số hiệu mốc bị mất	Số hiệu mốc bị hư hại	Số hiệu mốc bị lấn chiếm hành lang bảo vệ
1	Mốc tọa độ quốc gia				
2	Mốc độ cao quốc gia				
3	Mốc trọng lực quốc gia				
4	Mốc địa chính cơ sở				
5	Mốc đo đạc chuyên ngành				

5. Tổng hợp kinh phí thực hiện trong năm

Yêu cầu tổng hợp rõ nguồn kinh phí mà bộ, ngành, địa phương được giao từ nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn khác để triển khai thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ.

II. KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nêu những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, các kiến nghị, đề xuất.

THỦ TRƯỞNG
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03: Biên bản bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., tại.....(xã/phường/thị trấn)(thành phố/quận/huyện)(tỉnh/thành phố).....

Chúng tôi gồm:

Chủ đầu tư (Bên giao).....

- Đại diện chủ đầu tư: Chức vụ:.....

- Đại diện đơn vị thi công:..... Chức vụ:.....

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn (Bên nhận):

Đại diện là ông/bà:..... Chức vụ:

Người chứng kiến:

Tên chủ sử dụng đất (1):..... Số CMND/căn cước công dân.....

Tên chủ sử dụng đất (2):..... Số CMND/căn cước công dân.....

Đã tiến hành bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa cho Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.... với sự có mặt của chủ sử dụng đất có liên quan, cụ thể như sau.

1. Số hiệu mốc đo đạc.....

2. Vị trí mốc đo đạc được đặt tại..... liên quan đến các thửa đất số.....thuộc tờ bản đồ địa chính số..... thuộc quyền sử dụng đất của các ông/bà (1), (2).....

Sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc lập theo Mẫu số 4 kèm theo Nghị định này.

Ủy ban nhân dân xã..... có trách nhiệm công khai vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc để các tổ chức, cá nhân biết để bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Biên bản này được đọc cho mọi người tham dự cùng nghe và được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau; 01 bản giao cho Ủy ban nhân dân xã.....; mỗi chủ sử dụng đất có liên quan giữ 01 bản; chủ đầu tư giữ 03 bản.

BÊN GIAO

Đại diện chủ đầu tư

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

BÊN NHẬN

Chủ tịch UBND xã

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đại diện đơn vị thi công

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Chủ sử dụng đất

(Ký, họ tên)

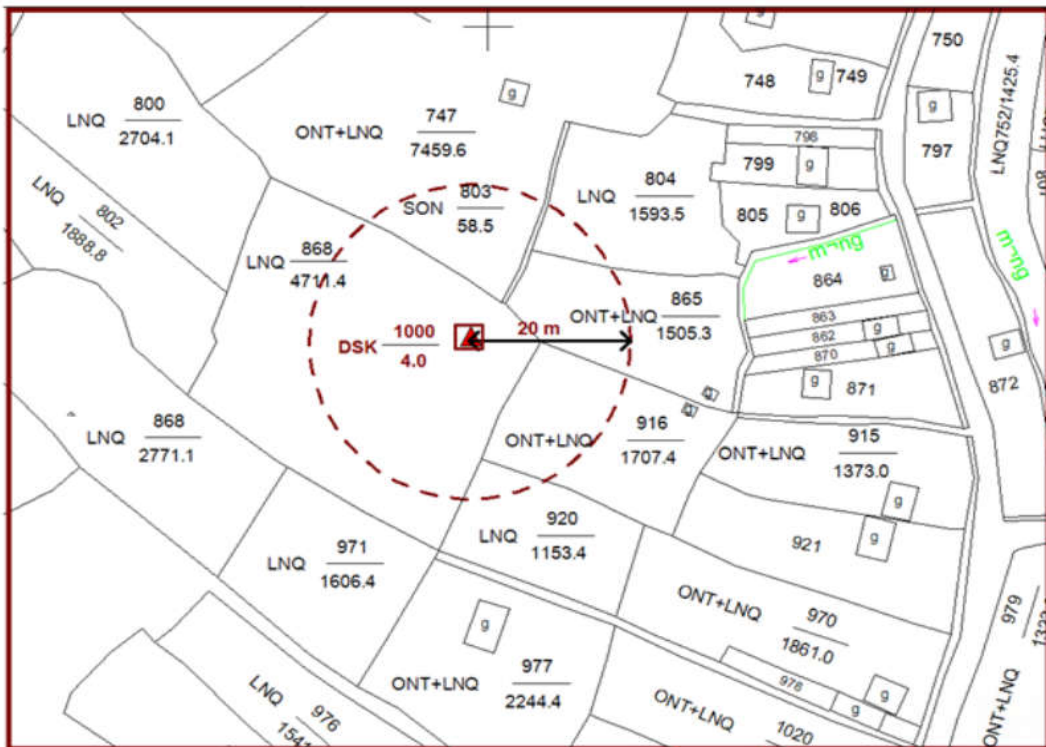
Chủ sử dụng đất

(Ký, họ tên)

Mẫu số 04: Sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ MỐC ĐO ĐẠC, HÀNH LANG BẢO VỆ MỐC ĐO ĐẠC⁽¹⁾

1. Số hiệu mốc đo đạc.....; loại mốc đo đạc: (tọa độ, độ cao, trọng lực), cấp hạng mốc đo đạc.....
Kinh độ:
Vĩ độ:
2. Vị trí mốc đo đạc được đặt tại..... liên quan đến các thửa đất số.....thuộc tờ bản đồ địa chính số.....
3. Các chủ sử dụng đất liên quan:.....
Diện tích đất xây dựng mốc đo đạc..... m²;
Phạm vi hành lang bảo vệ mốc đo đạc:..... (bán kính tính từ tâm mốc theo quy định tại Điều 15 Nghị định này đối với từng loại mốc);



(Kích thước sơ đồ tối thiểu là 14 cm x 14 cm)

Người lập sơ đồ
(Ký, họ và tên)

....., ngày tháng năm

Đơn vị thi công
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ.....
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Được lập trên bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích lục bản trích đo địa chính

Mẫu số 05: Biên bản bàn giao danh sách mốc đo đạc cho Sở Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
BÀN GIAO DANH SÁCH MỐC ĐO ĐẠC

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., tại: Sở Tài nguyên và Môi trường (tỉnh/thành phố).....

Chúng tôi gồm:

Chủ đầu tư (Bên giao).....

- Đại diện là ông/bà:..... Chức vụ:

Sở Tài nguyên và Môi trường (Bên nhận):

Đại diện là ông/bà:..... Chức vụ:

Đã tiến hành bàn giao danh sách mốc đo đạc trên địa bàn tỉnh/thành phố....., cụ thể như sau:

1. Danh sách mốc đo đạc

STT	Số hiệu mốc	Cấp hạng	Nơi đặt mốc (Tên đơn vị hành chính cấp xã)
1			
2			
3			
...			

2. Sơ đồ vị trí mốc đo đạc

Tổng số có sơ đồ vị trí mốc đo đạc tương ứng với danh sách mốc đo đạc.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu giữ 02 bản; Sở Tài nguyên và Môi trường giữ 02 bản./.

Chủ đầu tư
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Sở Tài nguyên và Môi trường
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06: Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
BÀN GIAO THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM
ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Hôm nay, ngày tháng năm

Tại: (trụ sở đơn vị tiếp nhận), Chúng tôi gồm:

BÊN GIAO:.....

Đại diện là Ông (Bà):.....

Chức vụ:.....

BÊN NHẬN:.....

Đại diện là ông (Bà):.....

Chức vụ:.....

Đã thực hiện việc giao - nhận thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của dự án (đề án), cụ thể như sau:

STT	Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú

Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 07: Bản xác nhận nguồn gốc của bản sao thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

**CƠ QUAN (Cấp Cục, Sở hoặc tương đương)
CƠ QUAN, TỔ CHỨC CUNG CẤP THÔNG TIN,
DỮ LIỆU, SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BẢN XÁC NHẬN NGUỒN GỐC CỦA BẢN SAO
THÔNG TIN/DỮ LIỆU/SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
Số:**

(Tên cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ).....

Xác nhận nguồn gốc của bản sao thông tin/dữ liệu/sản phẩm đo đạc và bản đồ đã cấp cho: *(ghi rõ tên tổ chức/cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ)*

Theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ số.../... ngày...tháng ...năm...

Thông tin/dữ liệu/sản phẩm đo đạc và bản đồ đã cung cấp, bao gồm:

STT	Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm	Khu vực	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng (ghi rõ tên đề án, dự án)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 08: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ đối với tổ chức, cá nhân trong nước; cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ không thuộc danh mục bí mật nhà nước đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU YÊU CẦU
CUNG CẤP THÔNG TIN/DỮ LIỆU/ SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
Số:

Không thuộc danh mục bí mật nhà nước **Thuộc danh mục bí mật nhà nước**

Kính gửi ⁽¹⁾:

Họ và tên:

Số thẻ căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu cấp ngày
tháng năm ... Tại: Quốc tịch (đối với người nước ngoài):

Đại diện cho (Bên yêu cầu cung cấp):

Địa chỉ:

theo công văn, giấy giới thiệu số:

Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ yêu cầu cung cấp:

STT	Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm	Khu vực	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng (ghi rõ tên đề án, dự án, công trình)

Bên yêu cầu cung cấp cam kết thực hiện, đồng thời thông báo cho người có liên quan đến quản lý và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện những quy định sau:

- Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đúng mục khi đề nghị cung cấp;
- Không cung cấp, chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác để sử dụng vào mục đích khác;
- Cam kết thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước (nếu có); Không sử dụng thông tin, dữ liệu bản đồ được cung cấp để kết nối thành khu vực thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

DUYỆT CUNG CẤP⁽¹⁾
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm

BÊN YÊU CẦU CUNG CẤP
(Ký, họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ - Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cung cấp cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ duyệt cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ không thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Cục trưởng, Giám đốc sở (hoặc tương đương) duyệt cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc danh mục bí mật nhà nước khi có văn bản đề nghị của cấp có thẩm quyền.

Mẫu số 09: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc danh mục bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ THUỘC DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI

Số:.....

Thuộc danh mục bí mật nhà nước độ: TỐI MẬT MẬT

Kính gửi⁽¹⁾:.....

Họ và tên: Quốc tịch.....

Số hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân (Việt Nam) cấp ngày.... tháng.... năm...

Hạn sử dụng đến ngày.... tháng.... năm Nơi cấp.....

Đại diện cho:

Địa chỉ:

Căn cứ Nghị định số..... /2018/NĐ-CP ngày tháng.... năm 2018 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tôi xin đề nghị được cấp các thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước như sau:

TT	Loại thông tin, dữ liệu, sản phẩm	Khu vực	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng (ghi rõ tên đề án, dự án, công trình)

Đại diện cho Bên yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, tôi đã nghiên cứu các quy định của Pháp luật Việt Nam về sử dụng, quản lý thông tin dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc danh mục bí mật nhà nước. Tôi xin cam kết thực hiện, đồng thời thông báo cho người có liên quan đến quản lý và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện những quy định sau:

1) Thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước Việt Nam về quản lý và sử dụng tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước;

2) Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đúng mục đích khi đề nghị cung cấp; không cung cấp, chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác để sử dụng vào mục đích khác.

....., ngày tháng năm

BÊN YÊU CẦU CUNG CẤP

(Ký, họ tên)

1. Ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền⁽²⁾:.....(ghi rõ tên cơ quan hoặc chức danh của người có thẩm quyền)

Đồng ý cung cấp

Không đồng ý cung cấp

Ý kiến khác (nếu có):.....

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2. Ý kiến của, tổ chức trực tiếp cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ: (ghi rõ tên tổ chức)

Xác nhận hiện đang quản lý các thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo yêu cầu trên.

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3. Cơ quan **duyet cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ (Cấp Cục, Sở hoặc tương đương)**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN DUYỆT CẤP

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.
- (2) - Bộ Công an (nếu thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ xin cấp thuộc danh mục bí mật nhà nước ĐỘ TỐI MẬT);
- Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đối tác phía Việt Nam (nếu thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ xin cấp thuộc danh mục bí mật nhà nước ĐỘ MẬT)

Mẫu số 10: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức trong nước

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: Fax: E-mail: Website

Căn cứ Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau:

1.
2.
3.
4.

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT

1. Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phân tích theo ngành nghề ⁽¹⁾

Đơn vị tính: Người

TT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Công nhân kỹ thuật
1	<i>(Trắc địa)</i>	<i>05</i>	<i>02</i>	<i>0</i>
2	<i>(Địa chính)</i>
...

2. Người chịu trách nhiệm theo pháp luật và người phụ trách kỹ thuật

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên ⁽²⁾
1	<i>(Nguyễn Văn A)</i>	<i>(Giám đốc)</i>
2	<i>(Nguyễn Văn B)</i>	<i>(Phụ trách kỹ thuật)</i>	<i>(Kỹ sư trắc địa)</i>	<i>(05 năm)</i>

3. Danh sách nhân lực kỹ thuật đo đạc và bản đồ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên ⁽²⁾
1	<i>(Nguyễn Văn B)</i>	<i>(Phụ trách kỹ thuật)</i>	<i>(Kỹ sư trắc địa)</i>	<i>(05 năm)</i>
2	<i>(Nguyễn Văn C)</i>	<i>(Nhân viên)</i>	<i>(Trung cấp địa chính)</i>	<i>(03 năm)</i>
3
.....

II. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TT	Tên, mã hiệu của thiết bị, công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1				
2				
3				
.....

Cam kết: (tên tổ chức) xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

Người chịu trách nhiệm theo pháp luật
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Kê khai theo văn bằng chuyên môn.
- (2) Tính theo thời gian sau khi tốt nghiệp của bằng cấp chuyên môn đầu tiên.

Mẫu số 11: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của nhà thầu nước ngoài

TÊN NHÀ THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên nhà thầu:

Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài.....

Số điện thoại: Fax: E-mail: Website

Địa chỉ đăng ký tại Việt Nam.....

Số điện thoại: Fax: E-mail:

Quyết định chọn thầu/trúng thầu số:

Tên cơ quan/tổ chức ban hành quyết định:.....

Căn cứ Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau:

1.

2.

3.

4.

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

II. PHẠM VI, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Phạm vi hoạt động: Nêu rõ phạm vi hoạt động đo đạc và bản đồ của gói thầu theo đơn vị hành chính kèm theo tọa độ trong hệ tọa độ quốc gia.

2. Thời hạn đề nghị của giấy phép: Ghi theo thời gian đăng ký thực hiện nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

III. KÊ KHAI NĂNG LỰC

1. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT

a) Số lượng theo hồ sơ dự thầu

STT	Chuyên ngành kỹ thuật	Theo đăng ký hồ sơ dự thầu của nhà thầu	Hiện có
1	<i>Đo đạc</i>	
2	<i>Bản đồ</i>	...	
...	

b) Danh sách nhân lực kỹ thuật đo đạc và bản đồ hiện có

STT	Họ và tên	Bằng cấp	Thâm niên ⁽²⁾
1	(Nguyễn Văn B)	(Kỹ sư trắc địa)	(05 năm)
2	(Nguyễn Văn C)	(Trung cấp địa chính)	(03 năm)
3

2. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

STT	Tên, mã hiệu của thiết bị, công nghệ	Số lượng đăng ký theo hồ sơ dự thầu	Số lượng thực tế hiện có	Ghi chú
1				
2				
3				
.....

Cam kết: Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung kê khai này./.

Người đại diện của nhà thầu
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 12. Bản khai quá trình công tác của người phụ trách kỹ thuật

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên:.....
Ngày tháng năm sinh:.....
Số CMND/Căn cước công dân:..... ngày cấp..... Nơi cấp.....
Trình độ chuyên môn:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Đơn vị công tác:.....

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời gian	Cơ sở đào tạo	Bằng cấp được nhận	Năm tốt nghiệp
Từ đến			

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Chức vụ, đơn vị công tác	Nội dung công việc đã tham gia

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của tổ chức quản lý trực tiếp
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

....., Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI KHAI
(Ký, họ tên)

Mẫu số 13. Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Kính gửi: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:
Địa chỉ trụ sở chính:
Số điện thoại: Fax: E-mail: Website:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập:
Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số, cấp ngày tháng năm
Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp phép: (các công trình đo đạc và bản đồ đã thực hiện từ năm đến năm):

Số TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1					
2					
.....					

Căn cứ Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp bổ sung nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ như sau:

1.
2.

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp bổ sung)

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT

1. Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phân tích theo ngành nghề ⁽¹⁾

Đơn vị tính: người

TT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Công nhân kỹ thuật ¹⁾	Thay đổi so với thời điểm được cấp giấy phép (số lượng tăng/giảm)
1	(Trắc địa)	07	01	0	+ 02 đại học; - 01 Trung cấp
2	...				
3	...				
...					

2. Người chịu trách nhiệm theo pháp luật và Người phụ trách kỹ thuật

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Ghi chú
1	(Nguyễn Văn A)	Giám đốc
2	(Nguyễn Văn B)	Đội trưởng	Kỹ sư trắc địa	03 năm

3. Danh sách nhân lực kỹ thuật đo đạc và bản đồ được bổ sung

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên ⁽²⁾
1	(Nguyễn Văn C)	(Nhân viên)	(Kỹ sư Trắc địa)	(05 năm)
2	(Nguyễn Văn D)	(Nhân viên)	(Trung cấp địa chính)	(03 năm)
3
.....

II. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TT	Tên, mã hiệu của thiết bị công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Thay đổi so với thời điểm được cấp giấy phép (số lượng tăng/giảm)
1	(Toàn đạc điện tử)	03	+ 02
2				
3				
...				

Cam kết: Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

Người chịu trách nhiệm theo pháp luật
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Kê khai theo văn bằng chuyên môn.
- (2) Tính theo thời gian sau khi tốt nghiệp của bằng cấp chuyên môn đầu tiên.

Mẫu số 14: Đơn đề nghị gia hạn/cấp lại/cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/CẤP LẠI/CẤP ĐỔI⁽¹⁾
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập:

Người đại diện theo pháp luật:

Người phụ trách kỹ thuật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: Fax: E-mail: Website

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp số, ngày tháng năm

Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp phép:

(Nêu một số công trình đã thực hiện trong thời gian được cấp giấy phép).

Căn cứ Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ

Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam gia hạn/cấp lại/cấp đổi⁽¹⁾
giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho*(tên tổ chức)*.

Lý do đề nghị gia hạn/cấp lại/cấp đổi⁽¹⁾ giấy phép:

Cam kết: *(tên tổ chức)* xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai
này.

Người chịu trách nhiệm theo pháp luật
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

⁽¹⁾Ghi theo từng trường hợp cụ thể

Mẫu số 15: Biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Ngày tháng năm tại (Trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp phép), đại diện Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố đã tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của (tên tổ chức đề nghị cấp phép).

Thành phần của cơ quan thẩm định

1. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

.....

Thành phần của tổ chức đề nghị cấp giấy phép

1. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

.....

I. Nội dung thẩm định

1. Thẩm định sự đầy đủ, tính hợp lệ, phù hợp của hồ sơ

Kết luận về sự đầy đủ, hợp lệ, phù hợp với thực tế của các tài liệu trong hồ sơ theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm định năng lực hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức

a) Thẩm định thành phần lực lượng kỹ thuật:

(Đối chiếu số lượng và trình độ của lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức thể hiện trong các tài liệu như bảng lương, hợp đồng lao động, các quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nhân sự v.v... với lực lượng kỹ thuật kê khai trong hồ sơ).

Kết quả thẩm định lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ, nêu cụ thể về:

- Người phụ trách kỹ thuật: Họ và tên, chức vụ, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, hợp đồng lao động.

- Thống kê cụ thể nhân lực kỹ thuật về đo đạc và bản đồ:

Kết luận về sự phù hợp của bản kê khai trong hồ sơ với lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ của tổ chức, năng lực chuyên môn thực hiện nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp giấy phép.

b) Thẩm định năng lực thiết bị, công nghệ:

(Đối chiếu số lượng và tình trạng của thiết bị, công nghệ đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức với kê khai trong hồ sơ).

Kết quả thẩm định năng lực thiết bị, công nghệ, nêu cụ thể về tên, loại, số lượng của thiết bị đo đạc; các phần mềm chuyên ngành:

- Thiết bị phục vụ hoạt động đo đạc và bản đồ:
- Thiết bị tin học:
- Phần mềm:

Kết luận về năng lực thiết bị, công nghệ về đo đạc và bản đồ của tổ chức.

Kết luận về sự phù hợp của bản kê khai trong hồ sơ với lực thiết bị, công nghệ hiện có của tổ chức, khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp giấy phép.

II. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Nêu kết luận về tính hợp lệ, xác thực của hồ sơ; sự phù hợp giữa năng lực về nhân lực, thiết bị, phần mềm, công nghệ thực tế của tổ chức với kê khai trong hồ sơ.

2. Kiến nghị

Căn cứ Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho (*tên tổ chức*) với các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ sau đây:

- 1)
 - 2)
-

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

Biên bản này được lập thành 03 (ba) bản: 01 bản giao cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép; 01 bản lưu tại cơ quan thẩm định hồ sơ kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; 01 bản gửi Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam./.

**ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH⁽¹⁾**
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH⁽¹⁾
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Nếu đại diện cơ quan thẩm định ký tên nhưng không được phép đóng dấu thì phải có xác nhận và ký tên, đóng dấu của lãnh đạo cơ quan thẩm định.

Mẫu số 16: Mẫu Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
Trang 1, trang 4

<p>Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép:</p> <ol style="list-style-type: none">Chỉ được thực hiện các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ trong phạm vi cho phép của giấy phép này.Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ, quy định khác của pháp luật có liên quan.Nghiêm cấm cho tổ chức khác thuê, mượn hoặc sử dụng giấy phép này để hoạt động đo đạc và bản đồ.Nghiêm cấm tẩy xóa, sửa chữa giấy phép.Xuất trình giấy phép khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u></p> <p>GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ</p> <p>SỐ: XXXXX</p>
---	---

- Giấy phép đo đạc và bản đồ gồm 4 trang, mỗi trang có kích thước 13,5 x 18 cm.
- Trang 1 và trang 4 in có tông màu xanh đậm.
- Trang 2 và trang 3 màu trắng, in hình trống đồng màu vàng nhạt.

Trang 2, trang 3

<p>GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ SỐ XXXXX</p> <p>Tên tổ chức/nhà thầu.....</p> <p>Địa chỉ trụ sở chính:.....</p> <p>Điện thoại:..... Fax:.....</p> <p>Email:..... Website:.....</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Quyết định trúng thầu:.....</p> <p>Mã số doanh nghiệp:.....</p> <p>Cơ quan cấp:.....</p> <p>Cấp phép nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ:</p> <ol style="list-style-type: none">.................... <p>Thời hạn của Giấy phép: Giấy phép có giá trị đến ngày.....tháng.....năm...</p> <p>Phạm vi hoạt động của giấy phép:.....</p> <p style="text-align: center;"><i>Hà Nội, ngày.... tháng.....năm.....</i> CỤC TRƯỞNG CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i></p>	<p>Cấp bổ sung nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ:</p> <ol style="list-style-type: none">.......... <p style="text-align: right;"><i>Hà Nội, ngày.... tháng.....năm.....</i> CỤC TRƯỞNG CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i></p> <p>Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ:</p> <p>Giấy phép có giá trị đến ngày tháng năm</p> <p style="text-align: right;"><i>Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....</i> CỤC TRƯỞNG CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i></p>
--	---

Mẫu số 17: Đơn đề nghị cấp/cấp lại/cấp đổi/gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/CẤP ĐỔI/GIA HẠN ⁽¹⁾
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ)

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số căn cước công dân/CMND ngày cấp:.....nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:..... Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác (nếu có).....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo):
9. Mã số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
10. Thời hạn có hiệu lực của chứng chỉ hành nghề đã được cấp đến ngày (nếu có):.....

Đề nghị được cấp/cấp lại/cấp đổi/gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ như sau:

- 1) Cấp chứng chỉ hành nghề ⁽²⁾
Nội dung hành nghề:⁽¹⁾ Hạng:
- 2) Cấp lại chứng chỉ hành nghề ⁽²⁾
Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:⁽²⁾
- 3) Cấp đổi chứng chỉ hành nghề ⁽²⁾
Lý do đề nghị cấp đổi chứng chỉ:⁽²⁾
- 4) Gia hạn chứng chỉ hành nghề ⁽²⁾
Lý do đề nghị gia hạn chứng chỉ:⁽²⁾

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề đo đạc và bản đồ theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, họ tên)

⁽¹⁾ Ghi phù hợp với từng trường hợp cụ thể.
⁽²⁾ Lựa chọn và chỉ đánh dấu vào một ô phù hợp với đơn đề nghị.

Mẫu số 18: Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI KINH NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP

- Họ và tên:.....
- Trình độ chuyên môn:
- Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp ⁽³⁾(bao nhiêu năm, tháng):
.....
- Đơn vị công tác (nếu có):
- Mã số chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp:
ngày cấp.....Cơ quan cấp:..... ⁽¹⁾
- Quá trình hoạt động chuyên môn về đo đạc và bản đồ:

Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Nội dung hành nghề đo đạc và bản đồ (Ghi rõ lĩnh vực, chức danh hành nghề đo đạc và bản đồ)	Ghi chú

- Tự xếp hạng chứng chỉ hành nghề: ⁽²⁾
Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày.....tháng... năm.....

Xác nhận
của tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có)
(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI KHAI
(Ký, họ tên)

Ghi chú:

- Đối với trường hợp cấp lại, cấp đổi, gia hạn chứng chỉ hành nghề.
- Đối với trường hợp cấp mới chứng chỉ hành nghề.
- Tính theo thời gian làm việc sau khi có bằng cấp chuyên môn đầu tiên.

Mẫu số 19: Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

Trang 1, trang 4

<p>Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:</p> <ol style="list-style-type: none">Chỉ được nhận và thực hiện các nội dung hành nghề đo đạc và bản đồ trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ, quy định khác của pháp luật có liên quan.Nghiêm cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.Nghiêm cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ.Xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ</p> <p>Hạng:.... Số: XXX-XXXXX</p>
--	---

1. Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gồm 4 trang mỗi trang có kích thước 13,5 x 18 cm.
 2. Trang 1 và trang 4 in có tông màu xanh lá mạ.
 3. Trang 2 và trang 3 màu trắng, in hình trống đồng màu vàng nhạt.
- Trang 2 trang 3

<p style="text-align: center;">CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ</p> <p style="text-align: center;">Hạng:..... Số: XXX-XXXXX</p> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 10px auto; text-align: center; vertical-align: middle;">Ảnh 4x6 <small>(Đóng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ)</small></div> <p style="text-align: center;">Chữ ký của người được cấp chứng chỉ</p> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 40px; margin: 10px auto;"></div> <p>Họ và tên: Ngày tháng năm sinh: Địa chỉ thường trú: Số CMND/Căn cước công dân: cấp ngày tại Trình độ chuyên môn: Cơ sở đào tạo:</p> <p>Hình thức chứng chỉ: (cấp mới, cấp đổi, cấp lại, gia hạn). Chứng chỉ có giá trị đến ngày..... tháng..... năm.....</p>	<p>Nội dung được hành nghề đo đạc và bản đồ:</p> <ol style="list-style-type: none">1.....;2.....;3.....;4.....;5..... <p style="text-align: right;">....., ngàytháng.....năm.....</p> <p style="text-align: right;">THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN <i>(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)</i></p>
---	---

Phụ lục 1: Quy định ký hiệu cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ

STT	Nơi cấp	Kí hiệu	STT	Nơi cấp	Kí hiệu
I	Đối với chứng chỉ Hạng I do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp				
1	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	CĐB			
II	Đối với chứng chỉ hạng II do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp				
1	An Giang	AGI	33	Kon Tum	KTU
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	BVU	34	Lai Châu	LAC
3	Bắc Giang	BGI	35	Lâm Đồng	LDO
4	Bắc Kạn	BKA	36	Lạng Sơn	LAS
5	Bạc Liêu	BLI	37	Lào Cai	LCA
6	Bắc Ninh	BNI	38	Long An	LAN
7	Bến Tre	BET	39	Nam Định	NAD
8	Bình Định	BDI	40	Nghệ An	NGA
9	Bình Dương	BDU	41	Ninh Bình	NBI
10	Bình Phước	BIP	42	Ninh Thuận	NIT
11	Bình Thuận	BIT	43	Phú Thọ	PTH
12	Cà Mau	CMA	44	Phú Yên	PHY
13	Cao Bằng	CBA	45	Quảng Bình	QBI
14	Cần Thơ	CAT	46	Quảng Nam	QNA
15	Đà Nẵng	DNA	47	Quảng Ngãi	QNG
16	Đắk Lắk	DLA	48	Quảng Ninh	QNI
17	Đắk Nông	DAN	49	Quảng Trị	QTR
18	Điện Biên	DIB	50	Sóc Trăng	SOT
19	Đồng Nai	DON	51	Sơn La	SLA
20	Đồng Tháp	DOT	52	Tây Ninh	TNI
21	Gia Lai	GLA	53	Thái Bình	TBI
22	Hà Giang	HGI	54	Thái Nguyên	TNG
23	Hà Nam	HNA	55	Thanh Hóa	THO
24	Hà Nội	HAN	56	Thừa Thiên Huế	TTH
25	Hà Tĩnh	HAT	57	Tiền Giang	TIG
26	Hải Dương	HAD	58	TP.Hồ Chí Minh	HCM
27	Hải Phòng	HAP	59	Trà Vinh	TVI
28	Hậu Giang	HAG	60	Tuyên Quang	TQU
29	Hòa Bình	HOB	61	Vĩnh Long	VLO
30	Hưng Yên	HYE	62	Vĩnh Phúc	VIP
31	Khánh Hòa	KHO	63	Yên Bái	YBA
32	Kiên Giang	KGI			



**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CHO DỰ THẢO LẦN 2
của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan, tổ chức và địa phương
đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ**

Tổng số ý kiến góp ý: 52 ý kiến, trong đó:

- 14 ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
- 38 ý kiến góp ý của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(Cụ thể tại danh sách kèm theo)

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
Góp ý chung	Nhằm tạo sự thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ tại các cấp, đề nghị bổ sung quy định về các cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ tại địa phương, theo đó quy định: Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là Sở Tài nguyên và Môi trường; Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ ở quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là phòng Tài nguyên và Môi trường; Công chức địa chính ở xã, phường, thị trấn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ tại địa phương.	Đã được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền và Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 Quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Bắc Ninh
	Làm rõ hơn trách nhiệm của một số bộ có liên quan nhiều như: Bộ Nội vụ, Ngoại giao, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa - Thể thao và Du lịch về các nội dung xây dựng kế hoạch hàng năm, công tác báo cáo, công tác kiểm tra, thẩm định, công tác bàn giao sản phẩm.	Trách nhiệm của một số bộ có liên quan đến Luật Đo đạc và bản đồ (Luật ĐĐBĐ).	Sơn La
Chương 1	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1	Đề nghị sử dụng Phương án 1.		Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
		Tiếp thu	Quốc phòng, Bộ Công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ NNPTNT, Bộ GTVT, VCCI, Công ty TNHH MTV Trắc địa và Bản đồ, Bắc Ninh, Bình Dương, Cà Mau, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hà Nam, Long An, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Bình, Sơn La, Thái Bình, Tiền Giang, Trà Vinh, TP. HCM, Thanh Hóa, Bến Tre, Sóc Trăng, Điện Biên, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Đồng Tháp.
	Thống nhất lựa chọn Phương án 1, cuối phương án 1 bổ sung, sửa lại thành: “chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ và một số qui định cụ thể hóa Luật Đo đạc và bản đồ”.	Đã quy định tại Dự thảo trong phạm vi quy định của Luật ĐĐBĐ giao Chính phủ quy định chi tiết.	Hà Tĩnh

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	Đề xuất lựa chọn Phương án 1, tuy nhiên đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định cụ thể một số điều Luật Đo đạc và bản đồ giao Chính phủ quy định để thực hiện, cụ thể: Điều 14 quy định về dữ liệu ảnh viễn thám; Điều 41 quy định về lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; Điều 54 quy định về thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.	Đã quy định tại Dự thảo trong phạm vi quy định của Luật ĐĐBĐ giao Chính phủ quy định chi tiết.	Bắc Kạn
	Đề nghị sử dụng Phương án 2.	Sử dụng Phương án 1 vì đã được phần lớn các bộ, địa phương nhất trí.	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao, Thái Nguyên, Yên Bái, Bình Thuận, An Giang, Bạc Liêu
	Đề nghị xác định các hoạt động, công việc về đo đạc và bản đồ theo nhóm.	Dự thảo đã xác định các hoạt động, công việc về đo đạc và bản đồ theo nhóm.	Bộ Xây dựng
Điều 2	Bổ sung, sửa lại thành: “Nghị định này áp dụng đối với cơ quan <i>Quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ</i> ; tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; hoạt động khác có liên quan đến đo đạc và bản đồ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”	Đối tượng áp dụng theo quy định của Luật ĐĐBĐ.	Hà Tĩnh
Điều 3	Bổ sung khái niệm: “Điểm đo đạc cơ sở, Hệ tọa độ địa phương, mô hình Geoid địa phương”.	Dự thảo không quy định các nội dung theo đề nghị.	Hà Tĩnh
Điều 3	Khoản 1, khoản 2: Đề nghị bổ sung tiếng Anh đối với 2 cụm từ “ <i>Trạm tham chiếu cơ sở hoạt động liên tục</i> ” và “ <i>Trạm tham chiếu hoạt động liên tục</i> ” do trong các Thiết kế kỹ thuật và dự toán sẽ dùng cụm từ tiếng Anh (kể cả viết tắt), sau đó giải thích bằng tiếng Việt đối với các công nghệ áp dụng.	Xin bảo lưu như Dự thảo để đảm bảo thống nhất với các thuật ngữ khác.	Sóc Trăng
Điều 4	Tách riêng một Chương về chế độ báo cáo.	Xin bảo lưu như Dự thảo vì quy định	Bộ NNPTNT

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
		này không nhiều nội dung quy định và đưa vào quy định chung là phù hợp.	
	<p>- Đề nghị làm rõ số lần báo cáo (một lần hay nhiều hơn) mà các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức có hoạt động đo đạc và bản đồ phải thực hiện, vì Dự thảo mới chỉ quy định chung về kỳ báo cáo và trách nhiệm báo cáo.</p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ các trường hợp báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ và cơ quan có thẩm quyền yêu cầu báo cáo đột xuất (khoản 5) để bảo đảm tính minh bạch của quy định pháp luật khi thực hiện.</p>	<p>- Dự thảo đã quy định rõ Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm.</p> <p>- Khi cần báo cáo đột xuất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền vẫn phải thông báo cho cơ quan, tổ chức cần báo cáo theo đúng quy định của pháp luật (VD: theo yêu cầu về kiểm tra, thanh tra...).</p>	Bộ Tư pháp
	Bổ sung quy định: UBND xã, phường, thị trấn; phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh định kỳ hàng năm báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định vì Luật Đo đạc và bản đồ tại Điều 58 có quy định trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong thực hiện quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ	Nội dung này do UBND cấp tỉnh quy định.	Bắc Ninh
	Khoản 1: Điều chỉnh đối tượng tại khoản này thành “Đối tượng lập báo cáo hàng năm về hoạt động đo đạc và bản đồ gồm các cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ theo phân cấp, các tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ”	Hiện nay, một số bộ không có cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ nhưng vẫn triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ.	Long An
	Điểm b khoản 4: sửa thành “Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường	Nội dung này chỉ quy định đối với UBND cấp tỉnh.	Bắc Ninh
	Bổ sung điểm b khoản 4 ”Ủy ban nhân dân cấp huyện, các ”. Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Báo cáo của UBND cấp huyện, cấp	Sơn La

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ ...”	xã do UBND cấp tỉnh quy định.	
	<p>- Điểm b khoản 4: sửa lại bố cục như sau ”<i>Trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo, tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i></p> <p>- Điểm c khoản 4: sửa lại bố cục như sau ”<i>Trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo, các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,....”</i></p>	Quy định như Dự thảo là phù hợp vì quy định cho chủ thể lập báo cáo.	Yên Bái
	Điểm c khoản 4: đề nghị bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” và sửa thành “Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, lập báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo. Nội dung báo cáo lập theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này”	Dự thảo phù hợp với quy định tại Điều 58 của Luật ĐBĐĐ.	Bắc Ninh
	Điều chỉnh đối tượng tại điểm c khoản 4 từ “Ủy ban nhân dân tỉnh ...” thành “ Sở Tài nguyên và Môi trường...”	Dự thảo phù hợp với quy định tại Điều 58 của Luật ĐBĐĐ.	Long An
	Điểm d khoản 4: sửa lại bố cục như sau ” <i>Trong thời hạn 45 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam....”</i>	Quy định như Dự thảo là phù hợp vì quy định cho chủ thể lập báo cáo.	Yên Bái
Chương II	HỆ THỐNG SỐ LIỆU CÁC MẠNG LƯỚI ĐO ĐẠC QUỐC GIA		
Điều 5	Đề nghị mạng lưới tọa độ quốc gia chỉ nên quy định tới hạng II. Lưới tọa độ hạng III đề nghị thuộc “hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành” sẽ phù hợp hơn.	Quy định như Dự thảo là phù hợp với hiện trạng các quy định hiện hành.	TP. HCM
	Tên Điều 5 và khoản 2 Điều 5 đề nghị sửa lại thành “Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia”	Quy định như Dự thảo là phù hợp với quy định của Luật ĐBĐĐ.	Thái Nguyên
	Khoản 3: Nội dung Điều này quy định về lưới tọa độ và Điều 6 quy định về lưới độ cao, vì vậy nên chuyển nội dung: "độ cao của các điểm trong lưới tọa độ quốc gia được tính theo hệ độ cao quốc gia ” xuống khoản 1 Điều 6.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Quảng Ngãi

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
Điều 6	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ các trường hợp chu kỳ đo được rút ngắn theo tùy theo mức độ ảnh hưởng của các khu vực nền đất yếu, chịu nhiều ảnh hưởng của phát triển kinh tế - xã hội mà Thủ tướng Chính phủ quyết định.	Chu kỳ rút ngắn dựa trên số liệu quan trắc, hoặc đánh giá về sự tác động của các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và phái báo cáo Thủ tướng.	Bộ Tư pháp
	Tên Điều 6 đề nghị sửa lại thành “Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia”	Quy định như Dự thảo là phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ	Thái Nguyên
	Đề nghị mạng lưới độ cao quốc gia chỉ nên quy định tới hạng II. Lưới độ cao hạng III đề nghị thuộc “hệ thống số liệu các mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành” sẽ phù hợp hơn.	Quy định như Dự thảo là phù hợp với hiện trạng các quy định hiện hành.	TP. HCM
Điều 7	Tên Điều 7 đề nghị sửa lại thành “Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia.	Quy định như Dự thảo là phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ.	Thái Nguyên
	Khoản 3: Chỉ quy định chu kỳ đo lưới trọng lực cơ sở, lưới trọng lực hạng I mà chưa rõ mạng lưới trọng lực hạng II sẽ được đo theo chu kỳ bao nhiêu năm, do đó, cần nhắc bổ sung hoặc giải trình cụ thể lý do không quy định tại Dự thảo Tờ trình.	Quy định như Dự thảo vì lưới trọng lực hạng I được sử dụng để tính giá trị của lưới trọng lực cấp thấp hơn.	Bộ Tư pháp
	Khoản 2: Đề nghị điều chỉnh “phục vụ cho hoạt động đo đạc và bản đồ và nghiên cứu khoa học” thành “phục vụ cho hoạt động đo đạc, bản đồ và nghiên cứu khoa học”.	Quy định như Dự thảo là phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ.	Sóc Trăng
Điều 8	Khoản 1, 2: Nên bỏ cụm từ “dẫn đường”	Quy định như Dự thảo là phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ.	Quảng Ngãi
Chương III	CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU NỀN ĐỊA LÝ QUỐC GIA VÀ HỆ THỐNG BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH QUỐC GIA		
Điều 9	Khoản 1: Đề nghị quy định thời gian hoàn thiện số liệu các mạng lưới đo đạc trong thời hạn 1-2 năm.	Căn cứ tình hình thực tế về kinh phí hàng năm sẽ không đủ kinh phí để thực hiện trong thời gian theo đề nghị.	Bộ NNPTNT

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
Điều 10	Điểm d khoản 1: Đề nghị chỉnh sửa thành “Dữ liệu dân cư là dữ liệu về các khu vực dân cư và các công trình liên quan đến dân cư, gồm: khu vực dân cư đô thị, nông thôn, khu chức năng đặc thù, công trình xây dựng, cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội khác”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ Xây dựng
	Điểm e khoản 1: Đề nghị tách thành 2 điểm, e1. Dữ liệu biên giới quốc gia, e2. Dữ liệu địa giới hành chính.	Trong hoạt động đo đạc và bản đồ, hai nội dung này được gộp chung vào một nhóm.	Bộ Nội vụ
	Đề nghị quy định rõ quy trình thiết lập và công bố hệ thống số liệu mạng lưới đo đạc quốc gia, trách nhiệm phê duyệt (Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tự xây dựng và phê duyệt hệ thống hay chỉ phê duyệt trên cơ sở đề nghị từ các cơ quan khác...).	Tại khoản 4 Điều 11 Luật ĐDBĐ đã quy định rõ. Quy trình thiết lập mạng lưới đo đạc quốc gia tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ TNMT ban hành, quy trình phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật ĐDBĐ.	Bộ Tư pháp
	Khoản 3: Đề nghị thay thế cụm từ " <i>thành lập</i> " bằng " <i>chiết xuất</i> " thành câu " <i>Bản đồ địa hình quốc gia được chiết xuất từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia theo...</i> "	Quy định như Dự thảo là phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ.	Bộ Quốc phòng
Điều 11	<p>- Điểm c khoản 1: Đề nghị xem xét quy định “trường hợp trên 40% đối tượng địa lý trên phạm vi khu vực bị biến động thì thành lập mới CSDL nền địa lý cho toàn bộ khu vực do việc kiểm đếm các đối tượng địa lý bị thay đổi, biến động trước khi khảo sát, đo đạc địa hình là chưa có cơ sở. Đề nghị việc xem xét, quyết định thành lập mới CSDL cho toàn bộ khu vực cần được tính toán theo tỷ lệ diện tích có biến động về dữ liệu nền địa lý trong tổng thể khu vực khảo sát đo đạc”.</p> <p>- Điểm a khoản 4: Đề nghị điều chỉnh sau: “CSDL nền địa lý quốc gia phải được cập nhật định kỳ. Đối với CSDL địa lý quốc gia tỷ lệ lớn, thời gian của 1 chu kỳ cập nhật không quá 05 năm; đối với CSDL nền địa lý quốc gia tỷ lệ trung bình và nhỏ, thời gian của 1 chu kỳ cập nhật không quá 07 năm”.</p>	<p>- Quy định như Dự thảo là phù hợp vì khu vực cập nhật được xác định theo tình hình khảo sát thực tế và yêu cầu cập nhật.</p> <p>- Quy định như Dự thảo là phù hợp vì khu vực cập nhật được xác định theo tình hình khảo sát thực tế và yêu cầu cập nhật.</p>	Bộ Xây dựng

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	- Điểm b khoản 4: Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: "Dữ liệu giao thông, dữ liệu dân cư, dữ liệu địa hình được cập nhật định kỳ hàng năm" để đảm bảo cơ sở dữ liệu phục vụ công tác lập quy hoạch xây dựng.	- Quy định như Dự thảo là phù hợp vì địa hình chỉ thay đổi khi xảy ra sụt, lún do thiên tai và đã được quy định riêng cho những trường hợp này.	
	Đề nghị làm rõ hơn các trường hợp cập nhật, các trường hợp phải xây dựng lại, trách nhiệm của các cơ quan trong việc cập nhật, các cơ quan có trách nhiệm cập nhật tức thời theo khu vực... để bảo đảm tính khả thi trên thực tiễn.	Các trường hợp cập nhật theo yêu cầu về dữ liệu của yêu cầu của các lĩnh vực sử dụng thông tin, dữ liệu, trách nhiệm cập nhật đã quy định trong Luật ĐDBĐ.	Bộ Tư pháp
	Cuối khoản 1 bổ sung cụm từ: "Nguồn dữ liệu để cập nhật bao gồm kết quả đo đạc, điều tra để cập nhật hoặc các loại bản đồ tỷ lệ lớn hơn có thông tin được xây dựng mới nhất từ thực địa."	Quy định này được xác định cụ thể trong quy định kỹ thuật và tình hình thực tế về dữ liệu của khu vực.	Hà Tĩnh
	Điểm c khoản 2: Do các đối tượng địa lý trên cơ sở dữ liệu nền địa lý, bản đồ địa hình là nhiều nên việc quy định trường hợp có 40% đối tượng địa lý trên phạm vi khu vực bị biến động thì thành lập mới cơ sở dữ liệu nền địa lý là khó thực hiện. Kiến nghị quy định lại theo thời gian (5 năm) để thực hiện.	Quy định như Dự thảo là phù hợp để đảm bảo thông tin, dữ liệu được cập nhật kịp thời theo quy định của Luật ĐDBĐ.	Bình Thuận
	Điểm b khoản 3: chỉnh sửa cụm từ " <i>...tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này</i> " thành " <i>...tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định này</i> "	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bắc Ninh
	Điểm b khoản 3: Đề nghị sửa lại thành "Đối với bản đồ địa hình... quy định tại <i>khoản 3 Điều 10 của Nghị định này</i> ".	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Thanh Hóa
	Điểm c khoản 4: Quy định mức độ biến động lớn hơn 20% cũng khó xác định, kiến nghị quy định theo thời gian để thực hiện.	Quy định như Dự thảo là phù hợp để đảm bảo thông tin, dữ liệu được cập nhật kịp thời theo quy định của Luật ĐDBĐ.	Bình Thuận
	Chu kỳ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia được quy định tại khoản 4 (cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phải được cập nhật định kỳ không quá 05	Luật ĐDBĐ không giao Chính phủ quy định nội dung này.	Sóc Trăng

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	năm và dữ liệu giao thông, dữ liệu dân cư được cập nhật định kỳ hàng năm); ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật đo đạc và bản đồ thì Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm “Xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và thành lập, cập nhật hệ thống bản đồ địa hình quốc gia”: Nội dung công việc rất lớn; tuy nhiên, hiện nay nhiều địa phương không đủ năng lực và kinh phí để thực hiện. Từ đó, đề nghị bổ sung một số cơ chế về pháp lý và kinh phí để tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ này.		
Chương IV	XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐO ĐẠC		
Chung	Đề nghị bổ sung nội dung về đầu tư công trình hạ tầng hạ tầng đo đạc và giải thích từ ngữ về xây dựng công trình hạ tầng đo đạc.	Nội dung này đã quy định trong Luật ĐĐ&BĐ.	Bộ Giáo dục và Đào tạo
	Rà soát các quy định về quy trình xây dựng, vận hành, bảo trì công trình hạ tầng đo đạc từ Điều 12 đến Điều 17 Chương IV với các quy định pháp luật về xây dựng công trình tại Luật Xây dựng, Luật đầu tư công và Luật đầu tư (theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật ĐĐ&BĐ).	Đã rà soát các quy định của pháp luật có liên quan.	Bộ GTVT
Điều 12	Xem xét, lược bỏ quy định tại điểm c khoản 1 vì nội dung này đã được quy định tại khoản 4 Điều 36 của Luật ĐĐ&BĐ.	Đã xem xét, lược bỏ.	Bộ GTVT
	Việc đầu tư, xây dựng các công trình đo đạc sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, trong đó, thẩm quyền phê duyệt đầu tư xây dựng phải căn cứ tiêu chí phân loại dự án trọng điểm quốc gia, dự án nhóm A, B hoặc c theo đó thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân..., do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát để bảo đảm sự thống nhất với pháp luật về đầu tư công.	Đã rà soát các quy định của pháp luật có liên quan.	Bộ Tư pháp
	Khoản 1: Quy định về phê duyệt đề án, dự án, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với công trình hạ tầng đo đạc xây dựng bằng ngân sách nhà nước, nhưng tại Điều 14 Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, khai thác công trình hạ tầng đo đạc, không quy định về sử dụng nguồn vốn. Vậy để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện, cần quy định rõ hơn về nguồn ngân sách; đối tượng thực hiện đối với từng nguồn vốn và	Quy định này phù hợp với pháp luật về đầu tư.	Quảng Ngãi

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	thẩm quyền phê duyệt (trường hợp không sử dụng ngân sách nhà nước)		
	Điểm c khoản 1 sửa lại như sau “Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai đề án, dự án, nhiệm vụ xây dựng các mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Luật ĐĐBD không quy định nội dung này.	Yên Bái
	Điểm c khoản 1 sửa lại thành “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai đề án, dự án, nhiệm vụ xây dựng các mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành <u>phủ trùm</u> thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Bộ Tài nguyên và Môi trường. <u>Việc đầu tư xây dựng lưới toa độ, độ cao chuyên ngành phủ trùm hoàn thành trước năm 2021</u> ”.	Các mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành chỉ phục vụ chuyên ngành, không phủ trùm toàn quốc.	Hà Tĩnh
	Khoản 2 có nội dung: “Khi xây dựng công trình hạ tầng đo đạc, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất...”. Tuy nhiên, mẫu 03, 04 thuộc Phần mẫu biểu, phụ lục có nội dung chưa phù hợp với chủ thể được giao đất	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Tiền Giang
	<p>- Khoản 2: Điều kiện để thực hiện thủ tục giao, thuê đất trước hết phải thực hiện thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo pháp luật về đất đai. Do đó, khi lập dự án đầu tư phải có nội dung lập thủ tục thu hồi đất, chi phí đo vẽ, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư trong phạm vi hành lang bảo vệ theo quy định.</p> <p>- Khoản 3: Đề nghị bổ sung: bàn giao danh sách kèm sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Vì điểm c Khoản 2 Điều 58 Luật Đo đạc và Bản đồ quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:</p>	<p>- Quy định như Dự thảo đã bao gồm các nội dung này.</p> <p>- Dự thảo quy định bàn giao đầy đủ danh sách mốc kèm theo sơ đồ vị trí mốc, hành lang bảo vệ cho UBND cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm bàn giao cho UBND cấp huyện.</p>	TP. HCM

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
Điều 13	Xem xét, lược bỏ quy định tại khoản 3 Điều 13 về việc lấy ý kiến thống nhất với Bộ TN & MT vì nội dung này đã được quy định tại khoản 4 Điều 36 của Luật ĐĐ&BĐ.	Nội dung này không có trong Dự thảo.	Bộ GTVT
	Theo quy định tại khoản 1 thì công trình hạ tầng đo đạc phải có quy trình vận hành và quy trình này phải được trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi đưa công trình vào khai thác. Tuy nhiên, Dự thảo lại không quy định về trình tự, thủ tục để có thể có được sự phê duyệt này. Điều này sẽ gây khó khăn trên thực tế triển khai, <u>đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định về thủ tục phê duyệt quy trình vận hành công trình hạ tầng đo đạc.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	VCCI
Điều 14	Đề nghị làm rõ tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng làm cơ sở cho các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện.	Việc lựa chọn dự án đầu tư tùy theo khả năng của từng cơ quan, địa phương và quy định của pháp luật về đầu tư.	Bộ Tư pháp
Điều 15	Quy định Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc phải được xác lập trong quá trình xây dựng công trình hạ tầng đo đạc, trong đó xác lập bán kính bảo vệ từ 20-100 mét, không được xây dựng công trình, nhà cao tầng, trồng cây lâu năm che chắn công trình; đào, đắp và các hoạt động khác làm ảnh hưởng đến sự ổn định của công trình,... Quy định này sẽ làm hạn chế quyền sử dụng đất của thửa liền kề, có thể ảnh hưởng đến quy hoạch chi tiết. Luật Đo đạc và bản đồ không quy định việc bồi thường thiệt hại khi quy định hành lang bảo vệ công trình làm hạn chế quyền sử dụng đất mà không phải thu hồi đất. Luật đất đai năm 2013 chỉ quy định việc bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn (Điều 94). Kiên nghị xem xét bổ sung những quy định về tính phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và bồi thường thiệt hại khi xây dựng và xác lập hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc làm hạn chế quyền sử dụng đất mà không phải thu hồi đất.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bến Tre
	Đề nghị quy định lại hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc, do việc thực	Hành lang bảo vệ chỉ liên quan đến	Sóc Trăng

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	hiện không khả thi đối với những nơi đất đai có giá trị lớn.	quy định kỹ thuật, không phụ thuộc vào giá trị đất.	
	<p>Cần nghiên cứu để quy định cho phù hợp theo hướng vừa phải, nhưng bảo đảm bảo vệ công trình an toàn và luôn ổn định. Đề xuất cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với mốc đo đạc trong mạng lưới tọa độ quốc gia, mạng lưới tọa độ cơ sở chuyên ngành, hành lang bảo vệ là 20 mét từ tâm mốc. - Đối với mốc đo đạc trong mạng lưới độ cao quốc gia, mạng lưới độ cao cơ sở chuyên ngành, hành lang bảo vệ là 10 mét từ tâm mốc. 	Các loại mốc đo đạc đều phải đảm bảo hành lang bảo vệ theo quy định kỹ thuật.	Quảng Trị
	Khoản 3: Quy định lại độ rộng hành lang bảo vệ công trình đo đạc cho phù hợp với hiệu quả sử dụng do phải đền bù đất đai. Đồng thời, cần quy định rõ độ cao công trình, nhà được phép xây dựng trong khu vực hành lang bảo vệ công trình.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ Quốc phòng
	<p>Cần nghiên cứu để quy định cho phù hợp theo hướng vừa phải nhưng luôn bảo đảm bảo vệ công trình an toàn và ổn định, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với mốc đo đạc trong mạng lưới tọa độ quốc gia, mạng lưới tọa độ cơ sở chuyên ngành, hành lang bảo vệ là 20 mét từ tâm mốc. - Đối với mốc đo đạc trong mạng lưới độ cao quốc gia, mạng lưới độ cao cơ sở chuyên ngành, hành lang bảo vệ là 10 mét từ tâm mốc. 	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Quảng Bình
	Khoản 2: Bổ sung cụm từ “hoặc bản trích đo địa chính” trước cụm từ “có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã”	Quy định như Dự thảo là phù hợp, trong Luật ĐDBĐ không có khái niệm bản trích đo địa chính.	Thái Bình
	Khoản 2: Sửa lại thành “Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc phải được xác lập trong quá trình xây dựng công trình hạ tầng đo đạc. Việc cắm mốc giới để xác định và công bố công khai ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai <i>đảm bảo quyền của người sử dụng đất phù hợp với mốc thời gian hoàn thành mốc giới, hành lang, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc</i> được xác định trên bản đồ địa chính có xác nhận của Ủy ban	Quyền của người sử dụng đất được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.	Hà Tĩnh

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	nhân dân cấp xã.		
	Điểm a khoản 3: Đề nghị sửa thành “Đối với mốc đo đạc trong mạng lưới tọa độ quốc gia hành lang bảo vệ có bán kính là 50 mét tính từ tâm mốc. Đối với mạng lưới tọa độ cơ sở chuyên ngành, hành lang bảo vệ có bán kính là 5 mét tính từ tâm mốc”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Các tỉnh: Hà Nam, Bình Dương
	Điểm b khoản 3: Đề nghị sửa thành “Đối với mốc đo đạc trong mạng lưới độ cao quốc gia hành lang bảo vệ có bán kính là 20 mét tính từ tâm mốc. Đối với mạng lưới độ cao cơ sở chuyên ngành, hành lang bảo vệ có bán kính là 5 mét tính từ tâm mốc”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Hà Nam
	Khoản 3: Kiến nghị sửa lại theo hướng là hành lang bảo vệ công trình đo đạc bằng với hành lang an toàn công trình khác (giao thông đường bộ, đường thủy,...) để thống nhất.	Yêu cầu về hành lang bảo vệ của công trình hạ tầng đo đạc khác với yêu cầu của hành lang an toàn công trình trong các lĩnh vực khác.	Bình Thuận
	Khoản 3: Quy định hành lang bảo vệ công trình khó khả thi đối với các khu đô thị lớn của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Vì vậy kiến nghị hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc nên nghiên cứu mức tối thiểu và theo từng khu vực nông thôn hoặc đô thị. - Đối với hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc cơ sở chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên quy định thành một khoản riêng và bán kính hành lang bảo vệ nhỏ hơn tùy theo đặc điểm của công trình và điều kiện thực tế.	Yêu cầu đối với hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc thống nhất đối với các khu vực.	TP. HCM
	Khoản 4: Đề nghị sửa và đồng bộ về việc bảo vệ hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc với quy định tại Khoản 2 điều 38 Luật Đo đạc và Bản đồ: <i>“Trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc, khi xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc làm ảnh hưởng đến công trình hạ tầng đo đạc, chủ sở hữu công trình kiến trúc, người sử dụng đất phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”</i>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Nam Định

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	Điểm a khoản 4: sửa cụm từ “trồng cây lâu năm che chắn công trình hạ tầng đo đạc” thành “trồng cây có tán lá che khuất công trình hạ tầng đo đạc, trồng cây lâu năm che chắn công trình; đào, đắp; lắp đặt các yếu tố gây ảnh hưởng đến thu phát vệ tinh (như: cột ăng ten, trạm viễn thông, đường điện cao thế,...) và các hoạt động khác làm ảnh hưởng đến sự ổn định của công trình”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Yên Bái, Nghệ An
	Điểm a khoản 4: Nội dung quy định còn chung chung, kiến nghị quy định chi tiết cho từng loại công trình đo đạc để thực hiện trong thực tế.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bình Thuận
	Điểm a khoản 4: Đề nghị sửa thành a) Trong phạm vi hành lang bảo vệ trạm định vị vệ tinh không xây dựng mới công trình, nhà cao tầng, trồng cây lâu năm che chắn công trình hạ tầng đo đạc; đào, đắp và các hoạt động khác làm ảnh hưởng đến sự ổn định của công trình; trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc khác hạn chế xây dựng mới công trình, kiến trúc; trồng cây, đào, đắp và các hoạt động khác làm ảnh hưởng đến sự ổn định của công trình; khi xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc làm ảnh hưởng đến công trình hạ tầng đo đạc, chủ sở hữu công trình kiến trúc, người sử dụng đất phải báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	TP. HCM
Điều 16	Đề nghị BTNMT ban hành quy định bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc để thống nhất cho các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ NNPTNT
	Khoản 1: Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định để thống nhất thực hiện.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bình Thuận
	Bỏ khoản 1 vì đã được giao tại Điều 27 của Luật ĐĐ&BD.		
	Khoản 1: bỏ cụm từ “Chủ tịch” để chuyển thẩm quyền ban hành thành UBND tỉnh làm tăng hiệu lực pháp lý	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Hà Tĩnh
	Khoản 1: Đề nghị sửa thành “1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành quy định về bảo vệ cho từng loại công trình hạ tầng đo đạc theo từng chuyên ngành thống nhất trên cả nước”. Lý do là để thống nhất các quy định về bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc trên phạm vi cả nước.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Quảng Ninh

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	Khoản 3: Nên sửa lại như sau: “Người dân khi phát hiện công trình hạ tầng đo đạc bị phá hoại hoặc hành lang bảo vệ công trình đo đạc bị vi phạm có trách nhiệm thông báo kịp thời với chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thái Bình, Long An, Bình Thuận.
	<p>- Khoản 3: Đề nghị bỏ vì Khoản 1 Điều 38 Luật Đo đạc và Bản đồ đã quy định:</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc, thông báo kịp thời với chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi phát hiện công trình hạ tầng đo đạc bị hư hỏng, phá hoại hoặc có nguy cơ bị hư hỏng, phá hoại.</p> <p>- Đề nghị sửa đổi điểm d Khoản 5 vì Khoản 4 không có Điểm d và Điểm c Khoản 4 không quy định gì về thực hiện di dời mốc đo đạc, bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc.</p>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	TP, HCM
	Thêm khoản 4: “Các cơ quan tổ chức hiện đang quản lý công trình hạ tầng đo đạc chịu trách nhiệm bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để thống nhất quản lý bảo vệ theo quy định tại Khoản 4, Điều 38 Luật Đo đạc và bản đồ trước ngày 28/2/2019”.	Việc bàn giao sẽ thực hiện theo nhiều thời gian khác nhau tùy theo thời gian hoàn thành công trình hạ tầng đo đạc.	Hà Tĩnh
Điều 17	a) Cơ quan có thẩm quyền giao đất theo pháp luật về đất đai có trách nhiệm tổ chức rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc có trên diện tích đất dự kiến giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để làm căn cứ lập thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	TP. HCM
	Bổ sung nội dung quy định nguồn kinh phí di dời, phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc và phải cụ thể cho từng trường hợp như Dự thảo; cần thống nhất cơ quan thẩm định và cơ quan phê duyệt cho phù hợp.	Nội dung này đã quy định trong Dự thảo.	Bộ NNPTNT
	Phân định rõ trách nhiệm thực hiện việc di dời mốc đo đạc theo hướng: mốc đo đạc do cơ quan nào xây dựng, quản lý (Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc	Sở Tài nguyên và Môi trường lập dự án di dời mốc đo đạc là phù hợp vì	Long An

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam) thì cơ quan đó có trách nhiệm lập thiết kế kỹ thuật – dự toán để di dời. Kinh phí di dời do cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao đất chi trả.	Luật Đo đạc và bản đồ đã giao UBND cấp tỉnh quản lý.	
	Điểm a khoản 4 đề nghị chỉnh sửa cụm từ “ <i>Cơ quan có thẩm quyền giao đất có trách nhiệm tổ chức rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc có trên diện tích đất dự kiến giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Sở Tài nguyên và Môi trường....</i> ” Thành “ <i>Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin giao, thuê đất phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất giao, thuê có trách nhiệm thực hiện rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc có trên diện tích đất dự kiến xin giao, thuê đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường...</i> ”	Quy định như Dự thảo là phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.	Bắc Ninh
	Điểm a khoản 4: bổ sung cụm từ “chỉ đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” sau cụm từ “Cơ quan có thẩm quyền giao đất có trách nhiệm”.	Quy định như Dự thảo là phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.	Thái Bình
	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm c khoản 4: Sửa lại là: “Việc tổ chức thực hiện di dời mốc đo đạc, bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc thực hiện theo quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều này”. - Điểm d khoản 5: Nên sửa lại là: “Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và điểm a và b khoản 4 Điều này”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã tiếp thu, chỉnh sửa. - Đã tiếp thu, chỉnh sửa. 	Quảng Trị
	Đề nghị bỏ điểm d trong quy định tại điểm c khoản 4, điểm d khoản 5.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Thanh Hóa
	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm c khoản 4: Đề nghị điều chỉnh thành “<i>Việc tổ chức ... điểm c và d khoản 5 Điều này</i>”. - Điểm d khoản 5: “<i>Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc ... điểm c và d khoản 4 Điều này</i>”. Đề nghị xem xét lại: + Khoản 4 Điều này không có điểm d; + Điểm c khoản 4 quy định thực hiện theo quy định tại điểm c và d khoản 5 	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Đà Nẵng

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>Điều này. Tuy nhiên, điểm d khoản 5 Điều này lại quy định thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;</p> <p>+ Điểm d khoản 5 quy định việc bàn giao kết quả di dời thực hiện theo khoản 7 Điều 36 Luật Đo đạc và Bản đồ. Tuy nhiên, khoản 7 Điều 36 Luật Đo đạc và Bản đồ quy định việc bàn giao hiện trạng mốc đo đạc. Vì vậy, cần nêu rõ thêm việc xây dựng và hoàn thành mốc đo đạc sau khi di dời thực hiện theo khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và Bản đồ.</p> <p>- Điểm c khoản 7 quy định “UBND cấp tỉnh tổ chức lập dự án di dời trạm định vị vệ tinh quốc gia và phê duyệt dự án”, nhưng điểm d khoản 7 lại quy định “UBND cấp tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức di dời trạm định vị vệ tinh quốc gia”. Trong khi đó tại điểm b khoản 1 Điều 12 quy định: “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và tổ chức triển khai đề án, dự án, nhiệm vụ xây dựng trạm định vị vệ tinh quốc gia... Đề nghị xem xét lại các điểm này cho phù hợp.</p>	<p>- Quy định như Dự thảo là phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.</p>	
	<p>- Điểm c khoản 4: Đề xuất sửa lại như sau: “Việc tổ chức thực hiện di dời mốc đo đạc, bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc thực hiện theo quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều này.</p> <p>- Điểm d khoản 5: Đề xuất sửa lại như sau “Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và Bản đồ và tại điểm a và b khoản 4 Điều này”.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p>	<p>Nghệ An</p>
	<p>- Điểm c khoản 4: Đề nghị xem xét chỉnh sửa như sau: “Việc tổ chức... thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này ” vì điểm d, khoản 4 Điều này chưa được quy định trong Dự thảo.</p> <p>- Điểm d khoản 5: Đề nghị xem xét chỉnh sửa như sau: “Sau khi hoàn thành... thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và điểm c khoản 4 Điều này” vì điểm d khoản 4 Điều này chưa được quy định trong Dự thảo.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p>	<p>Điện Biên</p>
	<p>Dự thảo Nghị định nêu “Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài</p>	<p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p>	<p>Đồng Nai</p>

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>nguyên và Môi trường có trách nhiệm bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và điểm c và d khoản 4 Điều này”. Tuy nhiên, tại điểm c quy định về kinh phí thực hiện và tổ chức thực hiện, điểm d là điểm hiện hành đang quy định áp dụng.</p> <p>Mặt khác, tại khoản 7 Điều 36 quy định “chủ đầu tư phải ... bàn giao danh sách kèm theo hồ sơ vị trí mốc đo đạc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bàn giao cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh)”, điều này tại khoản 4 Điều 17 Dự thảo Nghị định quy định chưa phù hợp, vì Sở Tài nguyên và Môi trường lập thiết kế kỹ thuật - dự toán và tổ chức thực hiện thì sản phẩm đưa vào lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường, không thực hiện bàn giao cho UBND tỉnh như quy định tại khoản 7 Điều 36.</p> <p>Sở kiến nghị xem xét, nêu rõ hơn quy định tại khoản 4 Điều 17 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ để đảm bảo tính thống nhất với quy định của Luật Đo đạc và bản đồ.</p>	<p>- Sở vẫn phải bàn giao cho tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu của Sở theo quy định.</p> <p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p>	
	<p>Điểm c khoản 4 và điểm d khoản 5: rà soát, chỉnh sửa lại cụm từ dẫn chiếu “điểm c và d khoản 4 Điều này” cho phù hợp (việc chỉ dẫn theo các điểm và các khoản trong điều không đúng).</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p>	<p>Bắc Ninh, Long An, Ninh Bình, Sơn La, Thái Bình, Tiền Giang, Trà Vinh, Yên Bái, Vĩnh Phúc.</p>
	<p>Điểm a Khoản 5: bổ sung cụm từ “được giao đất, thuê đất” sau cụm từ “Cơ quan, tổ chức”,</p> <p>điểm c đề nghị sửa thành “Cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc có trách nhiệm chuyển kinh phí đã được phê duyệt theo thiết kế kỹ thuật - dự toán cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đồng thời thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tổ chức thực</p>	<p>- Xin bảo lưu như Dự thảo vì đã nêu rõ tại tiêu đề khoản.</p> <p>- Quy định như Dự thảo là hợp lý vì Sở TNMT là cơ quan có trách nhiệm tổ chức việc di dời.</p>	<p>Thái Bình</p>

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>hiện việc di dời mốc đo đạc”.</p> <p>Luật Đo đạc và bản đồ tại Điều 36 có quy định khi xây dựng công trình đo đạc phải thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất. Do vậy Tại điểm c khoản 5 đề nghị chỉnh sửa cụm từ “...trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc” thành “....Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc hoàn thành thủ tục về giao đất, cho thuê đất, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc”.</p> <p>Luật Đo đạc và Bản đồ tại các Điều 36, Điều 38 không quy định UBND tỉnh thực hiện việc xây dựng, vận hành, bảo trì trạm định vị vệ tinh quốc gia do vậy đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các Điểm c, Điểm d Khoản 7 như sau:</p> <p>- Tại điểm “c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập dự án di dời trạm định vị vệ tinh quốc gia, gửi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xem xét, cho ý kiến trước khi phê duyệt dự án;” đề nghị sửa thành “c) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập dự án di dời trạm định vị vệ tinh quốc gia, gửi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xem xét, cho ý kiến trước khi phê duyệt dự án”.</p> <p>- Tại Điểm “d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam tổ chức việc di dời trạm định vị vệ tinh quốc gia” đề nghị sửa thành “d) Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc di dời trạm định vị vệ tinh quốc gia”.</p>	<p>Việc di dời công trình hạ tầng đo đạc chỉ liên quan đến kinh phí di dời, không phụ thuộc vào thủ tục về giao đất, cho thuê đất.</p> <p>- Việc thu hồi đất, giao đất, phê duyệt phương án đền bù để di dời trạm Định vị vệ tinh thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh.</p> <p>- Việc thu hồi đất, giao đất, phê duyệt phương án đền bù để di dời trạm Định vị vệ tinh thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh.</p>	<p>Bắc Ninh</p> <p>Bắc Ninh</p>
Chương V	LƯU TRỮ, BẢO MẬT, CUNG CẤP, TRAO ĐỔI, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ		
	Tên Chương sửa lại thành: ”XÂY DỰNG HẠ TẦNG DỮ LIỆU KHÔNG GIAN ĐỊA LÝ QUỐC GIA VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ”	Tên chương theo đúng nội dung Luật ĐĐBĐ giao Chính phủ quy định.	Hà Tĩnh

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
Điều 18	Luật Lưu trữ quy định cụ thể quy trình thực hiện việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu lưu trữ nói chung, trong đó yêu cầu việc thành lập Hội đồng xác định giá trị tài liệu để thẩm định các giá trị tài liệu trước khi tiêu hủy..., do đó, đề nghị rà soát nội dung này với pháp luật về lưu trữ để bảo đảm quy định thống nhất.	Dự thảo đã quy định phù hợp.	Bộ Tư pháp
	Điểm d khoản 2 sửa lỗi chính tả (dữ liệu tăng dày khối đo vẽ ảnh - dữ liệu tăng dày khối đo vẽ ảnh).	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Vĩnh Phúc
Điều 19	Cần quy định rõ Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ nào thuộc danh mục bí mật nhà nước khi cung cấp, trao đổi qua mạng Internet phải mã hóa. Danh mục nào được lưu hành rộng rãi.	Danh mục Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được lưu hành rộng rãi đã được quy định trong Luật ĐDBĐ.	Quảng Bình, Quảng Trị
	Bổ sung thêm một khoản quy định " <i>Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của các bộ chủ quản</i> ".	Việc cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ không phân biệt thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản và chuyên ngành.	Bộ Quốc phòng
Điều 20	Luật Tiếp cận thông tin quy định tương đối cụ thể việc tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức như hình thức yêu cầu cung cấp thông tin, hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu, tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin..., do đó, Bộ Tư pháp cho rằng, nếu không có quy định mới về trình tự, thủ tục yêu cầu và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân, tổ chức thì nên có quy định dẫn chiếu thực hiện theo pháp luật về tiếp cận thông tin mà không quy định nội dung khoản 5, 6 và 7.	Dự thảo chỉ quy định đối với thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ là tài sản công.	Bộ Tư pháp
	Khoản 7: Đề nghị quy định rõ thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.	Đã quy định cung cấp ngay trong ngày làm việc.	Bộ NNPTNT
Điều 22	Cuối khoản 1 bổ sung cụm từ: " <i>Dữ liệu số có giá trị như bản giấy</i> ".	Đã quy định trong Luật ĐDBĐ	Hà Tĩnh
	- Khoản 4: Đề nghị sửa lại như sau: " <i>Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ là tài sản công phải trả phí theo quy định của pháp luật</i> ".	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ Tài chính

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>về phí, lệ phí; sử dụng sản phẩm là xuất bản phẩm bản đồ phải trả tiền theo quy định của pháp luật về giá, trừ sản phẩm xuất bản phẩm bản đồ do nhà nước bảo đảm kinh phí được phát không thu tiền theo quy định (nếu có).</p> <p>- Khoản 5: Liên quan đến nội dung này, ngày 03/8/2018, Bộ Tài chính đã có công văn số 9277/BTC-CST đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ có chuyển sang thực hiện theo cơ chế giá (chi phí) hay không?</p> <p>+ Trường hợp chuyển sang cơ chế giá: Đề nghị có ý kiến gửi Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.</p> <p>+ Trường hợp vẫn giữ quy định thu phí: Đề nghị xem xét căn cứ pháp lý; nghiên cứu kiến nghị miễn, giảm phí của Bộ Quốc phòng; đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư số 196/2016/TT-BTC; gửi Bộ Tài chính và phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung theo quy định.</p>	<p>- Nội dung này đã tiếp thu tại khoản 4.</p> <p>- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 196/2016/TT-BTC cho phù hợp với Luật ĐĐBĐ và Luật Phí và lệ phí.</p>	
	<p>Khoản 5 bổ sung, sửa lại thành: "Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về chi phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ là tài sản công quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều 39 của Luật Đo đạc và bản đồ; quy định về miễn, giảm phí, lệ phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích thanh tra, xử lý khiếu nại, tranh chấp quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai."</p>	<p>Quy định về miễn, giảm phí, lệ phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ đã được quy định trong Luật ĐĐBĐ.</p>	Hà Tĩnh
	<p>Khoản 5: Kiến nghị sửa lại là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định để thống nhất với các loại phí, lệ phí khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo Luật Phí và Lệ phí.</p>	<p>Các loại phí, lệ phí khác không thuộc quy định của Nghị định này.</p>	Bình Thuận
	<p>Thêm khoản 6: "Kho bạc nhà nước kiểm soát đầu cuối việc khai thác dữ liệu bản đồ, nhập kho sản phẩm đo đạc bản đồ"</p>	<p>Các quy định tại Điều này đã đảm bảo kiểm soát việc khai thác dữ liệu bản đồ.</p>	Hà Tĩnh

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
Chương VI	XÂY DỰNG HẠ TẦNG DỮ LIỆU KHÔNG GIAN ĐỊA LÝ QUỐC GIA		
	Đề nghị bổ sung nội dung cập nhật CSDL nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia.	Đã quy định trong Dự thảo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Điều 24	<ul style="list-style-type: none"> - Cân nhắc việc thành lập UB NSDI. - Bổ sung quy định thời gian hoàn thành xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia. 	<p>Việc xây dựng NSDI liên quan đến tất cả các bộ, ngành, địa phương, việc thành lập Ủy ban Điều phối NSDI là cần thiết để thống nhất hoạt động chung, tránh chồng chéo; thành viên Ủy ban hoạt động kiêm nhiệm, không làm tăng biên chế;</p> <p>- Tiếp thu, bổ sung tại Điều 23.</p>	Bộ Nội vụ
Điều 25	Tên Điều sửa lại thành “Chính sách, nguồn lực để xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ dùng chung”	Trong hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đã bao gồm cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ	Hà Tĩnh
	Điều a khoản 1: sửa lại thành “Nhà nước đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; Cấp tỉnh, cấp Trung ương tập trung hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ trước năm 2021”.	- Đã tổng hợp, bổ sung tại Điều 23.	Hà Tĩnh
Điều 26	Tên Điều bổ sung, sửa lại thành: ”Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, qui chuẩn định mức Kinh tế kỹ thuật trong đo đạc và bản đồ”.	Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia liên quan đến nhiều lĩnh vực, không chỉ đối với lĩnh vực đo đạc và bản đồ. Nguyên tắc áp dụng được quy định cụ thể trong các tiêu chuẩn, qui chuẩn định mức Kinh tế kỹ thuật.	Hà Tĩnh

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	Thêm khoản 4: ” Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật: Các nội dung đo đạc, bản đồ không có qui định riêng được phép áp dụng qui định, qui chuẩn, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật tương đương”.	Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật phải thực hiện theo đúng quy định.	Hà Tĩnh
Điều 27	Khoản 1: bổ sung, sửa lại thành: ”Nguyên tắc xây dựng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành có nội dung bản đồ: Mỗi loại dữ liệu không gian địa lý chỉ do một cơ quan tổ chức thu nhận, cập nhật và được lưu giữ ở nơi có thể duy trì hiệu quả nhất. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành có nội dung bản đồ phải xây dựng trên nền dữ liệu không gian địa lý quốc gia và đảm bảo thống nhất, kết nối, tích hợp với hệ thống này”.	Xin bảo lưu như Dự thảo vì nội dung này đã được quy định trong Luật ĐDBĐ.	Hà Tĩnh
	<p>- Điểm b khoản 2: Đề nghị xem xét chỉnh như sau: “b) Xây dựng dữ liệu bản đồ chuyên ngành quy định tại điểm c, d, k, khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ”.</p> <p>- Điểm a khoản 3: Đề nghị xem xét chỉnh như sau: “a) Dữ liệu bản đồ chuyên ngành quy định tại điểm đ, e, k khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ”.</p>	<p>Quy định như Dự thảo là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Dữ liệu bản đồ về cứu hộ, cứu nạn tại điểm k khoản 3 Điều 45 Luật ĐDBĐ do nhiều bộ, ngành và địa phương thực hiện.</p>	Điện Biên
	Điểm c và điểm d khoản 3: Đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung thêm quy định trách nhiệm của cấp xây dựng: “ <i>Dữ liệu bản đồ điều tra, đánh giá tài nguyên nước và Dữ liệu bản đồ địa chất, khoáng sản</i> ”	Đã quy định trong Dự thảo Nghị định.	Điện Biên
	<p>- Điểm a khoản 4: Đề nghị chỉnh sửa trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong tổ chức xây dựng dữ liệu như sau: ”Dữ liệu bản đồ quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thuộc phạm vi quản lý” do công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, nông thôn đã được phân cấp đến các địa phương;</p> <p>- Bổ sung nội dung xây dựng dữ liệu bản đồ chuyên ngành khác trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>- Khoản 8: Bổ sung trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong tổ chức xây dựng, lưu trữ dữ liệu bản đồ quy hoạch đô thị, nông thôn, chuyên ngành khác trên địa bàn quản lý.</p>	<p>- Dự thảo quy định phù hợp với Luật Quy hoạch.</p> <p>- Các loại dữ liệu bản đồ chuyên ngành khác trong lĩnh vực xây dựng Luật không quy định.</p> <p>- Dự thảo quy định phù hợp với Luật Quy hoạch.</p>	Bộ Xây dựng

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	Bổ sung nội dung quy định nguồn kinh phí để xây dựng, tích hợp dữ liệu không gian địa lý.	Kinh phí để xây dựng, tích hợp dữ liệu không gian địa lý đã được quy định trong Luật ĐDBĐ và quy định của pháp luật khác có liên quan.	Bộ NNPTNT
	Xem xét, lược bỏ các quy định khoản 5 và khoản 7 Điều 27.	Cần thiết phải quy định để đảm bảo việc tích hợp đầy đủ vào dữ liệu không gian địa lý quốc gia.	Bộ GTVT
	Điểm a khoản 8: Bổ sung thêm điểm c) Dữ liệu bản đồ điều tra, đánh giá tài nguyên nước và d) Dữ liệu bản đồ địa chất, khoáng sản để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng.	Dự thảo quy định phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các Bộ và UBND cấp tỉnh.	Sơn La
	Đề nghị quy định bổ sung cơ quan có trách nhiệm xây dựng dữ liệu bản đồ chuyên ngành về cứu hộ, cứu nạn để đảm bảo sự phù hợp với điểm k khoản 3 Điều 45 của Luật Đo đạc và bản đồ.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Thanh Hóa
Điều 28	Khoản 3: Sửa lại thành: “Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đảm bảo dữ liệu không gian địa lý được giao trách nhiệm tổ chức xây dựng quy định tại Điều 27 của Nghị định này và các Cơ sở dữ liệu có bản đồ phải được kết nối, tích hợp với Công thông tin không gian địa lý Việt Nam.	Chỉ có dữ liệu không gian địa lý được giao trách nhiệm tổ chức xây dựng quy định tại Điều 27 của Nghị định này mới kết nối, tích hợp với Công thông tin không gian địa lý Việt Nam.	Hà Tĩnh
Chương VII	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ		
	Đề nghị bổ sung điều khoản quy định cụ thể các trường hợp bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề để có cơ sở ràng buộc với giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.	Luật ĐDBĐ đã quy định vấn đề này và Nghị định không được bổ sung quy định khác.	Nam Định
	Cần quy định rõ Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp cho Tổng công ty có các Chi nhánh trực thuộc thì có cấp cho chi nhánh, Văn phòng đại diện (có tài khoản, có con dấu, trụ sở riêng, có đủ nhân lực chuyên môn) của Tổng	Luật ĐDBĐ đã quy định mỗi tổ chức được cấp một Giấy phép; việc sử dụng và ủy quyền sử dụng thực hiện	Sơn La

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	công ty hay không? Nếu không thì cần quy định rõ việc sử dụng giấy phép của Công ty là như thế nào? Giấy phép cấp cho Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh thì các Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại các huyện có được Ủy quyền thực hiện các nội dung trong giấy phép đã cấp cho Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh hay không?	theo pháp luật có liên quan.	
	<p>Tại khoản 1 Điều 51 Luật Đo đạc và bản đồ quy định, “Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp cho tổ chức kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ thuộc Danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép theo quy định của Chính phủ”. Tại Điều 56 Luật Đo đạc và bản đồ quy định “Quyền và nghĩa vụ của cá nhân hành nghề độc lập về đo đạc và bản đồ”.</p> <p>Từ quy định tại Điều 51 cho thấy Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ chỉ được cấp cho tổ chức, không cấp cho cá nhân, nhưng Điều 56 vẫn cho phép cá nhân hành nghề độc lập. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai kiến nghị xem xét quy định cụ thể nội dung hoạt động đo đạc bản đồ của cá nhân để thuận lợi trong việc áp dụng thực tế</p>	Luật ĐDBĐ đã quy định Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp cho tổ chức, chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ cấp cho cá nhân.	Đồng Nai
	Về việc đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ, các qui định hiện hành không yêu cầu đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ. Tuy nhiên qua thực tế quản lý tại địa phương, nếu các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các đơn vị đo đạc có trụ sở chính ở ngoài tỉnh không thực hiện đăng ký thì địa phương không quản lý được hoạt động, sản phẩm thực hiện không đáp ứng yêu cầu sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước tại địa phương	Dự thảo đã quy định mỗi tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ chỉ đăng ký tại địa phương nơi có trụ sở chính, tất cả các tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đều phải đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.	Đồng Nai, Long An
	Đề nghị bổ sung trách nhiệm pháp lý của tổ chức đối với sản phẩm đo đạc bản đồ do đơn vị có giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ thực hiện	Trách nhiệm của tổ chức đối với sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.	Hà Tĩnh
	Bổ sung quy định về điều kiện để được xét duyệt các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ khi cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.	- Điều kiện cấp giấy phép hoạt động	Bình Dương

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	Lý do: Theo Điều 29 Nghị định này thì có 16 nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép. Tuy nhiên, hiện chưa có quy định cụ thể điều kiện để được xét duyệt, cấp phép từng nội dung hoạt động. Do đó, khi các tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với số lượng nội dung khác nhau thì thiếu cơ sở để xác định.	đo đạc và bản đồ đã được quy định tại Luật ĐĐBĐ; - Để cấp giấy phép cho từng nội dung cấp quy định tại Điều 29 Dự thảo Nghị định này thì căn cứ vào Điều 52 của Luật ĐĐBĐ và quy định tại Điều này là đủ cơ sở để xác định.	
Điều 29	Đề nghị bỏ khoản 1 và khoản 2 vì đây là những hoạt động của cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực tài chính, ngân sách và đo đạc và bản đồ.	Cơ quan nhà nước không trực tiếp thực hiện các nội dung này, chỉ thực hiện công tác thẩm định.	Bộ Nội vụ
	Khoản 1 Điều 51 Luật Đo đạc và Bản đồ giao Chính phủ quy định danh mục đo đạc và bản đồ phải có giấy phép, do đó, đề nghị cần rà soát kỹ danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ cần phải cấp phép, những hoạt động không cần, Ví dụ như hoạt động thu nhận dữ liệu ảnh hàng không, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám... là cần cân nhắc thêm phải có giấy phép hay không, để bảo đảm đơn giản thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và cũng là phù hợp với chủ trương cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018.	Dự thảo đã quy định căn cứ yêu cầu nội dung hoạt động cần có giấy phép.	Bộ Tư pháp
	- Khoản 1: Khi cấp giấy phép nên ghi rõ nội dung cụ thể theo yêu cầu được cấp tại mục 3 trở đi vì đơn vị chỉ đăng ký đo đạc thành lập bản đồ địa chính không có chuyên môn đo địa hình thì lập thế nào được - Khoản 2: Khi cấp giấy phép nên ghi rõ nội dung cụ thể theo yêu cầu được cấp tại mục 3 trở đi vì đơn vị kiểm tra nghiệm thu chỉ có chuyên môn đo đạc thành lập bản đồ địa chính không có chuyên môn đo địa hình thì kiểm tra sao được	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa. - Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Quảng Bình
	- Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu làm rõ hơn: + Việc cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho đo đạc bản đồ địa chính và đo đạc bản đồ cơ bản.	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Quảng Trị

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>+ Giấy phép có danh mục kiểm tra chất lượng công trình sản phẩm về đo đạc và bản đồ nên tập trung vào đo đạc cơ bản và đo đạc địa chính chính quy (đo đạc địa chính tập trung theo đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh); riêng việc kiểm tra chất lượng sản phẩm địa chính khi trích đo, đo đạc bổ sung, chỉnh lý khu đất, thửa đất, nội dung này là trách nhiệm kiểm tra của cán bộ địa chính các cấp.</p> <p>- Khoản 1, khoản 2, cần sửa lại là: “1. Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ theo nhu cầu và năng lực, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm tra hoặc thẩm định”. “2. Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ theo nhu cầu và năng lực, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm tra hoặc thẩm định”.</p> <p>Lý do: Lĩnh vực đo đạc và bản đồ rất rộng mà các tổ chức, cá nhân xin cấp phép chỉ có một số danh mục theo năng lực.</p>	<p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>- Điều này chỉ quy định danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép.</p>	
	<p>Tại các khoản 7, 14, 15: Theo quy định tại Điều 73 Luật Xây dựng 2014, khảo sát xây dựng bao gồm khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát hiện trạng công trình. Điều kiện, năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trong lĩnh vực này đã được quy định tại Luật Xây dựng và các VBQPPL hướng dẫn thi hành Luật. Do đó, để tránh chồng chéo trong quản lý, thực hiện, đề nghị Nghị định này không quy định hoạt động đo đạc công trình trong danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép; đồng thời quy định rõ ”hoạt động đo đạc, thành lập bản đồ địa hình không bao gồm khảo sát địa hình để lập dự án và đầu tư xây dựng công trình”.</p>	<p>- Luật ĐĐBĐ và Dự thảo Nghị định này không có quy định về khảo sát địa hình.</p> <p>- Luật Xây dựng 2014 không có quy định về đo đạc công trình. Hiện nay, Chính phủ đang giao Bộ TNMT cấp giấy phép nội dung này.</p>	Bộ Xây dựng
	<p>- Khoản 2: Đề nghị chuyển là Thẩm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.</p> <p>- Đề nghị bổ sung danh mục Tư vấn giám sát đo đạc, thành lập bản đồ và đo đạc công trình.</p>	<p>- Thẩm tra không thuộc nội dung cấp giấy phép.</p> <p>- Nội dung giám sát là một công đoạn thuộc nội dung kiểm tra chất lượng sản phẩm.</p>	VINACOMIN

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	Khoản 2 đề nghị sửa thành: “2. Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ”;	Nghiệm thu là trách nhiệm của chủ đầu tư.	Nam Định
	Khoản 2 bổ sung, sửa lại thành: ”Kiểm tra, <u>thẩm tra</u> chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.”	Thẩm tra là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước.	Hà Tĩnh
	Khoản 6 bổ sung, sửa lại thành: ”Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý và <i>Cơ sở dữ liệu có bản đồ.</i> ”	Xin bảo lưu như Dự thảo vì không có khái niệm <i>Cơ sở dữ liệu có bản đồ.</i>	Hà Tĩnh
	Khoản 10 bổ sung, sửa lại thành: ”Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính”	Theo quy định của Luật ĐDBĐ, đo đạc, thành lập bản đồ địa chính đã bao gồm trích đo địa chính.	Hà Tĩnh
	Khoản 15 đề nghị sửa thành “15. Khảo sát địa hình; đo đạc công trình”	Luật ĐDBĐ không có quy định về khảo sát địa hình.	Nam Định
	- Thêm khoản 16: ”Đo đạc xác định tọa độ, chuyển tọa độ ra thực địa, xử lý dữ liệu đo đạc bản đồ; thành lập bản đồ chuyên ngành, chuyên đề”. - Dời Khoản 16 thành Khoản 17.	Các nội dung này thuộc các nội dung trong danh mục.	Hà Tĩnh
	Thêm Khoản 18: ”Việc xác định tiểu các danh mục trên do cơ quan cấp phép thực hiện”	Điều này chỉ xác định Danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép.	Hà Tĩnh
Điều 30	Khoản 1 bổ sung, sửa lại thành: ”Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp cho tổ chức được thực hiện theo quy định tại Điều 51 của Luật Đo đạc và bản đồ. Đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ Quản lý nhà nước có nội dung Đo đạc bản đồ cũng phải có giấy phép hoạt động Đo đạc bản đồ. Giấy phép có thời hạn là 05 năm, mỗi lần gia hạn là 05 năm.”	Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp cho tổ chức để thực hiện kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ.	Hà Tĩnh
Điều 31	Đề nghị bổ sung điều kiện cấp phép cho tổ chức khi có ít nhất 01 kỹ sư có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực xin cấp phép.	Dự thảo phù hợp với điều kiện cấp giấy phép theo quy định của Luật ĐDBĐ.	Bộ Quốc phòng
	Đủ các điều kiện theo Điều 52 Luật đo đạc và có tối thiểu 01 kỹ sư chuyên	Dự thảo phù hợp với điều kiện cấp	Công ty TNHH

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	ngành và 4 nhân viên kỹ thuật có trình độ trung cấp trở lên được đào tạo về đo đạc bản đồ phù hợp nội dung được cấp phép.	giấy phép theo quy định của Luật ĐĐBĐ.	MTV Trắc địa bản đồ
	Xem xét 04 nhân viên kỹ thuật có phải cấp chứng chỉ hành nghề không? Trong khi đó tại điểm b, khoản 4 Điều 53 của Luật đo đạc và bản đồ có cấp cho đối tượng này, vậy cấp để làm gì.	Không quy định bắt buộc đối với nhân viên làm việc trong các tổ chức. Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ cấp cho cá nhân khi hành nghề độc lập.	Thái Bình
	Cần xây dựng thành 02 khoản: Khoản 1 là nội dung như dự thảo; Bổ sung thêm Khoản 2 nội dung: “Tổ chức khi thành lập chi nhánh hoạt động độc lập phải có đủ các điều kiện như quy định tại Khoản 1 Điều này”. Vi thực tế hiện nay, các Chi nhánh của Tổ chức được cấp giấy phép thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ theo loại hình hạch toán độc lập thì năng lực tại chi nhánh không đủ như tại Tổ chức, khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thì không xử lý được Chi nhánh vì pháp luật chưa quy định, nếu xử lý Tổ chức thì khó khăn do ngoài địa giới hành chính của địa phương (ví dụ địa chỉ của tổ chức thì tại Hà Nội, Chi nhánh thì tại Tiền Giang)	Dự thảo quy định điều kiện cấp giấy phép cho tổ chức theo Luật ĐĐBĐ, không quy định cho các Chi nhánh.	Tiền Giang
	Sửa lại thành: ”Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc số lượng tối thiểu là 04 nhân viên kỹ thuật có trình độ trung cấp trở lên được đào tạo <i>chuyên môn</i> về đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung đề nghị cấp giấy phép.”	Dự thảo phù hợp với quy định của Luật ĐĐBĐ.	Hà Tĩnh
	Đề nghị sửa thành “Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 52 của Luật Đo đạc và bản đồ; có số lượng tối thiểu là mười (10) nhân viên kỹ thuật có chuyên ngành đào tạo về đo đạc và bản đồ (trong đó có ít nhất bốn (04) nhân viên kỹ thuật có chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II quy định tại Điều 53 của Luật Đo đạc và bản đồ), có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp giấy phép tối thiểu là một (01) năm, được tổ chức đề nghị cấp giấy phép đóng bảo hiểm tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép, không đồng thời là nhân viên của tổ chức khác có	Dự thảo phù hợp với quy định của Luật ĐĐBĐ.	Quảng Ninh

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>hoạt động đo đạc và bản đồ. Lý do: cần tối thiểu 10 nhân viên kỹ thuật (có hợp đồng lao động tối thiểu một năm với tổ chức đề nghị cấp giấy phép và được tổ chức này đóng bảo hiểm) mới đủ nguồn lực và đảm bảo sự ổn định cho tổ chức này hoạt động.</p>		
	<p>Cần có thêm giải trình, phân tích về căn cứ đưa ra con số 04 nhân viên kỹ thuật của tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ? Bởi vì đây là một trong những rào cản khá lớn cho doanh nghiệp khi muốn gia nhập vào lĩnh vực này.</p>	<p>04 nhân viên kỹ thuật là yêu cầu tối thiểu để thực hiện một nội dung thuộc danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải cấp giấy phép, phù hợp với định biên lao động trong hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.</p>	<p>Bộ Tư pháp, VCCI</p>
<p>Điều 32</p>	<p>Điểm c khoản 1: Đề nghị bổ sung quy định chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề còn thời hạn đối với các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p>	<p>An Giang</p>
	<p>Điểm đ khoản 1 đề nghị chỉnh sửa thành “Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ <i>gồm chứng từ mua bán, thuê hoặc chuyển giao thiết bị, công nghệ</i>”</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p>	<p>Long An</p>
	<p>Đề nghị đối với ”văn bản, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ” thì bản sao phải có chứng thực.</p>	<p>Xin bảo lưu như Dự thảo vì đã có việc thẩm định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>TP. HCM</p>
	<p>Quy định yêu cầu doanh nghiệp phải sở hữu các loại thiết bị này chưa phù hợp, bởi tùy tính chất kinh doanh doanh nghiệp có thể thuê các loại phương tiện này mà không nhất thiết phải sở hữu, miễn là khi thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ thì có các loại trang thiết bị phù hợp, thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Điều này cũng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát huy hiệu suất tốt nhất của thiết bị, sử dụng được thiết bị hiện đại và giảm giá thành. Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi quy định này theo hướng “giấy tờ</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p>	<p>VCCI</p>

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	chứng minh quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ” tại điểm đ khoản 1.		
Điều 33	<p>Đề nghị làm rõ việc thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ được thực hiện theo hai quy trình hay một quy trình, theo như quy định điểm a và b khoản 3 giao trách nhiệm cho Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định hồ sơ theo thẩm quyền thực hiện thẩm định, tuy nhiên, tại điểm b khoản 4 lại quy định trong thời hạn 02 ngày làm việc..., Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ của tổ chức theo quy định...đến Sở Tài nguyên và Môi trường qua dịch vụ... Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, gửi biên bản thẩm định hồ sơ... Như vậy, việc thẩm định sẽ thực hiện theo hai quy trình tại Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, sau đó sẽ gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường, hay Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ thực hiện thẩm định theo quy định điểm c khoản 3, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ.</p>	Dự thảo đã quy định phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật ĐĐBĐ. Việc cấp phép chỉ thực hiện theo 01 quy trình, Sở TNMT là cơ quan được Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam giao thẩm định hồ sơ đối với các tổ chức thuộc địa bàn quản lý.	Bộ Tư pháp
	<p>Quy định về trình tự thủ tục tại Điều này rất rườm rà, không hợp lý sẽ tạo nên khó khăn cho các tổ chức xin cấp phép do điều kiện đi lại cũng như gây mất nhiều thời gian. Đề nghị nghiên cứu kỹ, chỉnh sửa lại trình tự thủ tục theo hướng kế thừa Điều 12 của Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 và điều chỉnh bổ sung “Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức có đủ điều kiện, trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép thì trả lời bằng văn bản cho tổ chức biết lý do đồng thời thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam gửi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép qua dịch vụ bưu chính cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả kết quả cho tổ chức”</p> <p>Tương tự nghiên cứu, điều chỉnh Điều 34, 35, 36, 37 cho phù hợp theo hướng Sở Tài nguyên và Môi trường nơi tổ chức có trụ sở chính là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp mới, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt</p>	Quy định của Dự thảo phù hợp với quy định của Luật ĐĐBĐ. Đồng thời, dự thảo Nghị định đã quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện trực tuyến, không tăng chi phí và thời gian thực hiện thủ tục cấp giấy phép.	Long An

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	động đo đạc và bản đồ; sau đó chuyển hồ sơ cho Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam xem xét, quyết định. Khi có kết quả thì Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam gửi trả kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường qua dịch vụ bưu chính để thông báo cho tổ chức đến nhận kết quả.		
	Đề nghị điều chỉnh việc nộp hồ sơ đến “Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam” thành “Sở Tài nguyên và Môi trường” đối với các hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và đơn giản hóa thủ tục hành chính.	Quy định của Dự thảo phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ. Đồng thời, dự thảo Nghị định đã quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện trực tuyến, không tăng chi phí và thời gian thực hiện thủ tục cấp giấy phép.	Sóc Trăng
	Bổ sung nội dung quy định điều kiện cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; làm rõ quy định cơ quan cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ là cơ quan cũ đã cấp hay cơ quan mới khi tổ chức đã được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thay đổi trụ sở chính của tổ chức.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện cấp lại đã quy định cụ thể trong khoản 5 Điều 51 Luật ĐDBĐ. - Nội dung cấp đổi đã quy định cụ thể trong dự thảo Nghị định. 	Bộ NNPTNT
	Khoản 1, khoản 2: bổ sung nơi tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các hồ sơ của tổ chức không thuộc quy định tại điểm a Khoản này, nơi tổ chức có trụ sở chính như quy định hiện nay về vấn đề này	Quy định của Dự thảo phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ.	Cà Mau, Hà Nam, Nam Định, Bắc Kạn
	Khoản 1: Đề nghị bổ sung trường hợp nộp hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thẩm quyền thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường. Bổ sung thời gian thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định tại điểm a khoản 4 Điều 33.	Quy định của Dự thảo phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ.	Bình Thuận
	Khoản 2: Đề nghị việc tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện tại hai nơi gồm Cục đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam đối với đối tượng do cục thẩm định hồ sơ và tại địa phương đối với các đối tượng thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ để tạo điều kiện	Quy định của Dự thảo phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ.	Hà Nam, Thái Bình

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	cho tổ chức khi thực hiện cấp Giấy phép		
	Điểm c khoản 3: Đề nghị xem xét bỏ nội dung quy định thẩm định hồ sơ tại trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp phép; chỉnh sửa nơi nhận hồ sơ cấp bổ sung danh mục hoạt động, gia hạn, cấp lại là cơ quan đã cấp các loại giấy phép trên;	Thẩm định tại Trụ sở của tổ chức là cần thiết nhằm đảm bảo xác minh điều kiện cấp giấy phép.	Bộ NNPTNT
	Điểm c khoản 3: Chỉnh sửa cụm từ “... hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số... ban hành kèm theo Nghị định này” thành “... hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định này”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bắc Ninh, Tiền Giang, Yên Bái, Vĩnh Phúc
	Điểm c Khoản 3: Đề nghị sửa thành “Cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ tổ chức thẩm định với thành phần không quá 03 người để thẩm định hồ sơ tại trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp phép”. Lý do: để rút ngắn thủ tục hành chính không cần lập tổ thẩm định, cán bộ thẩm định phải chịu trách nhiệm với kết quả thẩm định của mình.	Việc thành lập tổ thẩm định để đảm bảo tính trách nhiệm và khách quan của việc thẩm định.	Quảng Ninh
	<p>- Điểm c khoản 3: “<i>Tổ thẩm định có trách nhiệm ... theo mẫu số ... ban hành kèm theo Nghị định này</i>”. Đề nghị bổ sung: theo mẫu số 15.</p> <p>- Điểm c khoản 3: “<i>Cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ thành lập Tổ thẩm định... Nội dung này đòi hỏi phải ban hành quyết định thành lập tổ thẩm định làm tăng thủ tục hành chính. Vì vậy, đề nghị sửa lại: “Cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ sử dụng bộ phận chuyên môn (hoặc các phòng, ban chuyên môn) để thẩm định hồ sơ...</i>”</p> <p>- Khoản 1 và khoản 4: Quy định như Dự thảo sẽ gây nhiều trở ngại cho tổ chức yêu cầu cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ. Do đó, đề nghị đối với trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường thì tổ chức sẽ nộp 02 bộ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 cho Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và thẩm định hồ sơ. Sau khi thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ gửi biên bản thẩm định hồ sơ</p>	<p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>- Việc thành lập tổ thẩm định để đảm bảo tính trách nhiệm và khách quan của việc thẩm định.</p> <p>- Quy định của Dự thảo phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ. Đồng thời, Dự thảo Nghị định đã quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt</p>	Đà Nẵng

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	và bộ hồ sơ đề nghị thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức về Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam xem xét cấp giấy phép theo quy định.	động đo đạc và bản đồ thực hiện trực tuyến, không tăng chi phí và thời gian thực hiện thủ tục cấp giấy phép.	
	<p>- Khoản 4: Có điểm a, c nhưng không có điểm b.</p> <p>- Trình tự thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: Sở nhận thấy quy định trình tự thủ tục theo quy định là rườm rà, mất thời gian. Do đó, đề nghị đối với các hồ sơ thuộc trách nhiệm thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường thì nên quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, Sở gửi đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam để cấp phép để nhằm rút ngắn thời gian và quy trình chuyên hồ sơ.</p> <p>- Điểm a, khoản 5: quy định “Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam ký giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức”. Đề nghị bổ sung cụm từ “đủ điều kiện cấp phép theo quy định” vào sau cụm từ “nhận được biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ”. Vì tất cả các biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (theo quy định trong dự thảo) đều phải gửi đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, trong đó có các biên bản thẩm định không đủ điều kiện cấp phép. Do đó, nếu quy định nhận được biên bản thẩm định Cục trưởng ký giấy phép là chưa chặt chẽ.</p>	<p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>- Quy định của Dự thảo phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ. Đồng thời, Dự thảo Nghị định đã quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện trực tuyến, không tăng chi phí và thời gian thực hiện thủ tục cấp giấy phép.</p> <p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p>	Bến Tre
	<p>Khoản 4: thường tổ chức được thẩm định sẽ hẹn ngày tập trung nhân lực, thiết bị để được đi thẩm định, nếu tổ chức hẹn tới gần ngày trả kết quả thì không đủ thời gian thực hiện.</p> <p>Do đó, đề nghị không tính thời gian từ ngày nhận hồ sơ tới ngày đi thẩm định vào thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (hồ sơ do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thẩm định) và thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ (hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định).</p>	Quy định như Dự thảo phù hợp với quy định của Nghị định số 45/2015/NĐ-CP.	TP. HCM

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	- Về Biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, đề nghị có mẫu biên bản thống nhất đối với trường hợp "Nếu đại diện cơ quan thẩm định ký tên nhưng không được phép đóng dấu thì phải có xác nhận và ký tên, đóng dấu của lãnh đạo cơ quan thẩm định".	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mẫu Biên bản thẩm định.	
	Điểm b khoản 4: đề nghị sửa thành "Trong thời hạn năm (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, lập biên bản thẩm định và gửi biên bản thẩm định kèm theo (01) hồ sơ cho Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam để cấp phép".	Quy định như Dự thảo là phù hợp với Luật ĐĐBĐ.	Hà Nam
Điều 34	Điểm a khoản 2: cơ quan soạn thảo quy định rõ "mẫu số mấy" ban hành kèm theo Nghị định này.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bắc Ninh, Cà Mau, Yên Bái, Vĩnh Phúc
	Điểm a khoản 2: "Việc nộp hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, ... theo mẫu số ... ban hành kèm Nghị định này". Đề nghị bổ sung: theo <i>mẫu số 15</i> .	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Đà Nẵng
	Điểm b khoản 2: bổ sung đầy đủ cụm từ "...của Nghị định này sau cụm từ "khoản 5 Điều 33"	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Cà Mau, Tiền Giang
	Đề nghị điều chỉnh việc nộp hồ sơ đến "Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam" thành "Sở Tài nguyên và Môi trường" đối với các hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và đơn giản hóa thủ tục hành chính.	Quy định của Dự thảo phù hợp với quy định của Luật ĐĐBĐ. Đồng thời, Dự thảo Nghị định đã quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện trực tuyến, không tăng chi phí và thời gian thực hiện thủ tục cấp giấy phép.	Sóc Trăng
Điều 35	Đề nghị làm rõ "phương tiện điện tử" là loại hình nào để đảm bảo tính xác thực của thông tin.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ Thông tin và Truyền thông
	Dự thảo quy định "trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử cho tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	VCCI

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>đặc và bản đồ về việc hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định”.</p> <p>Tuy nhiên, Dự thảo lại không quy định về khoảng thời gian xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, trong khi thời hạn để cơ quan xem xét giải quyết thủ tục lại tính từ thời điểm nhận hồ sơ hợp lệ. Việc thiếu vắng thời gian xem xét hồ sơ có thể xảy ra hiện tượng, cán bộ thực thi yêu cầu doanh nghiệp bổ sung và/hoặc điền hồ sơ nhiều lần, gây khó khăn cho các đối tượng thực hiện thủ tục. Mặt khác, trong các thủ tục khác tại Dự thảo, có quy định về khoảng thời gian này.</p> <p>Để đảm bảo tính minh bạch của thủ tục, <u>đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định về khoảng thời gian xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</p>		
	<p>Khoản 1: Đề nghị sửa thành như sau: “Trước khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết hạn tối thiểu 60 ngày, nếu tổ chức có nhu cầu gia hạn giấy phép đã được cấp thì gửi hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam để làm thủ tục gia hạn...”</p> <p>Đồng thời, dự thảo Nghị định không nêu rõ đối với trường hợp giấy phép không được gia hạn sau ngày giấy phép hết hạn thì xử lý như thế nào? Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung trường hợp này như sau: “Trường hợp Giấy phép không được gia hạn sau ngày Giấy phép hết hạn thì tổ chức phải chấm dứt kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ kể từ ngày giấy phép hết hạn. Trường hợp tổ chức có nhu cầu cấp mới Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thì phải làm thủ tục đề nghị cấp mới theo quy định tại Điều 32 của Nghị định này”.</p>	<p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>- Nội dung này đã quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	Bạc Liêu
Điều 37	Điểm a khoản 1 đề nghị sửa thành “Tổ chức có đề nghị cấp đổi khi thay đổi địa chỉ trụ sở chính”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Nam Định
	Đề nghị điều chỉnh: a) Tổ chức yêu cầu thay đổi địa chỉ trụ sở chính, điện thoại liên hệ, fax, Email, website, số quyết định thành lập tổ chức;	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	TP. HCM
	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm 1 khoản 1: Kiến nghị bỏ; - Bổ sung khoản 4 quy định về những trường hợp chỉ báo cáo việc thay đổi so với giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ để giảm bớt thủ tục hành chính. 	Các trường hợp cấp đổi giấy phép đã được quy định trong Luật ĐĐBĐ.	Bình Thuận

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>Điểm a khoản 1: Cần xem xét tính khả thi của quy định này vì Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ có thể thuê nhà để làm trụ sở chính, thời hạn thuê nhà phụ thuộc vào nhiều yếu tố, do vậy, nếu áp dụng quy định này thì Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ có thể phải thực hiện cấp đổi rất nhiều lần.</p> <p>Kiến nghị giữ nguyên quy định hiện hành được nêu tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, “tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ báo cáo bằng văn bản với Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đồng thời báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi tổ chức đóng trụ sở chính”.</p> <p>Việc cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cần bổ sung đối với tổ chức thay đổi tên.</p>	<p>- Điểm a khoản 1 chỉ quy định đổi với trường hợp khi tổ chức có yêu cầu.</p> <p>- Khi tên tổ chức thay đổi thì pháp nhân thay đổi, do đó phải làm thủ tục cấp mới giấy phép.</p>	Đồng Nai
	Đổi cụm từ ”của Bộ Tài Chính” thành ”hiện hành”	Quy định này phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài chính.	Hà Tĩnh
Điều 38	Đề nghị không thu phí đối với trường hợp cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do có sai sót thông tin, nội dung ghi trên giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi lỗi do cơ quan thẩm quyền cấp phép.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	TP. HCM
	<p>Tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí có quy định khoản thu phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; không quy định khoản thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.</p> <p>Trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21/4/2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.</p>		Bộ Tài chính

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>Để phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát dự thảo Nghị định; quy định đúng tên khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Luật phí và lệ phí (phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ); - Bỏ quy định thu lệ phí tại Điều 38 và Điều 51 dự thảo Nghị định. Vì nếu có được quy định tại Nghị định thì không đủ cơ sở pháp lý để Bộ Tài chính quy định thu 02 khoản lệ phí này. 	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	
Điều 39	<p>Đề nghị quy định thống nhất việc lưu trữ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ giữa Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường. Đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép quy định là hồ sơ sao từ hồ sơ đã nộp khi đề nghị cấp giấy phép.</p>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ NNPTNT
	<p>Khoản 1: bổ sung cụm từ “bản scan” sau cụm từ “lưu trữ” vì sau khi ký Giấy phép, Cục đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam gửi lại hồ sơ xin cấp Giấy phép về Sở Tài nguyên và Môi trường để lưu trữ đối với trường hợp hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định thì không có bản chính của đơn xin cấp Giấy phép để lưu trữ.</p>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Thái Bình
Điều 40	<p>Khoản 3: Sửa lỗi chính tả.</p>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Tiền Giang, Quảng Ngãi, Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ
	<p>Khoản 4: Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn việc quy định sau 01 năm (12 tháng) kể từ ngày bị thu hồi giấy phép, tổ chức bị thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ nếu có nhu cầu được làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép mới kèm theo báo cáo kết quả xử lý..., vì hiện nay pháp luật xử lý vi phạm hành chính và pháp luật đo đạc và bản đồ không quy định thời hạn sau bao lâu bị thu hồi mới được đề nghị cấp lại.</p>	Do kết quả hoạt động đo đạc và bản đồ làm cơ sở cho các hoạt động khác, nên đòi hỏi tính trung thực và có trách nhiệm cao khi thực hiện hoạt động; quy định như Dự thảo để đảm bảo tổ chức tránh vi phạm phải thu hồi giấy phép.	Bộ Tư pháp

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	Khoản 4 chỉnh sửa lại như sau "Sau 12 tháng kể từ ngày bị thu hồi giấy phép, tổ chức bị thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ nếu có nhu cầu được làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép, phải có báo cáo tình hình khắc phục, sửa chữa hết các vi phạm liên quan đến việc giấy phép bị thu hồi và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận".	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Yên Bái
Chương VIII	CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ		
Điều 42	Khoản 1: Đề nghị bỏ khoản điểm a và điểm b vì đây là những hoạt động của cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực tài chính, ngân sách và đo đạc và bản đồ.	Cơ quan nhà nước không trực tiếp thực hiện các nội dung này, chỉ thực hiện công tác thẩm định.	Bộ Nội vụ
	Điểm b khoản 1 đề nghị sửa thành: "b. Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ"	Nghiệm thu là trách nhiệm của chủ đầu tư.	Nam Định
	Điểm e khoản 1 và điểm e khoản 2 đề nghị sửa thành: "e. Khảo sát địa hình; đo đạc công trình"	Luật ĐDBĐ không có quy định về khảo sát địa hình.	Nam Định
	Khoản 2: Thiếu mục "c"	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ
	Theo điểm b khoản 1, Điều 52 Luật đo đạc và bản đồ có nêu "Người phụ trách kỹ thuật về đo đạc và bản đồ phải có trình độ đại học trở lên... có thời gian hoạt động thực tế ít nhất là 05 năm... hoặc có chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I...". Vì vậy, nội dung "Danh mục hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II" quy định tại khoản 2 Điều 42 là không có ý nghĩa, chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II, nếu được cấp cũng không bị ràng buộc bởi quy định nào trong Luật, hay dự thảo Nghị định. Không có nội dung nào yêu cầu phải sử dụng chứng chỉ hành nghề hạng II, để làm gì. Đề nghị Ban soạn thảo rà soát, điều chỉnh tổng thể quy định này	Quy định của Dự thảo là phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ.	Tiền Giang
	Khoản 1: - Cuối điểm d) thêm cụm từ: "Cơ sở dữ liệu có liên quan bản đồ."	Không có khái niệm <i>Cơ sở dữ liệu liên quan bản đồ</i> .	Hà Tĩnh

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm g) sửa thành: "g) Thành lập bản đồ chuyên ngành, <i>chuyên đề</i>, tập bản đồ." - Thêm điểm h): "h) Xử lý dữ liệu đo đạc, bản đồ, viễn thám." - Thêm điểm i): "i) Xây dựng cấu trúc, quan hệ, dữ liệu đo đạc và bản đồ; giải pháp xây dựng Cơ sở dữ liệu có bản đồ." - Thêm Điểm k): "k) Giảng dạy kiến thức về Đo đạc và bản đồ." 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ đã bao gồm nội dung này. - Danh mục này trùng lặp các nội dung đã quy định. - Danh mục này trùng lặp các nội dung đã quy định. - Danh mục này không thuộc hoạt động đo đạc và bản đồ. 	
	<p>Khoản 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuối điểm d) thêm cụm từ: "<i>Cơ sở dữ liệu có bản đồ.</i>" - Cuối điểm g) thêm cụm từ: "<u><i>Bản đồ chuyên đề.</i></u>" 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có khái niệm <i>Cơ sở dữ liệu có bản đồ.</i> - Bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ đã bao gồm nội dung này. 	Hà Tĩnh
	Khoản 3: Đề nghị bỏ điểm đ vì trùng với điểm a.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bến Tre
Điều 43	Khoản 2: bổ sung cụm từ “do Cục đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam phát hành” sau cụm từ “kèm theo Nghị định này”	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam không phát hành phối chứng chỉ hành nghề.	Thái Bình
Điều 44	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 3: Bổ sung, sửa lại thành: "Miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp đối với đo đạc bản đồ viên <i>có kinh nghiệm trong Quản lý nhà nước về Đo đạc Bản đồ ít nhất 20 năm hoặc được xếp hạng II</i> hoặc tương đương trở lên." - Điểm b khoản 3: sửa lại thành: "Miễn sát hạch kiến thức pháp luật về đo đạc và bản đồ đối với cá nhân có trình độ đại học <i>chính qui</i> trở lên chuyên ngành luật; cá nhân là Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký tổ soạn thảo của ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội hoặc Chính phủ <i>hoặc UBND tỉnh.</i>" 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo quy định phù hợp với quy định về ngạch, bậc chuyên môn hiện hành của công chức, viên chức, người lao động. - Dự thảo Nghị định phù hợp với quy định về bằng cấp; đối tượng được miễn sát hạch phù hợp với yêu cầu hiểu biết về pháp luật. 	Hà Tĩnh

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	Đề nghị bỏ quy định sát hạch nghề nghiệp và thay thế bằng quy định về hệ thống văn bằng, chứng chỉ và thời gian hoạt động thực tiễn.	Sự hiểu biết pháp luật và khả năng chuyên môn để thực hiện nội dung hành nghề cần được kiểm chứng thông qua sát hạch.	Bộ Nội vụ
	Kiến nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ tổ chức xét cấp chứng chỉ ba lần trong một năm.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	TP. HCM
	Đề nghị xem xét lại quy định cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ thông qua Hội đồng, nội dung sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề.	Quy định như Dự thảo phù hợp với quy định về cấp chứng chỉ hành nghề của các lĩnh vực khác, đảm bảo tính chặt chẽ và khách quan.	Bộ NNPTNT
	Quy định về Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, nội dung sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề như dự thảo là phức tạp và khó thực hiện trong thực tế. Kiến nghị sửa đổi lại theo hướng không thành lập Hội đồng mà do cơ quan cấp chứng chỉ sát hạch theo ngân hàng câu hỏi, cá nhân đáp ứng điểm theo yêu cầu thì được cấp chứng chỉ, những trường hợp cá nhân trong quá trình hoạt động không đáp ứng yêu cầu thì thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ tại Điều 50.	Quy định như Dự thảo phù hợp với quy định về cấp chứng chỉ hành nghề của các lĩnh vực khác, đảm bảo tính chặt chẽ và khách quan.	Bình Thuận
	Điểm a khoản 2: Sửa cụm từ “nghề nghiệp” thành “nghề nghiệp”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Trà Vinh
	Điểm c, d: Cần quy định số lượng câu hỏi sát hạch và thang điểm về phần lý thuyết thi chứng chỉ	Dự thảo đã quy định.	Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ
	Khoản 4 bổ sung, sửa lại thành:”Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ tổ chức xét cấp chứng chỉ ba lần trong một năm, ...”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Hà Tĩnh
Điều 45	Điểm b khoản 1: đề nghị bổ sung yêu cầu về giấy tờ chứng minh về hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký cư trú khi nộp hồ sơ	Nội dung này đã quy định trong mẫu đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.	Nam Định
	Điểm b Khoản 1: Cần quy định cụ thể thành viên Hội đồng tối thiểu và tối đa là bao nhiêu thành viên tránh trường hợp số thành viên nhiều quá hoặc ít quá	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Thái Bình

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>dẫn đến không thống nhất trong các địa phương</p> <p>Khoản 3: Nội dung “phù hợp với chương trình khung theo quy định của Bộ...” là còn chung chung, khó cho các địa phương thực hiện. Đề nghị bổ sung thêm 01 khoản tại điều này để giao trách nhiệm cho Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành chương trình khung và năng lực giảng viên... khi tổ chức bồi dưỡng kiến thức</p> <p>- Về cơ sở đào tạo: Theo quy định tại khoản 1 thì cơ sở đào tạo là các cơ sở thuộc cơ quan nhà nước (Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), “trường hợp cụ thể khác do Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, công nhận”. Quy định này là chưa rõ ở điểm: + Các cơ sở đào tạo thuộc cơ quan nhà nước là đương nhiên được công nhận hay là cũng do Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận? + Những “trường hợp cụ thể khác” có được hiểu là những tổ chức ngoài nhà nước có thể tham gia vào hoạt động bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ? Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ xem xét, công nhận dựa trên tiêu chí nào? Thủ tục công nhận như thế nào? Hình thức công nhận là như thế nào? Đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ những vấn đề trên.</p> <p>- Về điều kiện hoạt động: Khoản 2, 3 quy định về điều kiện giảng viên tham gia bồi dưỡng kiến thức, nội dung tài liệu giảng dạy. Các quy định này có tính nhất là điều kiện hoạt động của cơ sở đào tạo bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ và dường như chưa phù hợp với Luật Đo đạc và bản đồ. Khi Luật không quy định về các cơ sở này và cũng không trao quyền cho Nghị định quy định chi tiết. Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc bỏ quy định này để đảm bảo tính thống nhất.</p>	<p>Đã quy định trong Dự thảo.</p> <p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>- Đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p>	<p>Tiền Giang</p> <p>VCCI</p>
Điều 46	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa để quy định ngắn gọn các nội dung về các tệp tin chứa các ảnh, chứa các bản sao văn bản được ghi vào thiết bị lưu trữ cụ thể.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ NNPTNT
	Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đề nghị là hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử như đối với cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ để tổ chức có thể lựa chọn và ở địa phương thực hiện cho phù	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Thái Bình

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	<p>hợp với điều kiện của từng tỉnh</p> <p>Để thực hiện thủ tục đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ có thể gửi hồ sơ dạng giấy hoặc gửi hồ sơ trực tuyến qua mạng Internet, do đó đề nghị sửa lại các khoản 2, 3,4 ,5 như sau:</p> <p>2. Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp; giấy chứng nhận đủ sức khỏe hành nghề do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế cấp.</p> <p>3. Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp theo Mẫu số 18 ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp bồi dưỡng kiến thức về hoạt động đo đạc và bản đồ.</p> <p>5. Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính giấy tờ chứng minh là người được miễn sát hạch kiến thức chuyên môn, kiến thức pháp luật (nếu có).</p>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Thái Nguyên
Điều 47	Đề nghị làm rõ “phương tiện điện tử” là loại hình nào để đảm bảo tính xác thực của thông tin.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ Thông tin và Truyền thông
	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa để quy định ngắn gọn các nội dung về các tệp tin chứa các ảnh, chứa các bản sao văn bản được ghi vào thiết bị lưu trữ cụ thể.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ NNPTNT
	Điểm b, Khoản 1 đề nghị thay thế cụm từ ”đăng ký cư trú” bằng cụm từ ”đăng ký tạm trú”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	TP. HCM
	Khoản 6: Đề nghị sửa thành “Các trường hợp không đạt điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo danh sách, trong đó nêu rõ lý do không cấp chứng chỉ trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ”.	Quy định như Dự thảo là phù hợp.	Nam Định
	Khoản 5: Đề nghị sửa đổi như sau “Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ phát hành chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản	Dự thảo đã quy định.	Thái Nguyên

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	đồ, gửi chứng chỉ cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ”		
Điều 48	Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đề nghị là hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử như đối với cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ để tổ chức có thể lựa chọn và ở địa phương thực hiện cho phù hợp với điều kiện của từng tỉnh.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Thái Bình
	Dự thảo quy định “trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử cho tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ về việc hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định”. Tuy nhiên, Dự thảo lại không quy định về khoảng thời gian xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, trong khi thời hạn để cơ quan xem xét giải quyết thủ tục lại tính từ thời điểm nhận hồ sơ hợp lệ. Việc thiếu vắng thời gian xem xét hồ sơ có thể xảy ra hiện tượng, cán bộ thực thi yêu cầu doanh nghiệp bổ sung và/hoặc điền hồ sơ nhiều lần, gây khó khăn cho các đối tượng thực hiện thủ tục. Mặt khác, trong các thủ tục khác tại Dự thảo, có quy định về khoảng thời gian này. Để đảm bảo tính minh bạch của thủ tục, <u>đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định về khoảng thời gian xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.	Quy định như Dự thảo đã đầy đủ.	VCCI
Điều 49	Đề nghị làm rõ “phương tiện điện tử” là loại hình nào để đảm bảo tính xác thực của thông tin.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Bộ Thông tin và Truyền thông
	Khoản 2. Đề nghị sửa đổi: Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được cấp đổi trong các trường hợp chứng chỉ hành nghề bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được, khi cá nhân có yêu cầu thay đổi thông tin trong chứng chỉ hoặc do có sai lệch thông tin, nội dung ghi trên Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.	Quy định của Dự thảo phù hợp với Luật ĐĐBĐ.	TP.HCM
	Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đề nghị là hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử như đối với cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ để tổ chức có thể lựa chọn và ở địa phương thực hiện cho phù	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Thái Bình

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
	hợp với điều kiện của từng tỉnh.		
Điều 51	Đề nghị không thu phí đối với trường hợp cấp đổi Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do có sai sót thông tin, nội dung ghi trên Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ khi lỗi do cơ quan thẩm quyền cấp phép.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	TP.HCM
	Đổi cụm từ ”của Bộ Tài Chính” thành ”hiện hành”.	Quy định của Dự thảo phù hợp với chức năng của Bộ Tài chính.	Hà Tĩnh
Điều 53	Tên Điều: bổ sung, sửa thành: ”Phần mềm quản lý chứng chỉ hành nghề; Nội dung, thời điểm đăng tải thông tin của cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.”	Quy định của Dự thảo phù hợp với Luật ĐĐBĐ.	Hà Tĩnh
	Đề nghị điều chỉnh lại: “Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cấp chứng chỉ hành nghề, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đăng tải trên cổng thông tin của Sở và gửi báo cáo đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thông tin về cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ trên”.	Quy định của Dự thảo là phù hợp.	Quảng Trị
	Khoản 1 bổ sung, sửa lại thành: ”UBND cấp tỉnh xây dựng phần mềm quản lý chứng chỉ hành nghề đo đạc bản đồ theo thẩm quyền trong năm 2019....”.	Khoản này chỉ quy định về nội dung thông tin đăng tải.	Hà Tĩnh
	Điểm b khoản 2 đề nghị sửa thành: “Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày cấp chứng chỉ hành nghề, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đăng tải trên Cổng thông tin của Sở và gửi thông báo đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam để đăng trên Cổng thông tin của Cục về cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ”	Quy định của Dự thảo phù hợp.	Nam Định
	Điểm b khoản 2: đề nghị sửa thành “Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày cấp chứng chỉ hành nghề, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đăng tải trên Cổng thông tin của Sở thông tin về cá nhân được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ”	Quy định của Dự thảo phù hợp.	Bắc Ninh, Thái Nguyên
Chương IX	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		

Nội dung (Dự thảo 2)	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu	Cơ quan/đơn vị, địa phương góp ý kiến
Điều 55	<p>Điều 55 của dự thảo sửa thành Điều 56 và bổ sung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 sửa lại thành: ”Đối với các công trình thi công kéo dài nhiều năm mức độ công việc đạt tới 80% mà giấy phép đã hết hạn, nhưng sau khi hoàn thành nếu tổ chức đó không tiếp tục tham gia hoạt động đo đạc bản đồ thì giấy phép hiện tại được tự động gia hạn cho đến lúc hoàn thành (thời gian gia hạn không quá 06 tháng).” - Thêm Khoản 3: + Đề nghị bổ sung qui định chuyển tiếp việc sử dụng hệ tọa độ VN-2000, - Qui định chuyển tiếp cho đối tượng đang thực hiện như bản giao vị trí mốc và các Văn bản qui phạm pháp luật hiện chưa bãi bỏ” 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phải theo quy định của Luật ĐDBĐ. - Nội dung này không liên quan đến quy định của Nghị định này. - Nội dung này thực hiện theo điều khoản chuyển tiếp của Luật ĐDBĐ. 	Hà Tĩnh
	Bổ sung Điều khoản chuyển tiếp để hướng dẫn thực hiện đối với các trường hợp đã xây dựng công trình, nhà cao tầng, trồng cây lâu năm... trong phạm vi bán kính hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc.	Nội dung này đã quy định trong Dự thảo.	Bình Dương
	PHỤ LỤC		
	Đề nghị bổ sung Mẫu báo cáo hoạt động đo đạc và bản đồ hàng năm đối với cấp huyện và cấp xã	Quy định này thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh.	Bắc Ninh
	Đề nghị bổ sung mẫu báo cáo về việc xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc làm ảnh hưởng đến công trình hạ tầng đo đạc	Nội dung cơ bản của báo cáo đã được quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định này, không cần thiết phải bổ sung mẫu.	Nam Định
Mẫu số 02	Đề nghị sửa thành Báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường	Mẫu Báo cáo phù hợp với quy định của Luật ĐDBĐ.	Bắc Ninh
Mẫu số 15	Bổ sung chức danh cho thành phần thẩm định: “Chủ tịch hội đồng thẩm định và Thành viên.”	Thành phần của Tổ thẩm định được ghi cụ thể theo Quyết định thành lập Tổ thẩm định.	Hà Tĩnh
Mẫu số 18	Bổ sung cụm từ “Bản kê khai” thành “Bản kê khai kinh nghiệm nghề nghiệp”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa.	Cà Mau